

LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Đề tài:

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN CHO VAY VỐN TÍN DỤNG ĐẦU TƯ BẰNG VIỆT NAM ĐỒNG TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH KHU VỰC THỪA THIÊN HUẾ - QUẢNG TRỊ

Sinh viên thực hiện: Võ Thị Bích Phương

Lớp: K46 KTKT

L I C M N

hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này, trước hết tôi xin gửi lời cảm ơn đến Ban giám hiệu trường Đại học Kinh tế Huế và Khoa Kế toán Kiểm toán để tạo điều kiện cho tôi được làm khóa luận tốt nghiệp này, đây là một cơ hội tốt cho tôi có thể thực hành các kiến thức học trên lớp và bước đầu làm quen với môi trường bên ngoài.

Tôi xin gửi lời chân thành cảm ơn NG T. Phan Đình Ngân trong thời gian vừa qua đã nhiệt tình chỉ dẫn, giúp đỡ tôi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Tôi xin gửi lời cảm ơn Ban giám đốc, toàn thể nhân viên của Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị, đặc biệt là các anh chị cán bộ nhân viên phòng Kế toán Tài chính của Ngân hàng, những người trực tiếp hướng dẫn, chỉ dẫn cho tôi nhiều kinh nghiệm quý báu trong suốt thời gian thực tập tại đây.

Cuối cùng, tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến gia đình, bạn bè, những người thân đã luôn theo sát, giúp đỡ và ủng hộ tôi vượt mọi khó khăn.

Mặc dù có nhiều cố gắng nhưng do hạn chế về mặt thời gian cũng như kinh nghiệm thực tế nên tài liệu không tránh khỏi những thiếu sót nhất định.

Kính mong quý thầy cô tiếp tục bổ sung, góp ý để tài hoàn thiện hơn.

Một lần nữa tôi xin chân thành cảm ơn!

Huế, tháng 5 năm 2016

Sinh viên

Võ Thị Bích Phương

M U L T

L I C M N	i
DANH M C CH VI T T T.....	vii
DANH M C B NG, BI U S LI U	viii
DANH M C S , BI U	ix
TÓM T T TÀI NGHIÊN C U	x
PH N I: T V N	1
1. Lý do ch n tài.....	1
2. M c tiêu nghiên c u.....	2
3. i t ng nghiên c u.....	2
4. Ph m vi nghiên c u.....	2
5. Ph ng pháp nghiên c u.....	2
6. C u trúc c a tài.....	3
PH N II. N I DUNG VÀ K T QU NGHIÊN C U.....	4
CH NG 1 - C S LÝ LU NV CÔNG TÁC K TOÁN CHO VAY V N TÍN	
D NG U T T I NGÂN HÀNG.....	4
1.1. Tín d ng u t phát tri n c a Nhà n c.....	4
1.1.1. M t s khái ni m.....	4
1.1.1.1. Khái ni m v u t	4
1.1.1.2. Khái ni m u t phát tri n.....	4
1.1.1.3. Tín d ng u t phát tri n c a Nhà n c.....	5
1.1.2. c i m và phân lo i.....	5
1.1.2.1. c i m.....	5

1.1.2.2. Phân loại	6
1.1.3. Vai trò	6
1.2. Cho vay vốn tín dụng của Nhà nước.....	7
1.2.1. Khái niệm.....	7
1.2.2. Tính chất.....	7
1.2.3. Quy trình cho vay vốn tín dụng của Nhà nước.....	8
1.2.4. Phân biệt cho vay của Nhà nước và của Ngân hàng thương mại.....	10
1.3. Mối quan hệ giữa ngân hàng và các tổ chức tài chính.....	11
1.3.1. Khái niệm ngân hàng.....	11
1.3.2. Chức năng của ngân hàng.....	11
1.3.3. Vai trò của ngân hàng.....	12
1.3.4. Nhiệm vụ của ngân hàng.....	13
1.3.5. Các loại ngân hàng.....	14
1.4. Kế toán cho vay vốn tín dụng của Nhà nước.....	14
1.4.1. Khái niệm.....	14
1.4.2. Nhiệm vụ.....	14
1.4.3. Nguyên tắc cho vay TD - T.....	15
1.4.4. Chứng từ.....	15
1.4.4.1. Chứng từ ghi ngân.....	15
1.4.4.2. Chứng từ thu nhập, lãi.....	16
1.4.4.3. Chứng từ tính lãi.....	16
1.4.5. Tài khoản.....	16
1.4.5.1. Tài khoản cho vay dài hạn bằng VNĐ.....	16

1.4.5.2. Tài khoản thu lãi cho vay dài hạn TD T	19
1.4.5.3. Tài khoản lãi vay dài hạn chưa thu về ngân VN	19
1.4.6. Sổ sách và báo cáo kế toán	20
1.4.6.1. Sổ sách kế toán	20
1.4.6.2. Báo cáo kế toán	20
1.4.7. Phương pháp hạch toán	20
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHO VAY VÀ TÍN DỤNG ƯT BANG VIETNAM NG T I NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VI T NAM CHI NHÁNH KHU VỰC TH A THIÊN HƯ - QU NG TR	21
2.1. Tổng quan về Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Th a Thiên Hư - Qu ng Tr	21
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển	21
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ	22
2.1.3. Bộ máy nhân sự và cơ cấu tổ chức	23
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán	26
2.1.4.1. Tổ chức công tác kế toán	26
2.1.4.2. Tổ chức phòng kế toán	26
2.1.4.3. Hình thức kế toán áp dụng	27
2.1.5. Tình hình hoạt động qua 3 năm 2013-2015 tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Th a Thiên Hư - Qu ng Tr	30
2.1.5.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn	30
2.1.5.2. Kết quả hoạt động kinh doanh	33
2.1.5.3. Tình hình sử dụng vốn (theo cơ cấu tín dụng khách hàng)	35

2.2. Th c tr ng công tác k toán cho vay v n tín d ng u t b ng Vi t Nam ng t i Ngân hàng Phát tri n Vi t Nam chi nhánh khu v c Th a Thiên Hu - Qu ng Tr	37
2.2.1. Quy nh v cho vay tín d ng u t	37
2.2.2. Tình hình th c hi n cho vay v n tín d ng u t	41
2.2.3. Tình hình h ch toán cho vay v n tín d ng u t t i n v	46
2.2.3.1. K toán giai o n gi i ngân.....	46
2.2.3.2. K toán giai o n tính lãi	53
2.2.3.3. K toán giai o n thu n (g c và lãi)	57
2.2.4. H ch toán phân lo i n	64
2.2.5. L u tr và qu n lý h s cho vay	64
2.2.6. Vi c áp d ng công ngh thông tin vào công tác k toán cho vay.....	69
2.3. ánh giá công tác k toán cho vay v n tín d ng u t c a NHPT Vi t Nam chi nhánh khu v c Th a Thiên Hu - Qu ng Tr	70
2.3.1. ánh giá chung.....	70
2.3.2. ánh giá v công tác k toán cho vay v n tín d ng u t	71
2.3.2.1. u i m.....	71
2.3.3.2. Nh c i m.....	72
CH NG 3: M T S GI I PHÁP NH M HOÀN THI N CÔNG TÁC K TOÁN CHO VAY V N TÍN D NG U T T I NGÂN HÀNG PHÁT TRI N VI T NAM CHI NHÁNH KHU V C TH A THIÊN HU - QU NG TR	74
3.1. nh h ng phát tri n ho t ng cho vay v n tín d ng u t t i NHPT Vi t Nam n m 2016.....	74
3.2. Gi i pháp nâng cao công tác k toán cho vay v n tín d ng u t t i NHPT Vi t Nam chi nhánh khu v c Th a Thiên Hu - Qu ng Tr	76

3.2.1. Giới thiệu pháp chung.....	76
3.2.2. Giới thiệu pháp lý về công tác kế toán cho vay và tín dụng 77	
3.3. Kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán cho vay tại Ngân hàng phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị	80
3.3.1. Kiến nghị về Ngân hàng phát triển Việt Nam – Hồ sơ chính.....	80
3.3.2. Kiến nghị về NHNN và các ban ngành liên quan.	80
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	82
1. Kết luận	82
2. Kiến nghị	83
3. Hướng phát triển cá nhân tài.....	83

PHỤ LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TPT	Ưu tiên phát triển
NSNN	Ngân sách Nhà nước
TDĐT	Tín dụng ưu tiên
TDXK	Tín dụng xuất khẩu
CVĐT	Cho vay ưu tiên
HĐTD	Hợp đồng tín dụng
NHPT	Ngân hàng Phát triển
NHTM	Ngân hàng Thương mại
HSC	Hệ thống chính
TCKT	Tài chính kế toán
KTT	Kế toán trưởng
KTV	Kế toán viên
UNC	Ủy nhiệm chi
RRTD	Riêng rẽ tín dụng
DN	Doanh nghiệp
TSBTV	Tài sản bảo đảm tín dụng
TK	Tài khoản
SD	Sổ d
QLDM	Quy định danh mục
KT	Kế toán
BC	Báo cáo
SXKD	Sản xuất kinh doanh
BCTC	Báo cáo tài chính
CT	Chức vụ

DANH MỤC BẢNG, BIỂU SƠ LƯỢC

Bảng 1.1. Phân biệt cho vay ưu đãi của Nhà nước và của NHTM.

Bảng 2.1. Bảng cân đối kế toán của NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quy trình giai đoạn 2013 – 2015.

Bảng 2.2. Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh tài NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quy trình giai đoạn 2013 – 2015.

Bảng 2.3. Tình hình sử dụng vốn theo các chủ tín dụng KH của NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quy trình giai đoạn 2013 – 2015.

Bảng 2.4. Tình hình thực hiện cho vay tín dụng ưu đãi NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quy trình giai đoạn 2013 – 2015.

Biểu 2.1. Ý nghĩa chi khoản ghi ngân cho vay nghiệp vụ ví dụ 1

Biểu 2.2. Phiếu chuyển khoản ghi ngân cho vay nghiệp vụ ví dụ 1

Biểu 2.3. Lệnh thanh toán – nhập ngân cho vay nghiệp vụ ví dụ 1

Biểu 2.4. Phiếu nhập ngoại tệ ngân lãi vay dài hạn TD T chức thu nghiệp vụ ví dụ 2

Biểu 2.5. Phiếu tính lãi cho vay dài hạn TD T nghiệp vụ ví dụ 2

Biểu 2.6. Phiếu hạch toán tổng nghiệp vụ ví dụ 3

Biểu 2.7. Phiếu chuyển khoản thu nợ gốc nghiệp vụ ví dụ 3

Biểu 2.8. Phiếu chuyển khoản thu lãi nghiệp vụ ví dụ 4

Biểu 2.9. Phiếu xuất ngoại tệ ngân lãi vay dài hạn TD T chức thu nghiệp vụ ví dụ 4

Biểu 2.10. Sơ chi tiết tài khoản 213121 nghiệp vụ ví dụ 1

Biểu 2.11. Sơ chi tiết tài khoản 941521 nghiệp vụ ví dụ 2

Biểu 2.12. Sơ chi tiết tài khoản 213221 nghiệp vụ ví dụ 3

Biểu 2.13. Sơ chi tiết tài khoản 702131 nghiệp vụ ví dụ 4

DANH MỤC SỔ , BIỂU

S 1.1. Quy trình cho vay vốn TD T cá nhân

S 1.2. Hệ thống kế toán ngân hàng

S 2.1. Sơ đồ tổ chức NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế -
Quảng Trị

S 2.2. Sơ đồ tổ chức phòng kế toán

S 2.3. Hình thức kế toán trên máy vi tính

S 2.4. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán

Biểu 2.1. Tình hình sử dụng vốn theo các tiêu chí khách hàng tại NHPT Việt Nam chi
nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị giai đoạn 2013 – 2015

Biểu 2.2. Doanh số cho vay tại NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế -
Quảng Trị giai đoạn 2013 - 2015

Biểu 2.3. Doanh số thu nhập tại NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế -
Quảng Trị giai đoạn 2013 - 2015

Biểu 2.4. Doanh số thu nhập lãi tại NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế -
Quảng Trị giai đoạn 2013 – 2015

TÓM TẮT TÀI NGHIÊN CỨU

Sau gần 4 năm theo học chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán tài chính tại Học viện Kinh tế - Quản lý Tài chính và Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thái Bình Dương - Quảng Trị, tôi đã thực hiện các công việc nghiên cứu thực tiễn về kế toán cho vay tại chi nhánh. Chính nhờ vậy tôi đã có thể hoàn thiện khóa luận “**Thực trạng kế toán cho vay vốn tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thái Bình Dương - Quảng Trị**”. Khóa luận đã tổng quát những vấn đề như sau:

- Tổng quan về kế toán cho vay vốn tín dụng ưu đãi
- Phân tích tình hình huy động vốn, sử dụng vốn, các mặt hoạt động khác của ngân hàng phát triển của chi nhánh
- Tìm hiểu quy trình cho vay vốn tín dụng ưu đãi
- Thực trạng công tác kế toán cho vay vốn tín dụng ưu đãi
- Đánh giá công tác thực hiện và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cho vay vốn tín dụng ưu đãi tại chi nhánh

Có thể nói khóa luận không chỉ đề cập đến các bút toán mà còn phân tích trên sách vở mà nó đã bám sát thực tiễn quy trình cho vay tại chi nhánh, thực hiện đúng nguyên tắc, chu đáo do Nhà nước quy định. Từ đó đưa ra các giải pháp có thể hoàn thiện công tác thực tiễn kế toán cho vay tại chi nhánh nói riêng và hệ thống NHPT nói chung.

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu do hạn chế về thời gian và kiến thức nên khóa luận không tránh khỏi những sai sót nhất định. Kính mong quý thầy cô góp ý và chỉ bảo.

PHẦN I: TVN

1. Lý do chọn tài

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phát triển theo xu hướng hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới trên thị trường quốc tế. Kèm với sự phát triển kinh tế là các công trình, dự án lớn cần nhu cầu vốn đầu tư. Chính vì vậy, hoạt động cho vay vốn tín dụng là kênh cung ứng vốn quan trọng cho nền kinh tế. Nhu cầu vốn cho vay tín dụng đầu tư đã có những đóng góp nhất định trong việc thực hiện các dự án, thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, góp phần đa dạng hóa các hình thức huy động vốn cho vay đầu tư phát triển công nghiệp phát triển kinh tế - xã hội các địa phương.

Ngân hàng Phát triển chính là trung gian tài chính có vai trò then chốt trong hoạt động cho vay vốn tín dụng đầu tư, thông qua tài trợ trung và dài hạn cho các dự án phát triển – là các dự án cơ sở hạ tầng chi nhánh, thúc đẩy chuyển đổi cơ cấu kinh tế các ngành, vùng, lãnh thổ và chuyển đổi cơ cấu thu nhập các thành phần dân cư.

Bên cạnh đó, hoạt động tín dụng luôn gắn liền với rủi ro, đặc biệt là khoản tín dụng được cấp từ ngân sách nhà nước càng có vai trò lớn. Vì vậy công tác kiểm toán cho vay vốn tín dụng đầu tư của các ngân hàng cần chú trọng trong toàn bộ nghiệp vụ kiểm toán của ngân hàng. Thông qua quy trình nghiệp vụ, kiểm toán cho vay vốn tín dụng đã phản ánh một cách đầy đủ, chính xác các khoản cho vay, thu nhập, thu lãi, theo dõi và quản lý số dư nghiệp vụ tín dụng của ngân hàng, trên cơ sở đó, cung cấp thông tin phục vụ lãnh đạo, chi nhánh và quản lý vốn tín dụng một cách tập trung, có hiệu quả và ngày càng được nâng cao về mặt chất lượng.

Nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý công tác kiểm toán cho vay vốn tín dụng đầu tư trong hệ thống Ngân hàng Phát triển, tôi chọn đề tài **“Thực trạng kiểm toán cho vay vốn tín dụng đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị”** để thực hiện khóa luận tốt nghiệp cho tốt nghiệp chuyên ngành kế toán.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Hỗ trợ công nghệ ngân hàng và các biện pháp công tác kế toán cho vay vốn tín dụng xuất nhập Ngân hàng.

- Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán cho vay vốn tín dụng xuất nhập Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị.

- Chỉ ra những khuyết tật, những hạn chế và nguyên nhân trong công tác kế toán cho vay vốn tín dụng xuất nhập. Qua đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán cho vay vốn tín dụng xuất nhập Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị.

3. Nội dung nghiên cứu

Luận văn tập trung đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán cho vay vốn tín dụng xuất nhập thực tế mà quy trình khai thác Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị, giải thích trong khuôn khổ đề tài nghiên cứu này.

4. Phạm vi nghiên cứu

- Về không gian: Nghiên cứu tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị.

- Về thời gian: Thời gian tìm hiểu và nghiên cứu diễn ra trong 3 tháng từ tháng 2 đến tháng 5 năm 2016 về tình hình hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị, tôi tiến hành phân tích trong khoảng thời gian 3 năm 2013 – 2015.

5. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu:

- Phương pháp thu thập tài liệu: Thu thập các thông tin, số liệu liên quan đến tình hình sử dụng công nghệ, hạch toán tài khoản, ghi sổ sách, lập báo cáo kế toán tín dụng... từ các phòng ban của ngân hàng. Thu thập các tài liệu liên quan từ Internet, sách tham khảo và các khóa luận tốt nghiệp liên quan, khóa luận báo cáo Thực tập, Tài liệu.

- Phương pháp quan sát: Thông qua việc quan sát công việc thực tế, thao tác và quy trình tiến hành nghiệp vụ của nhân viên kế toán tại phòng kế toán và các phòng khác của NV.
- Phương pháp phỏng vấn: tiến hành phỏng vấn, trao đổi với nhân viên kế toán của NV tìm hiểu thêm các thông tin không có trong tài liệu của NV cung cấp và làm rõ thêm về các thông tin, số liệu có trong tài liệu của NV.

- Phương pháp xử lý số liệu:

- Phương pháp so sánh, đánh giá: Các thông tin số liệu sau khi đã thu thập số liệu tiến hành đánh giá về mặt định lượng, phương pháp này nhằm đánh giá về mặt định lượng hiện có và kỳ vọng có thể có hay không hoặc so sánh các chỉ tiêu giữa các năm xem xét biến động.
- Phương pháp thống kê: Dùng thống kê, suy luận... phân tích số liệu để tìm ra các chỉ tiêu và xu hướng của chúng.
- Phương pháp tổng hợp, phân tích: Các thông tin, số liệu sau khi thu thập số liệu tổng hợp lại theo các mục nghiệp vụ... Sau đó, tiến hành phân tích để đưa ra kết luận và giải pháp phù hợp với vấn đề nghiên cứu phát huy những điểm mạnh và khắc phục những hạn chế.

6. Cấu trúc của tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và các phụ lục kèm theo, nội dung chính của tài liệu gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về tổ chức công tác kế toán cho vay vốn tín dụng tại Ngân hàng.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán cho vay vốn tín dụng tại Ngân hàng Việt Nam tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tín dụng tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị.

PHẦN II. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1 - CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHO VAY

VỀ TÍNH ĐANG ĐUT T TRONG NGÂN HÀNG

1.1. Tính đang đut phát triển của Nhà nước

1.1.1. Một số khái niệm

1.1.1.1. Khái niệm về đut

Đut là việc cam kết nợ vay nợ nhất định vào quá trình hoạt động kinh tế nhằm thu lợi nhuận giá trị lớn hơn sau một khoảng thời gian xác định (Trích dẫn Trần Công Hòa 2007)

Đut có hai đặc trưng cơ bản là tính sinh lợi và thời gian kéo dài. Tính sinh lợi là đặc trưng hàng đầu của đut. Không thể coi là đut nếu vì các dòng tiền về không đem lại lợi ích thu lợi nhuận thì nó có giá trị lớn hơn khoản tiền đã bỏ ra ban đầu. Các đặc trưng khác của đut là chỉ có thể thu hồi giá trị bỏ ra sau thời gian khá dài nên thường gánh chịu rủi ro.

Có nhiều hình thức đut như đut phát triển, đut chuyển đổi; đut ngắn hạn, đut trung và dài hạn; đut vào lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa... Chỉ đut có thể đut bằng nguồn vốn chủ sở hữu hoặc bằng nguồn vốn vay.

1.1.1.2. Khái niệm đut phát triển

Đut phát triển (TPT) là loại đut nhằm mở rộng tài sản mới cho nền kinh tế, làm tăng năng lực sản xuất kinh doanh và năng lực hoạt động của xã hội. TPT là khâu kích thích đầu tư vì các làm, các thị trường mới mở rộng dân trong xã hội.

TPT thường thể hiện dưới các hình thức: bỏ tiền ra xây dựng, sửa chữa nhà cửa và các kết cấu hạ tầng, mua sắm lắp đặt trang thiết bị, bỏ vốn vào đầu tư nhân lực, thực hiện các chi phí thường xuyên liên quan với hoạt động của các tài sản này nhằm duy trì năng lực hoạt động và tồn tại của nền kinh tế (Trích dẫn: Nguyễn T. Loan 2003)

1.1.1.3. Tín dụng ưu đãi phát triển của Nhà nước

Tín dụng ưu đãi phát triển là một hình thức nhằm thực hiện chính sách ưu đãi phát triển của Nhà nước, thể hiện mối quan hệ vay – trả giữa Nhà nước với các pháp nhân và tổ chức hoạt động trong nền kinh tế, của Nhà nước hỗ trợ thực hiện chính sách ưu đãi cho tín dụng ưu đãi nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ nhất định theo nhu cầu của Nhà nước (Trích dẫn: Ngân T. Loan 2003)

Về mặt hình thức, tín dụng TPT của Nhà nước cung cấp trên các quan hệ vay mượn có hoàn trả gốc lãi. Nhưng về nội dung, tín dụng TPT của Nhà nước không phải là hoạt động kinh doanh vì tín dụng của Nhà nước mà là kênh hỗ trợ các nhà đầu tư huy động vốn cho ưu đãi phát triển.

1.1.2. Đặc điểm và phân loại

1.1.2.1. Đặc điểm

- Thứ nhất, tín dụng TPT có nguồn gốc là vốn của ngân sách Nhà nước hoặc nguồn vốn của huy động theo kế hoạch, chính sách của Nhà nước phục vụ theo chức năng ưu đãi của Nhà nước.

- Thứ hai, tín dụng cho vay của tín dụng TPT là những dự án trả nợ chậm, có tầm quan trọng lớn, chỉ những trình mục tiêu theo nhu cầu và chức năng của Nhà nước. Các chương trình, dự án này thường có quy mô, thời gian xây dựng và hoàn vốn lớn, khi năng suất lợi ích thấp hoặc không có, chủ yếu rủi ro mà các ngân hàng thường miễn không mua cho vay hoặc không tìm kiếm cho vay. Tuy nhiên, đây lại là những công trình mang nhiều lợi ích cho xã hội nên Nhà nước phải sẵn sàng nguồn tín dụng này ưu đãi nhằm bảo vệ xây dựng hoàn thành.

- Thứ ba, trách nhiệm quản lý và cho vay đối với nguồn vốn tín dụng TPT là các cơ quan chuyên môn của Nhà nước, các thành lập và hoạt động dịch vụ của Nhà nước.

- Thứ nhất, tín dụng TPT có các ưu điểm như sau: lãi suất cho vay thấp hơn lãi suất thị trường; thời hạn cho vay dài; ưu điểm nổi bật của tín dụng là ngân hàng... nhằm mục đích khuyến khích TPT kinh tế - xã hội.

1.1.2.2. Phân loại

Hiện nay, tín dụng TPT của Nhà nước bao gồm các hình thức sau:

- *Cho vay vốn tín dụng ưu đãi* (vốn lãi suất, thời hạn trả nợ, thời hạn ân hạn...)

- *Bổ lãnh tín dụng ưu đãi* là việc tổ chức thành lập tín dụng TPT của Nhà nước (Tổ chức bổ lãnh) cam kết với tổ chức tín dụng cho vay vốn và việc trả nợ, ứng hành của bên đi vay. Trong trường hợp bên đi vay không trả nợ hoặc trả không đúng hạn, tổ chức bổ lãnh sẽ thay thế cho bên đi vay.

- *Hết hạn ưu đãi* là việc tổ chức thành lập tín dụng TPT của Nhà nước hỗ trợ một phần lãi suất cho chủ vay vốn của các tổ chức tín dụng ưu đãi, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ và trả lãi. Đây là hình thức trợ cấp ngân sách cho các doanh nghiệp, không có ràng buộc trách nhiệm gì của doanh nghiệp và tổ chức thành lập tín dụng TPT của Nhà nước.

1.1.3. Vai trò

- Tín dụng TPT là đòn bẩy kinh tế quan trọng mà Nhà nước sử dụng để hỗ trợ tích cực và tiêu dùng. Tín dụng TPT có thể biến nguồn vốn nhà nước chi tiêu hàng năm vào tiêu dùng chuyển thành khoản ngân sách tích lũy phục vụ cho mục đích đầu tư.

- Tín dụng TPT góp phần hỗ trợ tăng trưởng và hàng hóa lưu thông trên thị trường. Tùy theo thời điểm, lượng tiền và xu hướng lưu thông tiền tệ trên thị trường mà Nhà nước có thể sử dụng tín dụng TPT để hỗ trợ, nhằm mở rộng qua việc tăng giá trị phát hành trái phiếu, nâng cao hay hạ thấp lãi suất tái chi tiêu.

- Thông qua các khoản cho vay ưu đãi, Nhà nước hỗ trợ các khu vực phát triển theo ngành, vùng lãnh thổ. Thêm vào đó, Nhà nước thành lập quỹ cho ngân hàng

con khuyến khích phát triển, những khu vực vùng núi, miền hẻo lánh ít được quan tâm nhằm thúc đẩy nền kinh tế cân bằng xã hội và tạo ra sân chơi cạnh tranh lành mạnh và vì mọi người thành phần kinh tế.

- Tín dụng TPT là một hình thức làm thay đổi cơ cấu quản lý kinh tế tập trung phát huy tính chủ động kinh doanh, làm tăng hiệu quả sử dụng vốn.

1.2. Cho vay vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước

1.2.1. Khái niệm

Cho vay tín dụng ưu đãi của Nhà nước (hay cho vay ưu đãi, cho vay tín dụng Nhà nước) là một trong những hình thức TD T của Nhà nước, thực hiện các giao nhiệm vụ cung ứng nguồn vốn TPT của Nhà nước cho các chủ thể vay vốn theo chính sách của Nhà nước thực hiện các dự án ưu đãi thu hút đầu tư ngành, lĩnh vực quan trọng, công trình kinh tế lớn và các vùng khó khăn, các bất kỳ khó khăn khuyến khích đầu tư theo quy định của Chính phủ (Trích dẫn: Võ Thị Ngọc 2008)

Hiện nay thực hiện các giao nhiệm vụ cung ứng nguồn vốn TPT của Nhà nước là Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

1.2.2. Tính chất

Cho vay ưu đãi với các cách tín dụng TPT của Nhà nước có các tính chất sau:

- Quy trình cho vay vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước gồm các bước: Tiếp nhận và thẩm định (thẩm định năng lực chủ thể và thẩm định dự án) -> Quyết định cho vay -> Giám ngân và giám sát tín dụng -> Thu hồi /X lý rủi ro

- Nguồn vốn cho vay vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước gồm:

+ Vốn nội tệ và vốn do NSNN cấp cho thực hiện nhiệm vụ tín dụng TPT.

+ Nguồn vốn huy động: phát hành trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu, huy động tín dụng, vốn vay của các tổ chức...

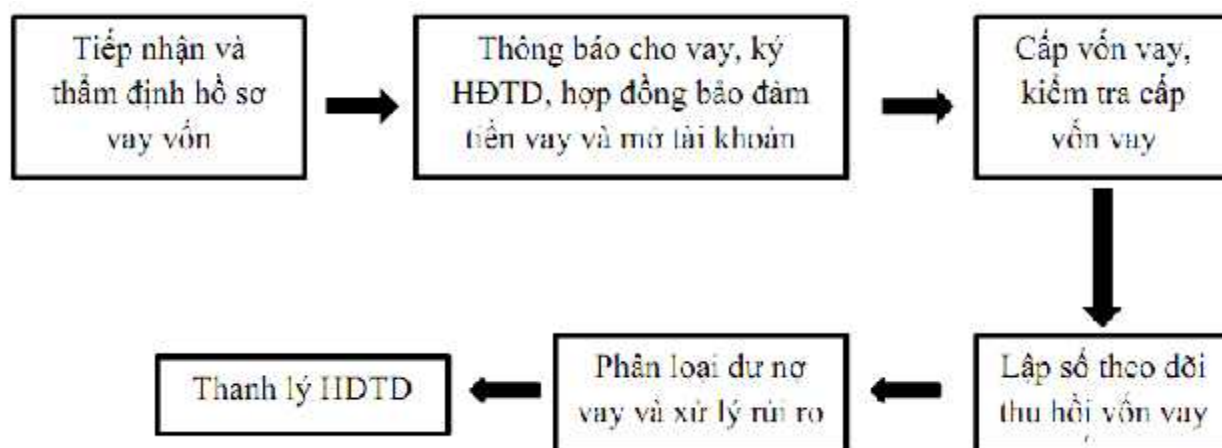
+ Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật: nguồn vốn góp ban đầu của các tổ chức, nguồn tài trợ từ thị trường.

- Lãi suất cho vay được xác định dựa trên cơ sở micro credit và mức ưu tiên của Chính phủ trong ngành nghề / lĩnh vực credit. Lãi suất cho vay tín dụng ưu đãi thường thấp hơn lãi suất thị trường. Lãi suất cho vay có thể cố định hoặc biến đổi tùy theo cơ chế credit và khung quản lý micro credit cho vay.

- Phù hợp với cơ chế TPT, thời hạn cho vay thường dài và số vốn cho vay lớn. Vị trí tín dụng credit thể hiện trong nhu cầu và kéo dài nhu cầu. Vốn tín dụng TPT của Nhà nước thường chiếm tỷ lệ cao trong tổng các nguồn vốn tham gia ưu đãi nhưng không đáp ứng 100% nhu cầu vốn ưu đãi. Các chủ thể phi huy động thêm vốn từ các nguồn khác ưu đãi.

Điều kiện vay vốn ưu đãi vay thường ngắn hạn và đặc thù hơn so với tín dụng thông thường.

1.2.3. Quy trình cho vay vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước



S 1.1. Quy trình cho vay vốn TD T của Nhà nước

- Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ vay vốn

Khi chủ thể có nhu cầu vay vốn tín dụng TPT sẽ gửi hồ sơ Chi nhánh. Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, Chi nhánh sẽ tiến hành thẩm định hồ sơ vay vốn với các nội dung thẩm định như sau: tính pháp lý của Chủ thể, tính pháp lý của dự án, năng lực tài chính và tình hình SXKD của Chủ thể, thẩm định phương án tài chính và phương án trả nợ vốn vay của dự án, hiệu quả kinh tế - xã

h i c a d án...

- Thông báo cho vay, ký HĐ, hợp đồng m b o t i n vay và m tài kho n

Sau khi d án ã c th m nh, ch p thu n cho vay và c NHPT Vi t Nam b trí k ho ch gi i ngân, Chi nhánh có thông báo cho vay g i Ch u t t i n hành ký HĐ, Hợp đồng m b o t i n vay (n u có) và m tài kho n t i n g i v n t có tham gia u t d án và tài kho n t i n g i v n t r n theo quy nh.

- C p v n vay, ki m tra c p v n vay

Sau khi ký HĐ, Ch u t s g i h s tài li u n Chi nhánh th c hi n gi i ngân v n tín d ng TPT c a Nhà n c theo quy nh. Vi c gi i ngân bao g m gi i ngân t m ng và gi i ngân thanh toán kh i l ng hoàn thành. M c ích s d ng v n ph i phù h p v i quy nh trong HĐ ã ký gi a Chi nhánh và Ch u t ; Th t c gi i ngân cho t ng công vi c ph i h p l và y theo quy nh i v i công vi c ó.

Trong quá trình th c hi n gi i ngân, Chi nhánh ph i t i n hành ki m tra vi c c p v n vay c a mình cho Ch u t . N u phát hi n Ch u t s d ng v n vay không úng m c ích, vi ph m pháp lu t ho c d án không có hi u qu vì nh ng bi n ng l n do nguyên nhân khách quan n m ngoài d ki n, d án ng ng thi công... thì Chi nhánh ph i ng ng gi i ngân v n vay cho d án và tìm các bi n pháp x lý.

- L p s theo dõi, thu h i v n vay (g c và lãi)

Trong quá trình th c hi n gi i ngân cho n khi d án quy t toán v n u t hoàn thành, cán b Chi nhánh ph i m s theo dõi chi t i t gi i ngân c a d án. Cán b Chi nhánh còn ph i m s theo dõi n vay (g c và lãi) ph i thu, th i h n và th i i m thu n vay theo HĐ ã ký. Tr c th i i m ph i thu n (g c và lãi) ph i g i thông báo thu n n h n cho Ch u t và ôn c Ch u t t r n .

- Phân lo i d n vay và x lý r i ro

Trong quá trình thu n vay, Chi nhánh liên t c ki m tra các Ch u t xem xét tình hình ho t ng và tình hình t r n c a t ng d án, qua ó th c hi n phân lo i d n vay i v i t ng d án có h ng x lý thích h p, nh t là các d án g p khó kh n v tài

chính, không trả nợ vay theo đúng cam kết đã ký trong HĐTD do nguyên nhân khách quan bất khả kháng; phá sản, giải thể; Nhà nước chuyển đổi chính sách.

Các khoản thu phân loại theo nguyên nhân rủi ro gây ra và mức thiệt hại, khi ngừng trả nợ cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh áp dụng các biện pháp xử lý rủi ro phù hợp, bao gồm: gia hạn nợ; khoan nợ; miễn giảm lãi tiền vay; xóa nợ.

- Thanh lý HĐTD

Sau khi Chủ tịch UBND cấp tỉnh đã chấp thuận xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ vay (gốc và lãi) cho NHPT Việt Nam theo đúng HĐTD đã ký, Chi nhánh và Chủ tịch UBND cấp tỉnh biên bản thanh lý HĐTD và Hợp đồng bảo hiểm tiền vay.

1.2.4. Phân biệt cho vay ưu đãi của Nhà nước và của Ngân hàng thương mại

Bảng 1.1. Phân biệt Cho vay ưu đãi của Nhà nước và của NHTM

	Cho vay ưu đãi của Nhà nước	Cho vay ưu đãi của NHTM
Mục tiêu hàng đầu	Không vì mục đích lợi nhuận	Ưu tiên mục tiêu lợi nhuận
Luật	Nghị định 75/2011/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 30/08/2011 quy định về Tín dụng ưu đãi và Tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.	Luật 47/2010/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 17/06/2010 quy định về Các tổ chức tín dụng.
Cơ quan quản lý	Chính phủ	Ngân hàng Nhà nước
Can thiệp của Nhà nước	Đảm bảo khoản thanh toán	Giám sát thông qua luật của Tổ chức tín dụng
Lãi suất	Cố định, thấp hơn lãi suất thị trường	Lãi suất thị trường

Mục tiêu cho vay	Lĩnh vực then chốt, kinh tế mũi nhọn, các ngành, vùng miền KT-XH khó khăn.	Phục vụ sản xuất kinh doanh
Thời hạn cho vay	Thời hạn là dài hạn	Tập trung cho vay ngắn hạn

1.3. Mối liên hệ giữa lý luận và thực tiễn ngân hàng

1.3.1. Khái niệm môn khoa học ngân hàng

Khoa học Ngân hàng nói chung bao gồm môn khoa học tài chính các Tổ chức tín dụng và tài chính Ngân hàng Nhà nước. Khoa học Ngân hàng có vai trò đặc biệt trong việc cung cấp các số liệu, phân tích diễn biến các hoạt động kinh tế và nhà nước có thể kiểm tra tình hình hoạt động và sự phát triển của Ngân hàng có hiệu quả hay không? Cho nên Khoa học Ngân hàng là công cụ quản lý các nghiệp vụ của ngân hàng và hoạt động của nền kinh tế.

Khoa học ngân hàng là một môn khoa học và nghệ thuật ghi chép, thống kê, phân loại và giải thích các nghiệp vụ ngân hàng có tác động đến tình hình tài chính của các ngân hàng, nhằm cung cấp các thông tin về tình hình tài chính và kiểm soát hoạt động của ngân hàng, làm cơ sở cho việc ra các quy định liên quan đến các tiêu chuẩn lý kinh doanh và đánh giá hoạt động của Ngân hàng (Trích dẫn: Lê Thị Kim Liên 2007)

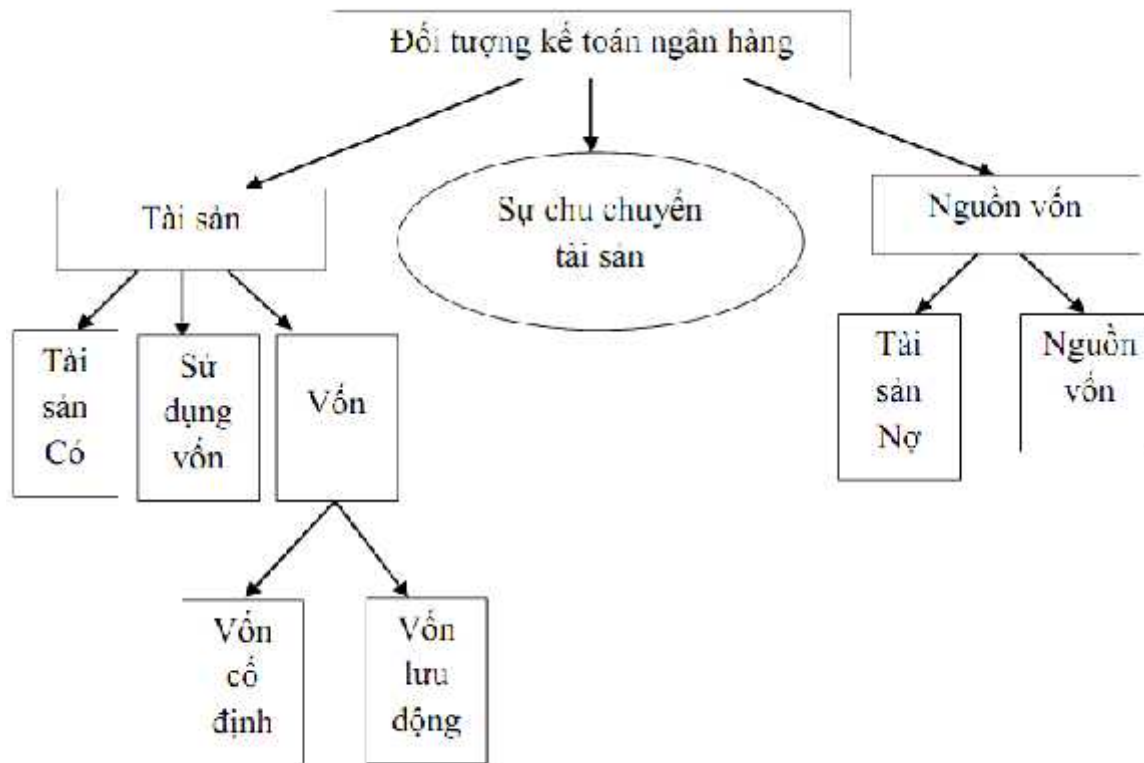
1.3.2. Phân loại của khoa học ngân hàng

Phân loại của khoa học ngân hàng được chia làm ba bộ phận:

- *Tài chính*: được phân theo hình thái biểu hiện và hiện trạng được thể hiện theo 3 cách phân loại khác nhau: tài chính có, sự phát triển và vận hành.

- *Nguồn hình thành nên tài chính*: thể hiện nguồn gốc của sự ra đời tài chính trong ngân hàng, thường gọi là nguồn vốn hoặc tài chính.

- *Sự chuyển đổi của tài chính*: thể hiện lĩnh vực ngân hàng trên toàn thế giới, giữa các hệ thống ngân hàng của một quốc gia, giữa các ngân hàng hệ thống hoặc trong một ngân hàng. Mặt khác, nó còn vận hành giữa các loại tài chính, nguồn vốn và trong cùng một loại tài chính hoặc nguồn vốn.



S 1.2. i t ng k toán ngân hàng

Ba b ph n h p thành i t ng k toán ngân hàng ã ph n ánh toàn b ho t ng c a ngân hàng trong m t th i k và nh m cung c p các thông tin k toán r t quan tr ng có ý ngh a vô cùng to l n cho ng i s d ng.

1.3.3. Vai trò c a k toán ngân hàng

K toán là công c quan tr ng qu n lý n n kinh t vì nó có tác d ng to l n trong vi c ki m tra th c hi n các ch tiêu k ho ch, vi c s d ng v n t i n t , b o v an toàn tài s n, c ng c và t ng c ng ch hách toán kinh t . Th hi n c th nh sau:

❖ Cung c p thông tin t ng h p ph c v qu n lý n n kinh t . Có th nói m i ho t ng v kinh t tài chính c a DN u c ph n ánh thông qua các tài kho n m t i NH vì v y s li u ghi chép c a k toán NH v a ph n ánh c ho t ng nghi p v c a ngành v a ph n ánh c ho t ng c a các ngành khác v tình hình kinh t , tài chính, s bi n ng v t t , lao ng... t ó các n v có y thông tin ra quy t nh i u hành k p th i góp ph n nâng cao hi u qu s n xu t kinh doanh.

❖ **Bảo toàn tài sản:** Bảo toàn tài sản là trách nhiệm chung của kế toán bất cứ ngành nào song kế toán ngân hàng có vai trò quan trọng hơn cả vì việc bảo toàn tài sản của bên thân ngân hàng còn phụ thuộc vào tài sản của Nhà nước, của khách hàng gửi tiết kiệm ngân hàng. Chính vì vậy, kế toán ngân hàng phải ghi chép, kiểm soát một cách chặt chẽ tài sản để tránh mất mát, thất lạc và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản trong quá trình sản xuất.

❖ **Áp dụng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo, quản trị ngân hàng:** Kế toán cần tiến hành trên cơ sở hoạt động của các nghiệp vụ như nghiệp vụ tín dụng, tín dụng, thanh toán, do vậy sự liên lạc của kế toán phải ảnh hưởng trực tiếp đến các hoạt động nghiệp vụ của từng đơn vị trong ngành ngân hàng. Qua hình thức sự liên lạc này có thể đưa ra những lãnh đạo sản xuất nó như một công cụ hữu hiệu để chỉ đạo, điều hành, quản trị ngân hàng có hiệu quả.

Như vậy vai trò to lớn của kế toán ngân hàng không thể phủ nhận được. Thông qua các hoạt động của mình kế toán ngân hàng giúp cho các giao dịch trong nền kinh tế cần tiến hành một cách nhanh chóng, kịp thời, chính xác. Những sự liên lạc do kế toán ngân hàng cung cấp là một tiêu thông tin kinh tế quan trọng giúp cho việc điều hành hoạt động kinh doanh của ngân hàng cũng như làm nền tảng cho việc hoạch định, thực thi chính sách tín dụng gia và chi tiêu toàn bộ hoạt động của nền kinh tế, từ đó góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của NH nói riêng và của nền kinh tế nói chung.

1.3.4. Nhiệm vụ của kế toán ngân hàng

phát huy vai trò của mình, kế toán ngân hàng phải thực hiện các nhiệm vụ chính sau đây:

❖ Kế toán phải ghi nhận, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong ngân hàng và các hoạt động lưu chuyển, sản xuất và các dịch vụ của ngân hàng khác theo đúng pháp luật kế toán của Nhà nước và các thủ tục kế toán ngân hàng quy định.

❖ Kế toán ngân hàng phải phân loại nghiệp vụ, tổng hợp sự liên lạc theo đúng phương pháp kế toán và theo những chỉ tiêu nhất định nhằm cung cấp thông tin một cách

y , chính xác và kịp thời nhất là phục vụ cho việc chi tiêu, lãnh đạo hoạt động kinh doanh của NH và thực thi các chính sách kinh tế vĩ mô của NN.

❖ Kế toán NH phải giám sát quá trình sử dụng tài sản (vốn) nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các loại tài sản thông qua việc kiểm tra các nghiệp vụ bên N và nghiệp vụ bên C có ảnh hưởng tới tài sản của từng ngân hàng công nghiệp toàn hệ thống. Đó là công việc tính kế toán tài chính, công việc hạch toán kế toán của ngân hàng công nghiệp nội kinh tế.

1.3.5. Chức năng kế toán ngân hàng

- Ngân hàng là tổ chức trung gian tài chính nên Kế toán Ngân hàng công nghiệp phải nắm rõ nét tình hình huy động vốn trong các thành phần kinh tế và dân cư (thể hiện trên các tài khoản tín dụng thanh toán, tín dụng tiết kiệm...) để thực hiện cho vay (thể hiện trên các tài khoản cho vay trung và dài hạn...).

- Kế toán ngân hàng có tính giao dịch và xử lý nghiệp vụ ngân hàng (thanh toán, chuyển tiền...).

- Kế toán ngân hàng có tính chính xác và chính xác cao.

- Kế toán ngân hàng có sự liên quan chặt chẽ và phức tạp.

- Kế toán ngân hàng có tính tập trung và thống nhất cao. Do hệ thống ngân hàng công nghiệp thống nhất Trung ương nên ảnh hưởng tới Ngân hàng nhà nước các ngân hàng hệ thống.

1.4. Kế toán cho vay vốn tín dụng của Nhà nước

1.4.1. Khái niệm

Kế toán cho vay vốn TD-T là công việc ghi chép, phản ánh một cách đầy đủ, chính xác các khoản cho vay, thu nhập, theo dõi dòng thu chi nghiệp vụ cho vay vốn TD-T của ngân hàng.

1.4.2. Nhiệm vụ

- Kế toán cho vay vốn TD-T phải xác lập hệ thống, chế độ cho vay hợp pháp, hợp lý, kiểm soát chính xác các chế độ liên quan đến cho vay, thu nhập.

- Tổ chức ghi chép, phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác các số liệu cho vay nhằm báo cáo hiện đại đúng tình hình. Mặt khác cần theo dõi chặt chẽ kỳ hạn

hạch toán thu nhập, thu lãi hoặc chuyển nhượng quá hạn kế hoạch nhằm bảo toàn tài sản và nâng cao hiệu quả.

- Quản lý hồ sơ, chứng từ cho vay chặt chẽ, khoa học nhằm bảo thủ hiện kế hoạch.

1.4.3. Nguyên tắc cho vay TD/T

Nguyên tắc cho vay là các điều khoản cơ sở để nhằm bảo vệ các chính sách tín dụng yêu cầu đã ký kết. Khách hàng vay vốn cần đạt các điều kiện để được cấp tín dụng phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

- Số tiền vay đúng mục đích đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

- Phải hoàn trả gốc và lãi tiền vay đúng hạn theo thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng tín dụng.

- Việc bảo đảm tiền vay phải thực hiện theo quy định của Chính phủ và của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

- Cần có biện pháp phòng ngừa và xử lý các rủi ro có thể xảy ra.

1.4.4. Chứng từ số nợ

Chứng từ là bằng chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các nghiệp vụ kinh tế đã và đang diễn ra tại ngân hàng, là căn cứ để hạch toán kế toán.

1.4.4.1. Chứng từ ghi ngân

- Hợp đồng tín dụng: là một văn bản cam kết thực hiện những điều khoản liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi giữa khách hàng vay vốn và NHPT Việt Nam; là căn cứ pháp lý để quy định tranh chấp (nếu có) xảy ra giữa khách hàng và Ngân hàng.

- Khẩn cấp nhận nợ vay: là một văn bản ký xác nhận nhận nợ vay, theo dõi số tiền trả nợ, trả lãi của khách hàng vay vốn với NHPT Việt Nam.

- Ủy nhiệm chi: là lệnh chi của khách hàng gửi Ngân hàng nhằm tài khoản trích tài khoản của khách hàng chuyển trả cho bên thứ ba.

- Giấy yêu cầu ghi ngân vốn vay TD/T: là giấy yêu cầu của khách hàng lập và gửi cho Ngân hàng nhằm gửi nội dung công việc đã thực hiện các trình Ngân hàng duy trì vay.

- Thông báo ngun v n gi i ngân: là thông báo k ho ch v ngu n v n s gi i ngân cho khách hàng vay v n t i NHPT.

- i n thanh toán i: là b c i n do chi nhánh n i gi i ngân v n vay l p g i HSC xác nh v khách hàng và s t i n s chuy n cho bên th h ng.

1.4.4.2. Ch ng t thu n , lãi

- i n thanh toán n: là b c i n c l p t HSC g i v cho Chi nhánh thông báo v s t i n tr n , lãi c a khách hàng vay v n.

- Phi u h ch toán liên chi nhánh: là ch ng t ph n ánh bút toán t sinh cho chi nhánh c l p t HSC v s t i n khách hàng vay v n chuy n tr n , lãi.

- Phi u chuy n kho n: là ch ng t dùng h ch toán nghi p v phát sinh liên quan n n i dung thu n , lãi c a khách hàng vay v n.

- Phi u xu t ngo i b ng: là ch ng t dùng h ch toán s lãi ã thu c a khách hàng vay v n.

1.4.4.3. Ch ng t tính lãi

- Phi u tính lãi cho vay: là b ng kê c l p hàng tháng theo ph ng pháp tích s dùng tính lãi trên s d n vay ã phát sinh c a khách hàng vay v n.

- Phi u nh p ngo i b ng: là ch ng t dùng h ch toán s lãi ã tính nh ng ch a thu c a khách hàng vay v n.

1.4.5. Tài kho n s d ng

1.4.5.1. Tài kho n cho vay dài h n b ng VN

a) Tên và s hi u tài kho n

- 213121: N tiêu chu n cho vay TD T
- 213221: N c n chú ý cho vay TD T
- 213321: N d i tiêu chu n cho vay TD T
- 213421: N nghi ng cho vay TD T
- 213521: N có kh n ng m t v n cho vay TD T

b) K t c u tài kho n

- **TK 213121:**

Tài khoản này dùng hạch toán số tiền VNĐ do Ngân hàng cho các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước vay dài hạn. Đây là các khoản nợ trong hạn, do Ngân hàng đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi đúng hạn.

Các khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và Ngân hàng đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi.

N **TK 213121** **CÓ**

<p>Số tiền cho các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước vay dài hạn.</p> <p>Số tiền chuyển sang tài khoản thích hợp theo quy định hiện hành và phân loại nợ.</p>	<p>Số tiền thu từ các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước vay dài hạn.</p> <p>Số tiền chuyển sang tài khoản thích hợp theo quy định hiện hành và phân loại nợ.</p> <p>Số tiền chuyển sang theo dõi trên tài khoản ngoại tệ.</p>
<p>SD: Phản ánh số tiền các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước vay được phân vào nhóm nợ tiêu chuẩn theo quy định hiện hành và phân loại nợ.</p>	

- TK 213221:

Đây là các khoản nợ quá hạn từ 10 đến 90 ngày.

Bao gồm các khoản nợ: chi nhánh khi hết hạn trả nợ; các khoản nợ còn lại của khách hàng đã có ít nhất một khoản nợ rủi ro cao hơn tổng nợ vì mục rủi ro; các khoản nợ mà NHPT có cơ sở đánh giá là khả năng trả nợ của khách hàng suy giảm và chuyển sang các nhóm nợ rủi ro cao hơn tổng nợ vì mục rủi ro; các khoản nợ của NHPT đánh giá theo phương pháp nh tính là có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi nhưng có dấu hiệu khách hàng suy giảm khả năng trả nợ.

Kế toán tài khoản hạch toán nghiệp vụ TK 213121.

- TK 213321:

Đây là các khoản quá hạn từ 91 đến 180 ngày.

Bao gồm các khoản: các khoản thanh toán tiền lương; trừ các khoản chi phí chi trả tiền lương phân loại vào nhóm 2; các khoản chi phí chi trả do khách hàng không thanh toán lãi vay theo HĐ; các khoản còn lại của khách hàng đã có ít nhất một khoản nợ cao hơn mức nợ; các khoản mà NHPT có cơ sở đánh giá là khoản thanh toán của khách hàng bị suy giảm và bị chuyển sang các nhóm nợ cao hơn nghiệp vụ nợ; các khoản chi phí NHPT đánh giá theo phương pháp tính là có khoản thu hồi gốc và lãi khi nhận và có khoản thanh toán gốc và lãi.

Kế toán tài khoản hạch toán nghiệp vụ TK 213121.

- TK 213421:

Đây là các khoản quá hạn từ 181 đến 360 ngày.

Bao gồm các khoản: các khoản thanh toán tiền lương quá hạn dưới 90 ngày theo thanh toán các khoản chi phí; các khoản chi phí thanh toán tiền lương hai; các khoản còn lại của khách hàng đã có ít nhất một khoản nợ cao hơn mức nợ; các khoản mà NHPT có cơ sở đánh giá là khoản thanh toán của khách hàng bị suy giảm và bị chuyển sang các nhóm nợ cao hơn nghiệp vụ nợ; các khoản chi phí NHPT đánh giá theo phương pháp tính là có khoản thanh toán cao.

Kế toán tài khoản hạch toán nghiệp vụ TK 213121.

- TK 213521:

Đây là các tài khoản quá hạn trên 360 ngày.

Bao gồm các khoản: các khoản thanh toán tiền lương quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thanh toán các khoản chi phí; các khoản chi phí thanh toán tiền lương hai quá hạn theo thanh toán chi phí hai; các khoản chi phí thanh toán

n l n th ba tr lên, k c ch a b quá h n ho c ã quá h n; các kho n n còn l i c a l khách hàng ã có ít nh t m t kh an n r i ro cao h n v i m c r i ro; các kho n n mà NHPT có c s ánh giá là kh n ng tr n c a khách hàng b suy gi m và b chuy n sang các nhóm n r i ro cao h n t ng ng v i m c r i ro; các kho n n c NHPT ánh giá theo ph ng pháp nh tính là không còn kh n ng thu h i, m t v n.

K t c u tài kho n h ch toán t ng t TK 213121.

1.4.5.2. Tài kho n thu lãi cho vay dài h n TD T

a) Tên và s hi u tài kho n

- 702131: Thu lãi cho vay dài h n TD T

b) K t c u tài kho n

Tài kho n này ph n ánh các kho n thu lãi cho vay dài h n b ng VN i v i các t ch c kinh t , cá nhân trong n c.

N	TK 702131	CÓ
<p>S k t chuy n sang k t qu ho t ng vào 31/12.</p> <p>S i u ch nh (n u có).</p>		<p>S ti n thu lãi c a các t ch c kinh t , cá nhân trong n c.</p>
		<p>SD: ph n ánh s thu lãi c a các t ch c kinh t , cá nhân trong n c.</p>

1.4.5.3. Tài kho n lãi vay dài h n ch a thu c b ng VN

a) Tên và s hi u tài kho n

- 941521: Lãi vay dài h n TD T ch a thu

- 941522: Lãi vay dài h n TD T n h n nh ng ch a thu c

- 941523: Lãi ph t ch m tr vay dài h n TD T

b) K t c u tài kho n

- TK 941521:

Là tài khoản ngoại tệ dùng để phản ánh số tiền lãi cho vay bằng VNĐ mà Ngân hàng phải thu của khách hàng.

Bên Nợ ghi: Số tiền lãi của thu hoặc số lãi của khoản.

Bên Có ghi: Số tiền lãi đã thu hoặc số lãi hết thời hạn khoản.

Số Nợ: phản ánh số tiền lãi cho vay bằng VNĐ của thu hoặc số tiền lãi trong thời gian của khoản.

- TK 941522, TK 941523: có nội dung và kết cấu như TK 941521.

1.4.6. Sổ sách và báo cáo kế toán

1.4.6.1. Sổ sách kế toán

- Sổ chi tiết tài khoản – tín dụng: chi tiết các TK 213121, TK 213221, TK 213321, TK 213421, TK 213521.

- Sổ tài khoản thu lãi cho vay: chi tiết TK 702131.

- Sổ tài khoản lãi vay dài hạn của thu của bằng VNĐ: chi tiết TK 914521, TK 914522, TK 914523.

1.4.6.2. Báo cáo kế toán

- Báo cáo cho vay vốn TD Tm us LN 102: Phản ánh số tiền chi tiết từng khách hàng đã vay vốn, trả nợ, trả lãi và theo dõi số lãi phải thu của thu của từng khi cho vay của Ngân hàng.

- Báo cáo phân loại theo nhóm nhóm us LN052: Phản ánh giá trị phân loại nhóm nợ của từng khách hàng theo đúng qui định của Ngân hàng.

1.4.7. Phương pháp hạch toán

Các số liệu vào nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh trên chứng từ gốc và chứng từ ghi sổ; hạch toán vào các tài khoản thích hợp và ghi chép vào các loại sổ sách theo đúng qui định; sau đó tổng hợp số liệu lập các báo cáo tài chính liên quan.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHO VAY VÀ N TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG VIỆT NAM TẠI NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH KHU VỰC THẠM THIÊN HỒ - QUẢNG TR

2.1. Tổng quan về Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thảm Thiên Hồ - Quảng Tr

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

- Năm 2006, trong tình hình nước ta chuẩn bị gia nhập WTO, tránh vi phạm các điều khoản trong hiệp định có thể ảnh hưởng các doanh nghiệp trong nước, ngày 19/5/2006, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 108/2006/Q- TTg thành lập NHPT Việt Nam trên cơ sở tách离合 thành Ngân hàng Phát triển thực hiện chính sách TD T và TDXK của Nhà nước.

- Tên giao dịch quốc tế: The Vietnam Development Bank (viết tắt là VDB), có trụ sở chính tại Hà Nội, có tư cách pháp nhân, vốn điều lệ, có con dấu, có mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước, Kho bạc Nhà nước.

- Là một bộ phận của NHPT Việt Nam, Chi nhánh NHPT Khu vực Thảm Thiên Hồ - Quảng Tr cũng không nằm ngoài lịch sử hình thành và phát triển chung của NHPT Việt Nam. Cũng thành lập cùng với hệ thống các Chi nhánh NHPT tại các tỉnh, thành phố (trực thuộc Trung ương) trong nước theo Quyết định số 03/Q- NHPT ngày 01/7/2006 của Tổng Giám đốc NHPT Việt Nam trên cơ sở tách离合, sáp nhập và kết hợp toàn bộ trách nhiệm, quy định, nghĩa vụ của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Thảm Thiên Hồ, Quảng Tr.

- Theo quyết định số 159/Q- NHPT ngày 17/04/2015 của Tổng giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam về việc thành lập Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Thảm Thiên Hồ - Quảng Tr trên cơ sở gộp离合, tách离合 Chi nhánh NHPT Thảm Thiên Hồ và Chi nhánh NHPT Quảng Tr thực hiện chính sách tín dụng và xuất khẩu của Nhà nước trên bàn hai tỉnh Thảm Thiên Hồ và Quảng Tr kể từ ngày 01/05/2015. Theo đó Ngân hàng Phát triển Chi nhánh Việt Nam chi nhánh khu vực Thảm Thiên Hồ -

Quảng Trị có trụ sở chính tại 01 Hoàng Hoa Thám, thành phố Huế, phòng giao dịch tại thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Hoạt động theo quy chế đặc biệt và hoạt động do Tổng Giám đốc NHPT Việt Nam quy định.

- NHPT thuộc Chính phủ giao trách nhiệm trong lĩnh vực TDĐT và TDXK. NHPT hoạt động hiệu quả góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế các địa phương và các tầng lớp xã hội, thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị

NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị có các chức năng, nhiệm vụ huy động, tích lũy nguồn vốn các tổ chức trong và ngoài nước thực hiện chính sách TDĐT và TDXK của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và Quảng Trị, cụ thể như sau:

- Huy động, tích lũy nguồn vốn các tổ chức trong và ngoài nước thực hiện TDĐT và TDXK của Nhà nước theo quy định của Chính phủ.

- Thực hiện chính sách TDĐT, gồm: CVĐT, hỗ trợ sau xuất, bảo lãnh TDĐT.

- Thực hiện chính sách TDXK bao gồm: Cho vay xuất khẩu, bảo lãnh TDXK, bảo lãnh đầu tư và bảo lãnh thực hiện hợp đồng xuất khẩu.

- Nhận ủy thác quản lý nguồn vốn ODA của Chính phủ cho vay lãi; nhận ủy thác, cấp phát CVĐT và thu hồi nợ của khách hàng tại các tổ chức trong và ngoài nước thông qua hợp đồng nhận ủy thác giữa NHPT với các tổ chức ủy thác.

- Ủy thác cho các tổ chức tài chính, tín dụng thực hiện nghiệp vụ tín dụng của NHPT.

- Cung cấp các dịch vụ thanh toán cho khách hàng và tham gia hệ thống thanh toán trong nước và quốc tế phục vụ các hoạt động của NHPT theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nhiệm vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực TDĐT và TDXK.

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Thủ tướng Chính phủ giao trong tình hình.

2.1.3. Bộ máy nhân sự và cơ cấu tổ chức

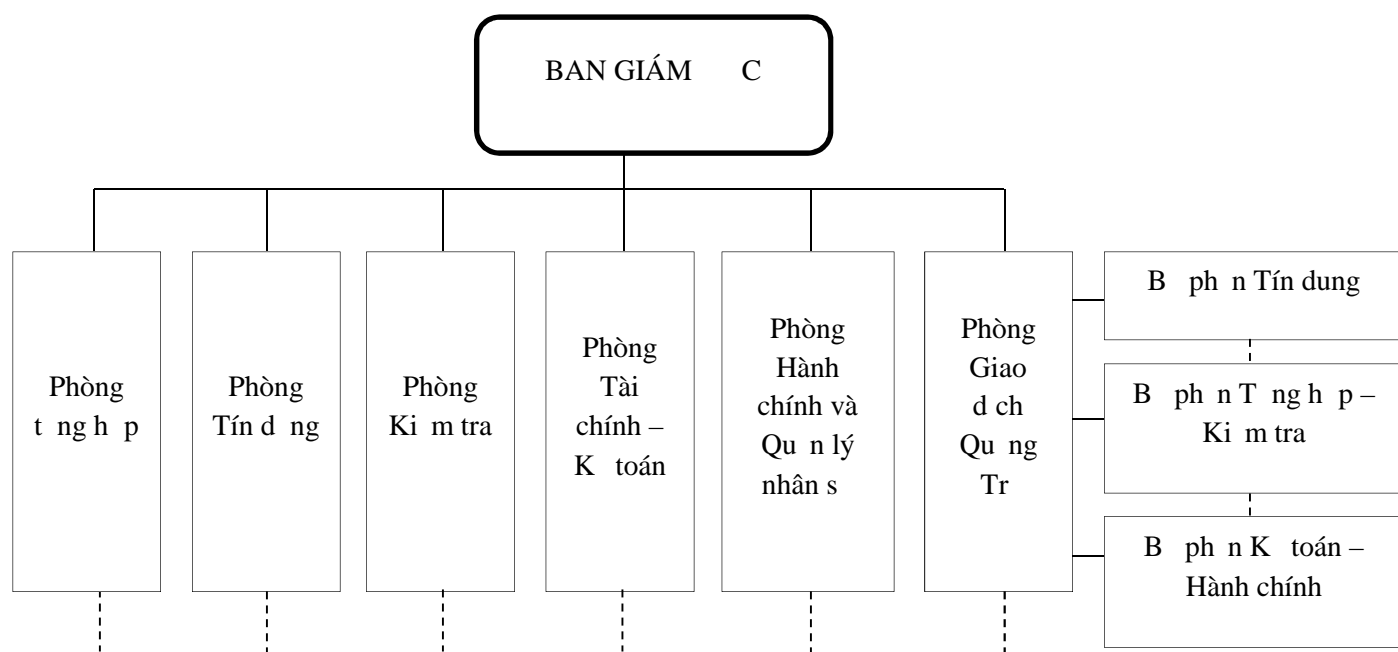
Hiện nay, bộ máy nhân sự của NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị có 75 người. Cơ cấu tổ chức gồm: Ban giám đốc, 05 phòng trực thuộc và 01 phòng Giao dịch Quảng Trị. Cấu trúc:

- Ban giám đốc, gồm: 01 Giám đốc và 04 Phó Giám đốc.

- 05 phòng trực thuộc, gồm Phòng Tổng hợp, Phòng Tín dụng, Phòng Kiểm tra, Phòng Tài chính – Kế toán và Phòng Hành chính – Quản lý nhân sự.

- 01 Phòng giao dịch Quảng Trị. PGD là đơn vị hạch toán phụ thuộc CNKV, có con dấu riêng; có mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng thương mại (NHTM) trên địa bàn tỉnh Quảng Trị sau khi được sự chấp thuận bằng văn bản của Giám đốc CNKV. Bao gồm 03 bộ phận chức năng: Bộ phận tín dụng, Bộ phận Tổng hợp – Kiểm tra, Bộ phận Kế toán – Hành chính.

- Bộ máy của NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị hoạt động theo chủ trương và tuân thủ nguyên tắc trung dân chủ, minh bạch công khai, minh bạch. Mô hình tổ chức gồm các phòng ban có hoạt động trên xu hướng, chủ yếu là hành trực tiếp của Giám đốc NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị. Giám đốc là người đại diện pháp nhân theo quy định của Tổng Giám đốc NHPT Việt Nam, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc NHPT Việt Nam và trực pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi nhánh.



Chú thích: ————— Quan hệ trực tiếp
 - - - - - Quan hệ chức năng

(Nguồn: Phòng Hành chính và Quản lý nhân sự)

S 2.1.5 Tổ chức của Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị

Theo Quy định số 323/QĐ-NHPT.TTH-QT ngày 18/08/2015 của Giám đốc về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quy định của các phòng thuộc Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị như sau:

❖ Phòng Tổng hợp

Phòng Tổng hợp có chức năng tham mưu cho Giám đốc và tổ chức thực hiện các hoạt động: Xây dựng và điều hành các kế hoạch hoạt động nghiệp vụ của Chi nhánh; Huy động, tiếp nhận, quản lý, điều hành và cân đối nguồn vốn; Thẩm định cho vay, báo lãnh đạo về các dự án đầu tư; Công tác tổng hợp, báo cáo thống kê.

❖ Phòng Tín dụng

Phòng Tín dụng có chức năng tham mưu cho Giám đốc trong việc tổ chức, chỉ đạo thực hiện công tác cho vay, thu hồi nợ các khoản vay vốn TD T của Nhà nước đối với các DN kinh tế trung ương và địa phương; cho vay TDXK; Hỗ trợ sau xuất khẩu; Bộ lãnh TD T và TDXK; Bộ lãnh cho các DN vay vốn từ các NHTM; bộ lãnh đầu tư và bộ lãnh thực hiện hợp tác xuất khẩu; cho vay xúc tiến các DN thuộc kinh tế trung ương và địa phương; quản lý vốn ODA; xử lý RRTD.

❖ Phòng Kiểm tra

Phòng Kiểm tra có chức năng trong việc tham mưu cho Giám đốc Chi nhánh trong việc: Tổ chức triển khai thực hiện kiểm tra, giám sát toàn diện các hoạt động nghiệp vụ phát sinh tại Chi nhánh; Tổ chức thực hiện công tác pháp chế; nhận báo cáo tình hình thực hiện công tác pháp chế tại Chi nhánh; giải quyết khiếu nại tố cáo; phòng, chống tham nhũng; phòng, chống rửa tiền theo quy định của NHPT.

❖ Phòng Tài chính Kế toán

Phòng Tài chính kế toán có chức năng tham mưu cho Giám đốc về tổ chức và quản lý công tác tài chính kế toán của Chi nhánh; tổ chức công tác hạch toán kế toán các hoạt động nghiệp vụ, hoạt động thu chi tài chính, công tác thanh toán, tín dụng, kho quỹ của Chi nhánh theo đúng quy định hiện hành của nhà nước và của NHPT.

❖ Phòng Hành chính – Quản lý nhân sự

Phòng Hành chính và quản lý nhân sự có chức năng tham mưu cho Giám đốc Chi nhánh quản lý và tổ chức thực hiện các công tác: Tổ chức và cán bộ, tín dụng, thi đua, khen thưởng, kỷ luật, hành chính - quản trị; đào tạo; Theo dõi việc thực hiện nội quy, quy chế làm việc và công tác an ninh, an toàn tại Chi nhánh.

❖ Phòng giao dịch Quản lý Tr

Theo Quyết định số 88/QĐ-NHPT.TTH-QT, ngày 25/5/2015 của Giám đốc về việc Ban hành Quy định về chức năng nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của Phòng giao dịch Quản lý Tr của Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quản lý Tr. Thì chức năng của Phòng Giao dịch Quản lý Tr như sau:

- Huy động, tích lũy và quản lý nguồn vốn;

- Thực hiện công tác tín dụng, tín dụng xuất khẩu, hỗ trợ sau xuất, bảo lãnh cho doanh nghiệp vay vốn NHTM (bảo lãnh), quản lý, thanh toán, cho vay vốn xuất nhập khẩu, quản lý và sử dụng vốn ODA theo quy định của pháp luật, NHPT và Giám đốc CNKV.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị

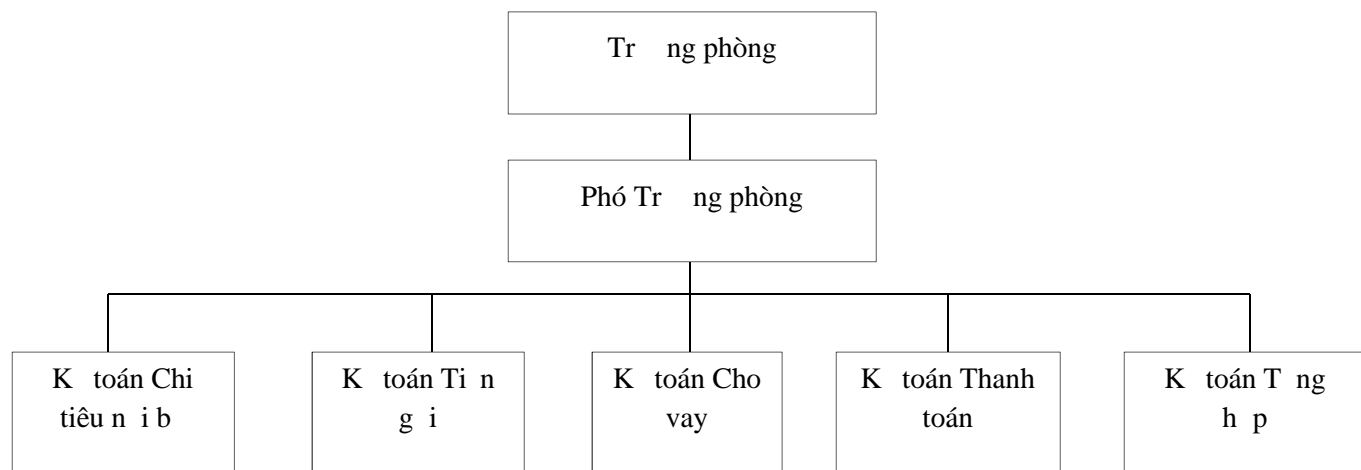
2.1.4.1. Tổ chức công tác kế toán

- Công tác tổ chức ghi sổ kế toán, hạch toán, hệ thống báo cáo tài chính,... của Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị thực hiện theo Quy định 959/Q -NHPT ban hành ngày 30/12/2010 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam quy định về việc hạch toán của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

- Công tác mở, quản lý và sử dụng hệ thống tài khoản thực hiện theo Quy định số 659/Q -NHPT ngày 29/12/2006 của Tổng Giám đốc NHPT về việc Ban hành Quy định mở và sử dụng tài khoản tín dụng tại NHPT; Quy định số 896/Q -NHPT ngày 31/12/2008 của Tổng Giám đốc NHPT về việc sửa đổi bổ sung một số quy định về hệ thống tài khoản của khách hàng; Thông số 64, 65 Phần II Thông cáo gửi quy tắc công việc thu nhập viên chức ngân hàng, nhiệm vụ của NHPT ban hành kèm theo Quy định số 426/Q -NHPT ngày 12/8/2009 của Tổng Giám đốc NHPT.

2.1.4.2. Tổ chức phòng kế toán

- Sơ đồ tổ chức phòng kế toán tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị :



(Nguồn: Phòng KT – TC)

S 2.2. S t ch c phòng Kế toán

- Nhiệm vụ :

+ Kế toán chi tiêu nhib : theo dõi và phản ánh tất cả các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến nghiệp vụ thu và chi của NHPT.

+ Kế toán cho vay: theo dõi và phản ánh tất cả các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến công tác ghi ngân, thu nhập, thu lãi, theo dõi lãi chưa thu, phân loại ...theo đúng nghiệp vụ kế toán cho vay vốn TD T, TDXK, bảo lãnh....

+ Kế toán tín dụng: theo dõi và phản ánh tất cả các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tín dụng không kỳ hạn và có kỳ hạn của khách hàng theo đúng quy định.

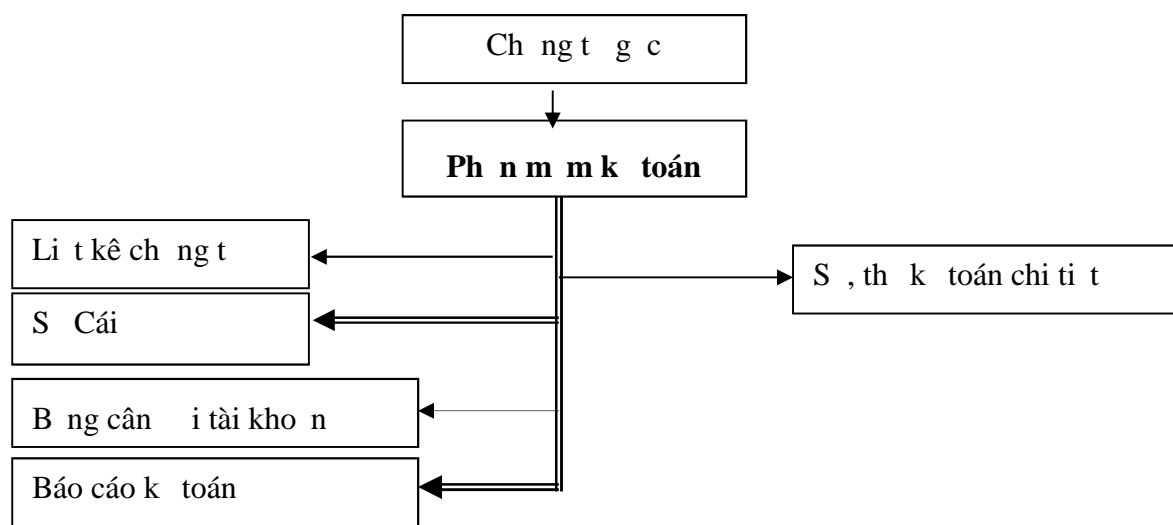
+ Kế toán thanh toán: theo dõi và phản ánh tất cả các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến công tác chuyển tiền qua các kênh thanh toán hiện hành theo quy định của NHPT.

+ Kế toán tổng hợp: theo dõi và phản ánh tổng hợp toàn bộ tình hình phát sinh nghiệp vụ kế toán thông qua các báo cáo tài chính phát sinh; tổng hợp và đóng sổ kế toán.

2.1.4.3. Hình thức kế toán áp dụng

- Hình thức kế toán áp dụng cho các đơn vị trong hệ thống NHPT là hình thức “Kế toán trên máy vi tính”.

- Từ tháng 10/2011, Ngân hàng Phát triển Việt Nam triển khai và vận hành chính thức công trình VDB online kết nối thông tin trực tuyến các chi nhánh lên Hệ thống chính sách thuế li u chính xác và kịp thời các hoạt động nghiệp vụ phát sinh tại các chi nhánh giúp cho công tác quản lý, điều hành vận và sản xuất vận hành hệ thống nâng cao chất lượng và hiệu quả.



Ghi chú:

In hàng ngày: →

In cuối kỳ :... ⇒

S 2.3. Hình thức kế toán trên máy vi tính

- Trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức kế toán trên máy vi tính:

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán để dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng biểu thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin kết quả nhập vào sổ kế toán tổng hợp (S Cái) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cung cấp) và lập báo cáo tài chính. Việc ghi chi u ghi a s li u t ng h p v i s li u chi ti t c th c hi n t ng và luôn m b o chính xác, trung thực theo thông tin

ã công nhân trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, chỉ sử dụng lại số kế toán và báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm số kế toán tổng hợp và số kế toán chi tiết đã in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về số kế toán ghi bằng tay.

Các phân hệ trong chương trình VDB online

- Công tác huy động vốn
- Tín dụng KKH của Chi nhánh tại HSC
- Tín dụng CKH tại NHTM
- Quản lý Séc
- Tách cân nội ngoại tệ
- Tín dụng và thanh toán
- Cho vay lãi vốn ODA
- Cho vay qua TK của bất kỳ SGD
- Phân bổ chi phí
- Phân hệ kế hoạch
- Phân hệ khách hàng
- Phân hệ DA/khoản vay
- Phân hệ tín dụng nội bộ
- Phân hệ nhân viên, gia đình
- Thanh toán chuyển tiền
- Phân hệ phí thu phí
- Phân hệ chi phí phát
- Phân hệ chi phí trả sau thuế
- Phân hệ tín dụng thanh toán
- Phân hệ TSC

2.1.5. Tình hình hoạt động qua 3 năm 2013-2015 tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thành phố Hồ Chí Minh - Quận Trảng

2.1.5.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn của NHPT chi nhánh khu vực Thành phố Hồ Chí Minh - Quận Trảng giai đoạn 2013 – 2015

Bảng 2.1. Bảng cân đối kế toán của NHPT chi nhánh khu vực Thành phố Hồ Chí Minh - Quận Trảng giai đoạn 2013 - 2015

Chỉ tiêu (VT:VN đồng)	2013		2014		2015		So sánh (2014/2013)	
	Giá trị	%	Giá trị	%	Giá trị	%	Biến động	%
I. TÀI SẢN	3,445,147,593,856	100%	3,315,659,775,682	100%	4,177,197,845,257	100%	(129,487,818,174)	-3.76%
1. Tiền mặt	45,604,272	0.00%	42,531,901	0.00%	78,426,988	0.00%	(3,072,371)	-6.74%
2. Tiền gửi NHNN	221,747,305	0.01%	212,803,749	0.01%	229,406,083	0.01%	(8,943,556)	-4.03%
3. Tiền gửi các TCTD	2,678,467,111	0.08%	1,380,723,435	0.04%	2,998,684,195	0.07%	(1,297,743,676)	-48.45%
4. Tài sản trong hoạt động nghiệp vụ	3,292,334,086,733	95.56%	3,153,347,001,504	95.10%	4,011,633,483,720	96.04%	(138,987,085,229)	-4.22%
5. TSC và Tài sản có khác	160,872,161,188	4.67%	172,512,786,035	5.20%	188,056,683,907	4.50%	11,640,624,847	7.24%
-Trong đó: Xây dựng cơ bản, mua sắm TSC	1,699,713,572	0.05%	17,332,847,887	0.52%	0	0.00%	15,633,134,315	919.75%
6. Hao mòn TSC	(11,004,472,753)	-0.32%	(11,836,070,942)	-0.36%	(25,798,839,636)	-0.62%	(831,598,189)	7.56%
II. NGUỒN VỐN	3,445,147,593,856	100%	3,315,659,774,682	100%	4,177,197,845,257	100%	(129,487,819,174)	-3.76%
1. Tiền gửi của KH	13,973,287,938	0.41%	41,998,487,200	1.27%	28,157,317,619	0.67%	28,025,199,262	200.56%
2. Các khoản phải trả cho bên ngoài	13,150,768	0.00%	-	0.00%	130,467,300	0.00%	(13,150,768)	-100%
3. Các khoản phải trả nội bộ	-	0.00%	-	0.00%	212,903,000	0.01%	-	0.00%
4. Hoạt động thanh toán	3,429,108,053,831	99.53%	3,271,444,121,890	98.67%	4,143,092,429,043	99.18%	(157,663,931,941)	-4.60%
5. Nguồn vốn CSH	2,053,101,319	0.06%	2,217,165,592	0.07%	5,604,728,295	0.13%	164,064,273	7.99%

(Nguồn: Bảng cân đối nguyên tắc tài khoản nội bộ ngân chi tiết của NHPT chi nhánh khu vực Thành phố Hồ Chí Minh - Quận Trảng)

❖ Tài sản

- Bảng 2.1.1 ta thấy trong cơ cấu tài sản của ngân hàng thì Tài sản trong hoạt động nghiệp vụ (tài sản trong hoạt động tín dụng) chiếm phần lớn trong tài sản. Trong năm 2013, tài sản trong hoạt động nghiệp vụ là 3,292,334,086,733 (tổng nợ vay là 95.56%) và có xu hướng giảm mạnh trong năm 2014 với mức giảm 138,987,085,229 (tổng nợ vay là 4.22%). Năm 2015 có sự sát nhập của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Thái Thiên Huế và Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Quảng Trị nên không thể so sánh bình quân giữa 2 năm 2014-2015, tuy nhiên, tổng tài sản trong hoạt động nghiệp vụ năm 2015 vẫn chiếm 96.04% trong cơ cấu tài sản, tổng là 4,011,633,483,720.

- Năm 2013, nhóm TSC và Tài sản có khác chiếm 4.67% trong tổng tài sản (tổng nợ vay 160,872,161,188) và có sự tăng mạnh trong năm 2014 với mức tăng 11,640,624,847 (tổng nợ vay tăng 7.24%). Đặc biệt, trong nhóm TSC và Tài sản có khác thì chủ yếu là Xây dựng cơ bản, mua sắm TSC có sự bình quân mạnh mẽ trong năm 2014, tăng 919.75% (tổng nợ vay tăng 15,633,134,315) so với năm 2013. Nguyên nhân khi nhìn chi tiêu này tăng mạnh là do đầu tư mua sắm, sửa chữa và xây dựng trụ sở mới năm 2015 thể hiện vì sự sát nhập và chuyển trụ sở hoạt động của chi nhánh NHPT Thái Thiên Huế và chi nhánh NHPT Quảng Trị theo quy định số 369/Q- TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 28/02/2013 về việc chuyển tái cấu trúc, hoạt động của hai thành viên VDB giai đoạn I (2013 – 2015). Năm 2015, nhóm TSC và Tài sản có khác tăng 188,056,683,907 (tổng nợ vay tăng 4.50% trong tổng tài sản). Do chi nhánh khu vực miền Bắc hoàn thành và đi vào hoạt động nên chi phí xây dựng cơ bản, mua sắm TSC bằng 0.

- Các chi tiêu khác chiếm một phần nhỏ trong cơ cấu tài sản của Chi nhánh. Nguyên nhân là do Chi nhánh ít khi phát sinh các khoản tín dụng mà thường thanh toán liên ngân hàng. Tuy nhiên chúng ta có xu hướng giảm mạnh trong năm 2014.

❖ Nguồn vốn

- Trong các u ng u n v n, ch tiêu Ho t ng thanh toán chi m a s t tr ng, c th là n m 2013 ch tiêu này t 3,429,108,053,831 (t ng ng chi m 99.53%). M c dù sang n m 2014 ch tiêu này có s gi m nh 4.6% nh ng v n chi m 98.67% trong t ng u ng u n v n (t ng ng 3,271,444,121,890). Trong n m 2015, Ho t ng thanh toán c a Chi nhánh khu v c t 4,143,092,429,043 (t ng ng 99.18% trong t ng s ng u n v n).

- áng chú ý là ch tiêu Ti n g i c a Khách hàng có d u hi u t t trong n m 2014, t ng 200.56% (t ng ng t ng 28,025,199,262) so v i n m 2013, m c dù chính sách cho Khách hàng g i ti n c a Ngân hàng còn r t h n ch . N m 2015, Ti n g i c a khách hàng c a Chi nhánh khu v c t 28,157,317,619 (t ng ng 0.67% trong t ng u ng u n v n).

- Ngoài ra, ngu n v n ch s h u c ng là m t ch tiêu t ng nh qua t ng n m, nguyên nhân ch y u là xu t phát t k t qu ho t ng n m nay c a Chi nhánh cao h n k t qu ho t ng n m tr c, Ngân hàng ho t ng có lãi. C th là, n m 2013, ch tiêu này t 2,053,101,319 , sang n m 2014 ã có s t ng nh , v i m c t ng 7.99% (t ng ng t ng 164,064,273). Trong n m 2015, ngu n v n ch s h u t 5,604,728,295 , chi m t tr ng 0.13% trong c c u ng u n v n c a Chi nhánh khu v c

- Các kho n ph i tr cho bên ngoài chi m t tr ng không áng k , ch y u t p trung Các kho n ph i tr v Xây d ng c b n, mua s m TSC .

2.1.5.2. Kết quả hoạt động kinh doanh của NHPT chi nhánh khu vực Thành Thiên Huế - Quảng Trị giai đoạn 2013 – 2015.

Bảng 2.2. Tình hình kết quả hoạt động kinh doanh tại NHPT chi nhánh khu vực Thành Thiên Huế - Quảng Trị giai đoạn 2013 – 2015

(Nguồn: Báo cáo kết quả hoạt động của NHPT chi nhánh khu vực Thành Thiên Huế - Quảng Trị)

Chỉ tiêu (VT: VNĐ)	2013	2014	2015	So sánh (2014/2013)	
				Biến động	%
A. TỔNG THU NHẬP	212,965,825,407	222,496,909,173	352,959,365,381	9,531,083,766	4.48%
1. Thu nhập từ hoạt động nghiệp vụ (Thu lãi)	212,518,899,114	222,165,979,602	352,120,680,888	9,647,080,488	4.54%
- Thu lãi tín dụng	32,939,424	16,945,099	71,532,460	(15,994,325)	-48.56%
- Thu lãi cho vay	212,485,959,690	222,149,034,503	352,049,148,428	9,663,074,813	4.55%
2. Thu nhập ngoài lãi	446,926,293	330,929,571	838,684,493	(115,996,722)	-25.95%
- Thu nhập phí từ hoạt động dịch vụ	338,083,408	289,768,389	681,777,040	(48,315,019)	-14.29%
- Thu nhập khác	108,842,885	41,161,182	156,907,453	(67,681,703)	-62.18%
B. TỔNG CHI PHÍ	9,009,952,124	8,556,862,670	17,802,978,821	(453,089,454)	-5.03%
1. Chi phí hoạt động nghiệp vụ (trả lãi tín dụng)	275,706,656	261,427,855	517,513,611	(14,278,801)	-5.18%
2. Chi phí ngoài lãi	8,734,245,468	8,295,434,815	17,285,465,210	(438,810,653)	-5.02%
- Chi phí hoạt động dịch vụ	9,942,953	7,389,058	13,558,773	(2,553,895)	-25.69%
- Chi phí các hoạt động khác	8,724,302,515	8,288,045,757	17,271,906,437	(436,256,758)	-5.00%
C. LỢI NHUẬN	203,955,873,283	213,940,046,503	335,156,386,560	9,984,173,220	4.90%

❖ **Bình thu nhập**

- Tổng thu nhập của ngân hàng bao gồm thu nhập lãi (thu nhập cho vay + thu nhập tín dụng) và thu nhập ngoài lãi (thu nhập từ các hoạt động dịch vụ + thu nhập khác). Qua số liệu thu thập được, ta thấy tình hình hoạt động của chi nhánh giai đoạn 2013 – 2015 có xu hướng tăng. Năm 2013, tổng thu nhập của chi nhánh đạt 212,965,825,407. Sang năm 2014, tổng thu nhập của chi nhánh tăng 4.48% (tăng 9,531,083,766 so với năm 2013). Năm 2015, tổng thu nhập của Chi nhánh khu vực đạt 352,959,365,381.

+ Chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu nhập là Thu lãi cho vay, nên việc tăng giảm của nó ảnh hưởng trực tiếp đến tổng thu nhập của chi nhánh. Năm 2014, thu lãi cho vay tăng 9,663,074,813 (tăng 4.55%) so với năm 2013. Mặc dù thu lãi tín dụng trong năm 2014 giảm 48.56% nhưng vì chiếm tỷ trọng nên thu nhập lãi của Chi nhánh vẫn tăng. Năm 2015, thu lãi cho vay của Chi nhánh khu vực tăng 352,049,148,428.

+ Thu nhập ngoài lãi có những biến động thất thường, năm 2014, thu nhập phí từ hoạt động dịch vụ và thu nhập khác chiếm 14.29% so với năm 2013, tăng là thu nhập phí từ hoạt động dịch vụ chiếm 62.18% và thu nhập khác chiếm 14.29%. Nguyên nhân chủ yếu thu nhập khác trong năm 2013 đạt 108,842,885 xuất phát từ việc Chi nhánh đã thu hồi các khoản không có khả năng thu hồi trong năm 2013.

❖ **Bình chi phí**

- Tổng chi phí bao gồm chi phí hoạt động nghiệp vụ (trả lãi tín dụng) và chi phí ngoài lãi (chi phí hoạt động dịch vụ + chi phí hoạt động khác). Từ bảng 2.1.2, ta có thể thấy chi phí của Chi nhánh giảm dần các chỉ tiêu trong giai đoạn 2013 – 2015. Năm 2013, tổng chi phí của chi nhánh là 9,009,952,124. Sang năm 2014, tổng chi phí của chi nhánh 5.03% (tăng 453,089,454) so với năm 2013. Năm 2015, tổng chi phí của Chi nhánh khu vực là 17,802,978,821 do có sáp nhập thành Chi nhánh khu vực.

+ Chi phí Trãi lãi tín dụng năm 2014 giảm 5.18% so với năm 2013 (tăng 14,278,801). Năm 2015, chi phí lãi tín dụng của Chi nhánh khu vực là 517,513,611.

+ Chi phí ngoài lãi tín dụng năm 2014 (tăng 5.02%) so với năm 2013, tăng 8,295,434,815. Nguyên nhân chủ yếu là do chi phí các hoạt động khác chi trả trên cơ sở giảm 5%. Trong năm 2015, chi phí ngoài lãi của Chi nhánh khu vực là 17,285,465,210.

❖ **Bình luận**

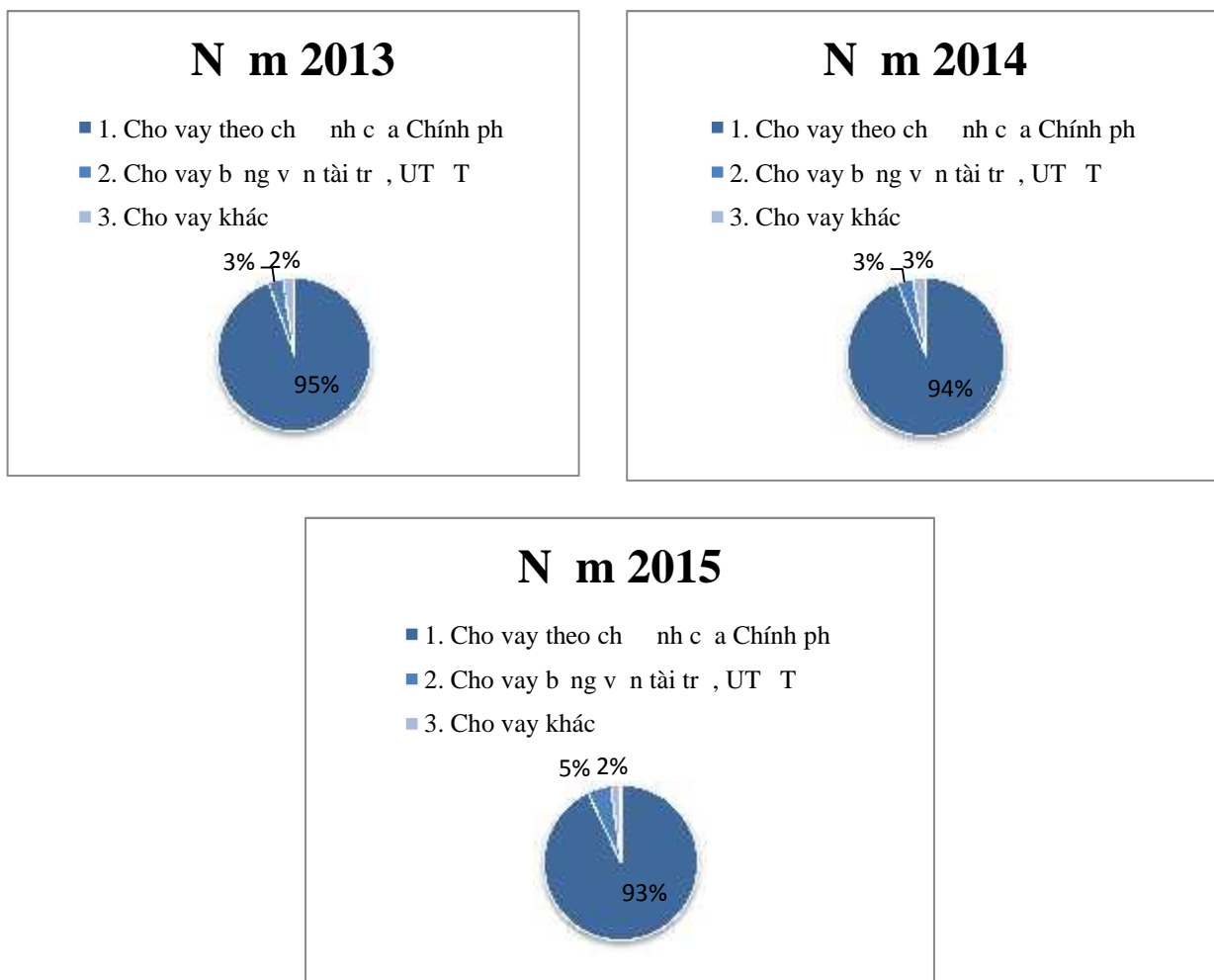
- Lợi nhuận của Chi nhánh giai đoạn 2013 -2015 có dấu hiệu tăng. Cụ thể là, năm 2014, tăng thu nhập 4.48%, tăng chi phí 5.03% làm cho lợi nhuận tăng 4.90% so với năm 2013 (tăng 9,984,173,220). Tổng lợi nhuận năm 2015 là của Chi nhánh khu vực 335,156,386,560.

2.1.5.3. Tình hình sản vụ (theo cơ cấu tín dụng khách hàng) của NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị giai đoạn 2013 – 2015

Bảng 2.3. Tình hình sản vụ theo cơ cấu tín dụng KH của NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị giai đoạn 2013 – 2015

Chỉ tiêu	2013	2014	2015
1. Cho vay theo chính sách của Chính phủ	3,111,591,369,336	2,966,661,101,636	3,730,013,059,448
2. Cho vay bằng vốn tài trợ, y tế, ưu đãi	101,126,997,397	101,685,899,868	196,620,424,272
3. Cho vay khác	79,615,720,000	85,000,000,000	85,000,000,000

(Nguồn: Thuyết minh báo cáo cho vay, cấp phát của NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị)



Biểu đồ 2.1. Tình hình số dư nợ vốn theo các chủ tín dụng khách hàng tại NHPT

Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị giai đoạn 2013 - 2015

Dựa vào bảng 2.1.4 ta có thể nhận thấy trong cơ cấu cho vay vốn của Chi nhánh theo tín dụng khách hàng, Cho vay theo chính sách a Chính phủ chiếm tỷ trọng rất lớn, chiếm khoảng 93% - 95% trong giai đoạn 2013 – 2015. Các chỉ tiêu cho vay khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ. Nguyên nhân xuất phát từ chính sách của hàng Ngân hàng Phát triển Việt Nam là cho vay tín dụng ưu tiên miễn phí phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Thực trạng công tác kế toán cho vay vốn tín dụng ưu đãi Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị

2.2.1. Quy định cho vay tín dụng ưu đãi

Thực hiện theo Nghị định 75/2011/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 30/08/2011 quy định về Tín dụng ưu đãi và Tín dụng xuất khẩu của Nhà nước.

- Định nghĩa cho vay

Định nghĩa cho vay là cho người có dự án ưu đãi thuộc Danh mục các dự án vay vốn tín dụng ưu đãi do Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định 75/2011/NĐ-CP. (Phụ lục 07)

- Ưu tiên cho vay

+ Thuộc định nghĩa cho vay thì chính yếu các thủ tục ưu tiên theo quy định.

+ Cho người phi miễn bảo thanh toán công nợ, Ngân hàng thẩm định phê duyệt án tài chính, phê duyệt án trả nợ và chấp thuận cho vay.

+ Cho người có vốn chủ sở hữu tham gia dự án tối thiểu 20% và phi miễn bảo lưu vốn ưu tiên dự án.

+ Cho người thực hiện miễn bảo tín dụng theo các quy định tại Nghị định 75/2011/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật.

+ Cho người phi mua bảo hiểm tài sản tiềm doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động hợp pháp tại Việt Nam với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc định nghĩa mua bảo hiểm bắt buộc trong suốt thời hạn vay vốn.

+ Cho người phi thực hiện chế độ hạch toán kế toán, báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật; báo cáo tài chính hàng năm phải có kiểm toán bởi cơ quan kiểm toán công lập.

- Mục đích cho vay

Mục đích cho vay là vốn miễn dự án tối thiểu bằng 70% tổng mục đích ưu đãi dự án (không bao gồm vốn lưu động), người phi miễn bảo mục đích cho vay tối thiểu với mức cho người không vượt quá 15% vốn ưu tiên có của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

- Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay được xác định theo khoản thu hồi vốn của dự án và khoản nợ trên của chủ đầu tư phù hợp với các điều kiện kinh doanh của dự án nhưng không quá 12 năm.

- Lãi suất cho vay

+ *Lãi suất*

Theo công văn số 3395/NHPT – C KH ban hành ngày 18/12/2014 về việc thông báo lãi suất cho vay TD T, TDXK:

- Lãi suất cho vay TD T bằng VND là 9,6%/năm.
- Lãi suất không quá hơn bằng 150% lãi trong hạn, tính trên cơ sở ngân hàng, lãi trừ chi phí.

+ *K tính lãi*

K tính lãi quy định như sau:

- Tháng 01: từ ngày 01/01 đến hết ngày 20/01;
- Tháng 02 đến tháng 11: từ ngày 21 tháng trước đến hết ngày 20 tháng ó;
- Tháng 12: từ ngày 21/11 đến hết ngày 31/12.

nhập vào ngày 20 hàng tháng, kế toán tiến hành in và kiểm tra bằng kê tính lãi và chuyển cho Phòng Tín dụng. Đồng thời, kế toán thực hiện hạch toán nhập lãi chưa thu và chuyển lãi nhận trên chi nhánh (hiện thông tin trên lịch trình; không có bút toán hạch toán) để với toàn bộ lãi chưa thu ã nhập.

Phòng Tín dụng kiểm tra, rà soát lại bằng kê tính lãi. Nếu khách trả theo tháng, Phòng Tín dụng in thông báo trả trên chi nhánh, căn cứ số dư của khách hàng và bằng kê tính lãi của khách tính lãi từng ngày, kiểm tra thông tin và gửi tới khách hàng (kèm theo các tài liệu cần thiết - nếu có). Nếu khách không trả theo tháng, Thông báo trả không in trên chi nhánh, Phòng Tín dụng lập thủ công, căn cứ số dư của khách hàng và các bằng kê tính lãi của khách tính lãi từng ngày, kiểm tra thông tin và gửi tới khách hàng (kèm theo các tài liệu cần thiết - nếu có).

Riêng với kỳ tính lãi tháng 12, kế toán thực hiện tính vào ngày 20/12; tuy nhiên, lãi tính cho số dư đến hết 31/12, trong đó, số dư từ ngày 20/12 đến 31/12 tính

bằng số dư cuối ngày 20/12. Trường hợp khi thu nợ có thay đổi thì Phòng Tín dụng và Phòng TCKT cùng phối hợp, có sự điều chỉnh thích hợp.

- Phương pháp tính lãi

Phương pháp tính theo số dư khách: nhân số dư, kết toán các số dư của khách cho vay trong kỳ tính lãi để lập bảng kê tính lãi.

Công thức tính lãi:

- Lãi suất theo năm:

Số tiền lãi	=	Số dư trên khách	x	Số dư ngày trên khách	x	Lãi suất (%/năm)
		360				

Trong đó:

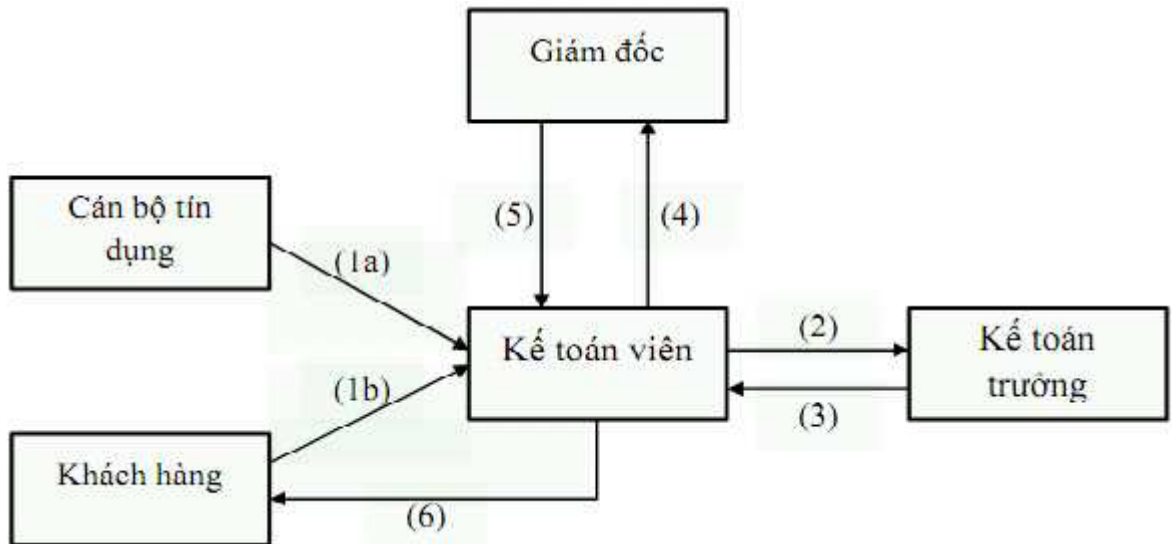
- + Số tiền tính lãi là số tiền theo hình thức huy động vốn
- + Thời gian là thời gian huy động vốn quy đổi ra ngày thực tế
- + Lãi suất là lãi suất quy định trên hình thức.
- + M t n m quy đổi là 360 ngày

• Nếu quy định lãi suất theo tháng, thì quy đổi lãi suất năm tính. Công thức tính như trường hợp lãi suất theo năm như quy định:

Lãi suất năm = Lãi suất tháng × 12 tháng

- Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán nghiệp vụ ngân hàng

+ Sơ đồ:



Sơ đồ 2.4. Quy trình luân chuyển chứng từ kế toán nghiệp vụ ngân hàng

+ Giải thích:

- (1a): Cán bộ Tín dụng chuyển chứng từ nghiệp vụ ngân hàng cho Kế toán viên.
- (1b): Khách hàng chuyển chứng từ nghiệp vụ ngân hàng cho KTV.
- (2): KTV kiểm tra chứng từ theo quy định và trình ký Kế toán trưởng.
- (3): KTT kiểm tra, ký duyệt trình chuyển chứng từ cho KTV.
- (4): KTV trình ký Giám đốc.
- (5): Giám đốc kiểm tra, ký duyệt trình chứng từ cho KTV.
- (6): KTV tách 1 liên báo nợ trả Khách hàng, 1 liên sổ đăng nhập hạch toán.

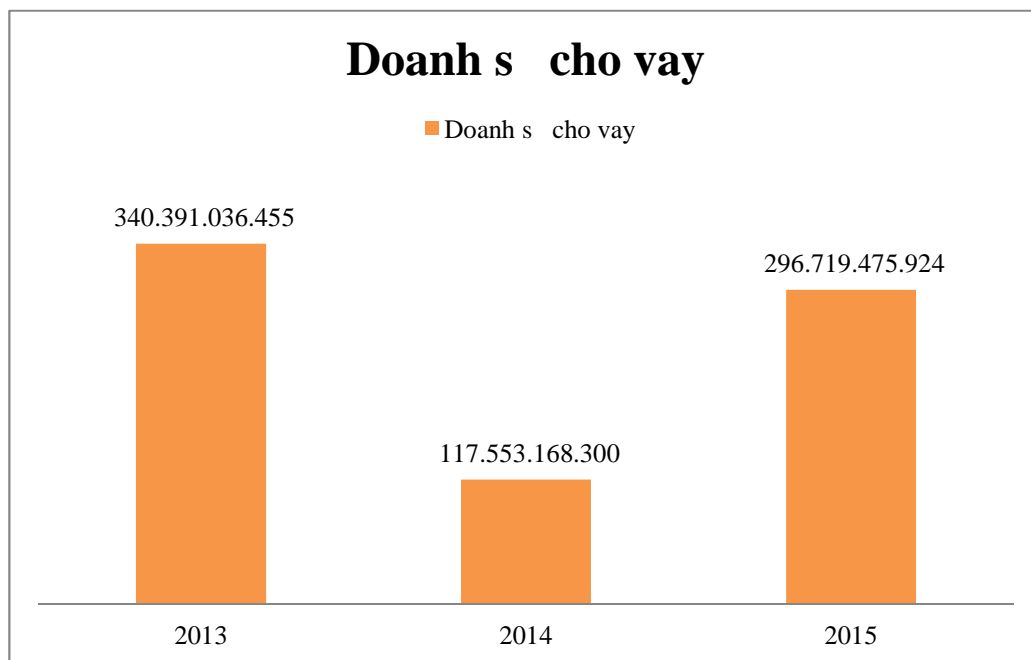
2.2.2. Tình hình thực hiện cho vay vốn tín dụng ưu đãi NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị giai đoạn 2013 – 2015

Bảng 2.4. Tình hình thực hiện cho vay vốn tín dụng ưu đãi NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị giai đoạn 2013 – 2015

Ch tiêu (VT: VNĐ)	2013	2014	2015	So sánh (2014/2013)	
				Biến động	%
1. Số dư nợ	2,996,955,953,237	3,111,591,369,336	3,829,415,829,366	114,635,416,099	3.83%
1.1 Dư nợ chính	982,977,728,347	982,257,728,347	1,129,045,728,347	(720,000,000)	-0.07%
1.2 Dư nợ dự chi tiêu chuẩn	-	-	21,499,943,000	-	-
1.3 Dư nợ nghỉ nợ	-	-	288,031,825,070	-	-
1.4 Dư nợ có khoản nợ mất vốn	1,310,416,073	-	60,937,459,660	(1,310,416,073)	-100%
2. Cho vay trong năm	340,391,036,455	117,553,168,300	296,719,475,924	(222,837,868,155)	-65.47%
3. Thu nợ trong năm	223,946,570,336	262,483,436,000	433,322,772,161	38,536,865,664	17.21%
4. Lãi ã thu trong năm	208,814,786,768	221,879,622,630	347,846,105,128	13,064,835,862	6.26%
5. SD cuối năm	3,111,591,369,336	2,966,661,101,636	3,692,602,464,129	(144,930,267,700)	-4.66%
6. Nợ quá hạn cuối kỳ	64,120,000,000	16,478,000,000	13,578,993,070	(47,642,000,000)	-74.30%

(Nguồn: Báo cáo cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị)

❖ **Doanh số cho vay**



Biểu đồ 2.2. Doanh số cho vay tại NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị giai đoạn 2013 - 2015

Trong 3 năm 2013 – 2015, NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị vận hành tích cực công tác tín dụng và Cho vay tín dụng nói riêng về các dự án ưu tiên trên địa bàn khu vực, nhằm hỗ trợ các dự án tín dụng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội:

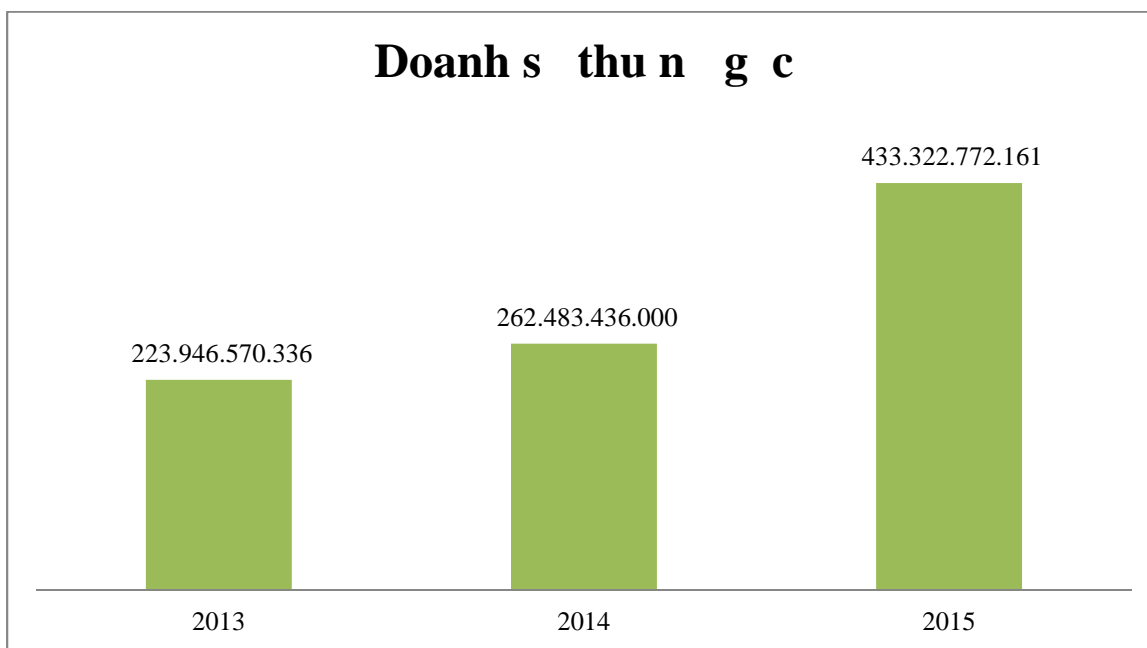
- Chương trình kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, cơ sở hạ tầng làng nghề: Đây là chương trình kinh tế mũi nhọn của Chính phủ trong giai đoạn này, sự vận động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị đã ghi nhận trong giai đoạn 2013 – 2015 khoảng 385 tỷ đồng. Cùng với sự vận động này, tỉnh Thừa Thiên Huế đã tập trung hoàn thiện công tác xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp, trong đó có biệt là hạ tầng kênh mương thủy lợi để ưu tiên xây dựng mới và nâng cấp, góp phần nâng cao hiệu suất sản xuất nông nghiệp tại nhà.

- Chương trình ưu tiên trung tâm ưu tiên theo yêu cầu và Quyết - Định của TW Hu : Giai đoạn 2013 – 2015, Chi nhánh thực hiện giải ngân vốn TD T xây dựng Định của Quyết Hu với số tiền khoảng 57 triệu đồng, dự án hoàn thành đưa vào sử dụng đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh theo yêu cầu về chất lượng dịch vụ cao, giải quyết một phần tình trạng quá tải của Định của TW Hu .

- Chương trình phát triển Thủy điện : Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị đã thực hiện thẩm định và cho vay ưu tiên xây dựng 5 dự án Thủy điện trên địa bàn khu vực, bao gồm: Dự án thủy điện Trà Trách, Dự án thủy điện Bình Định, Dự án thủy điện Hoàng Định, Dự án thủy điện A L i, Dự án thủy điện Sông V n, với tổng công suất các 5 dự án là 343 MW và tổng sản lượng điện bình quân hàng năm khoảng 1350 triệu kWh. Năm 2013, 3 dự án thủy điện Bình Định, Hoàng Định và A L i đã thực hiện giải ngân xong. Trong giai đoạn 2013 - 2014, Chi nhánh tiếp tục thực hiện giải ngân cho dự án thủy điện Trà Trách với số vốn 75 triệu đồng. Năm 2015, Chi nhánh khu vực bố trí giải ngân cho dự án Thủy điện Sông V n với số vốn khoảng 70 triệu đồng. Trong khi 4 dự án thủy điện còn lại đã đưa vào sử dụng, hòa vào lưới điện quốc gia, nhằm giải quyết một phần vấn đề thiếu hụt điện hiện nay.

- Qua biểu đồ 2.1.1 ta thấy, doanh số cho vay giai đoạn 2013 – 2015 có chiều hướng tăng. Doanh số cho vay tín dụng trong năm 2014 có xu hướng giảm mạnh, cụ thể là năm 2014 giảm khoảng 223 triệu đồng (tổng giảm 65.47%) so với năm 2013. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2014, các dự án chính có số vốn giải ngân lớn như Thủy điện A L i, Thủy điện Bình Định, Thủy điện Hoàng Định, Định của Quyết đã giải ngân xong và bước qua giai đoạn thu hồi lãi vay. Các dự án khác có số vốn giải ngân không lớn, một số dự án chậm bước vào giai đoạn thẩm định hồ sơ nên chưa thực hiện giải ngân. Năm 2015, Chi nhánh khu vực bố trí tiếp nhận giải ngân cho dự án thủy điện Sông V n nên doanh số cho vay có số tăng lên.

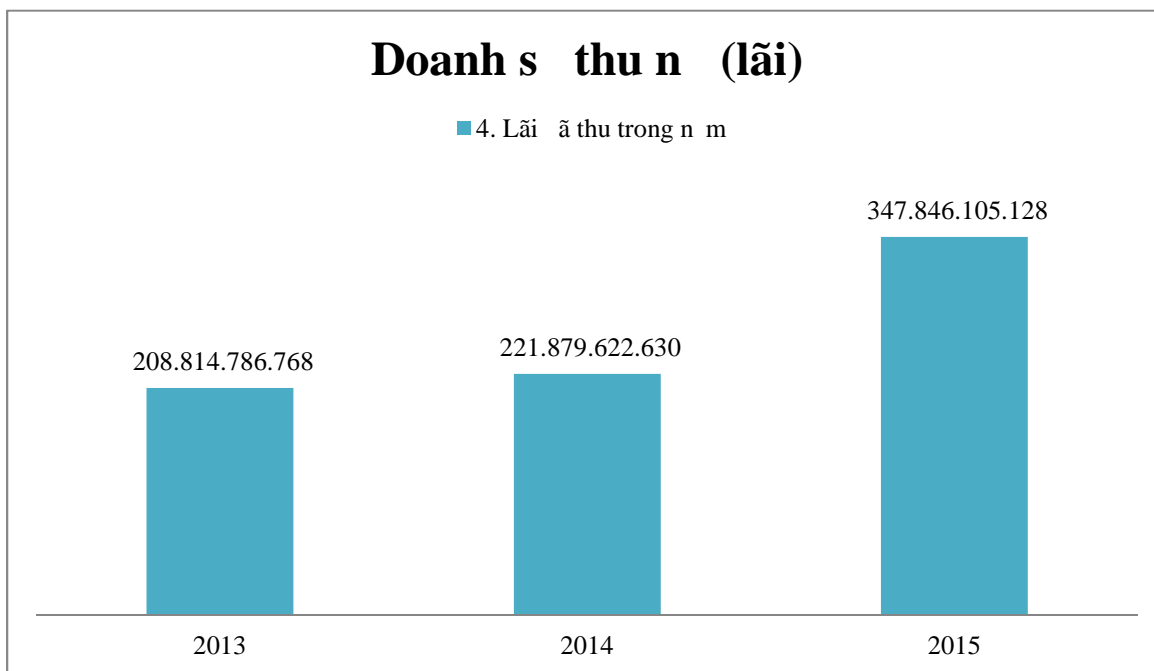
❖ Doanh số thu nhập



Biểu đồ 2.3. Doanh số thu nhập (tổng) tại NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thành Phố Hồ Chí Minh - Quý III năm 2013 -2015

Qua biểu đồ 2.1.2 ta thấy doanh số thu nhập của chi nhánh trong giai đoạn 2013 – 2015 có xu hướng tăng, nguyên nhân là do các cá nhân đã hoàn thành ghi nhận và bắt đầu đổ vào giai đoạn thu nhập. Năm 2014, doanh số thu nhập tăng 38 triệu (tăng 17.21%) so với năm 2013 tổng cộng 262,483,436,000. Mặc dù bước qua giai đoạn thu nhập nhưng doanh số thu nhập có tốc độ tăng không nhanh, nguyên nhân các dự án cho vay vốn TD tại chi nhánh khu vực có quy mô lớn, thời gian thực hiện dài, thời gian cho vay thường là trung hạn và dài hạn, vì vậy đây là khoảng thời gian ảnh hưởng của các dự án, chưa cần thanh toán lãi và lãi vay. Sang năm 2015, có dấu hiệu gia tăng thu nhập, cụ thể là doanh số thu nhập đạt 433,322,772,161, chủ yếu là do chi nhánh đã tiến hành thu nhập các dự án đầu tư kiến trúc hóa kinh doanh, bình vốn và các dự án thực hiện.

❖ Doanh thu net (lãi)



Biểu 2.4. Doanh thu net (lãi) tại NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thành Phố Hồ Chí Minh - Quý IV năm 2013 – 2015

- Doanh thu lãi trong giai đoạn 2013 – 2015 có dấu hiệu tăng mạnh với xu hướng tăng doanh thu net tại Chi nhánh. Năm 2014 có tăng nhẹ khoảng 13 triệu đồng (tăng 6.26%) so với năm 2013.

- Trong năm 2015 do sát nhập trở thành chi nhánh khu vực nên doanh thu net (cộng lãi) thể hiện tăng. Trong năm, doanh thu lãi của chi nhánh khu vực đạt 347,846,105,128.

2.2.3. Tình hình hạch toán cho vay vốn tín dụng ưu đãi

2.2.3.1. Kế toán giai đoạn ngân

2.2.3.1.1. Chứng từ số

* Hệ số tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng ưu đãi – Bên chính (Ph lục 01)
- Hợp đồng tài sản bảo đảm tín dụng – Bên chính (Ph lục 02)
- Khảo sát nhu cầu vay vốn – Bảng (Ph lục 03)
- Trình CV-TCKT/B-TTr về việc Giám ngân cho Nhà thầu – Bên chính (Ph lục

04)

* Hệ số kế toán:

- Giấy nghiệm thu vay vốn (Bên chính)
- Giấy nghiệm rút vốn vay tín dụng ưu đãi phát triển của Nhà thầu (Bên chính) (Ph lục 05)
- Thông báo gửi ngân (Bên chính) (Ph lục 06)

* Chứng từ hạch toán:

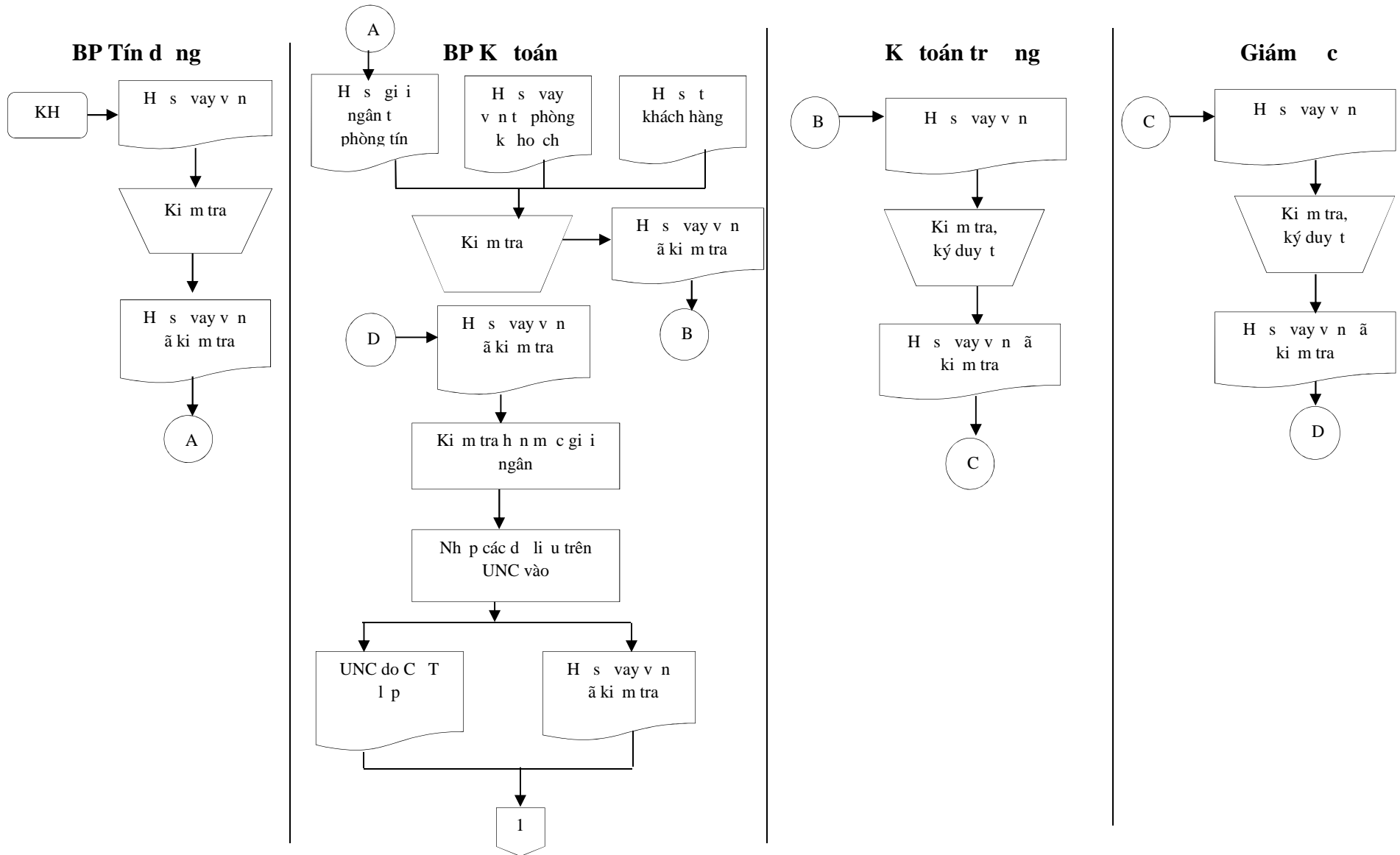
- Ý định chi do chi ưu đãi (Bảng)
- Phiếu chuyển khoản
- Lưu thanh toán – liên 103

2.2.3.1.2. Tài khoản số

- 213121: Nợ tiêu chuẩn cho vay tín dụng ưu đãi
- 519199: TT chi chuyển vốn gửi về Hệ thống chính và chi nhánh

2.2.3.1.3. Quy trình hạch toán và luân chuyển chứng từ

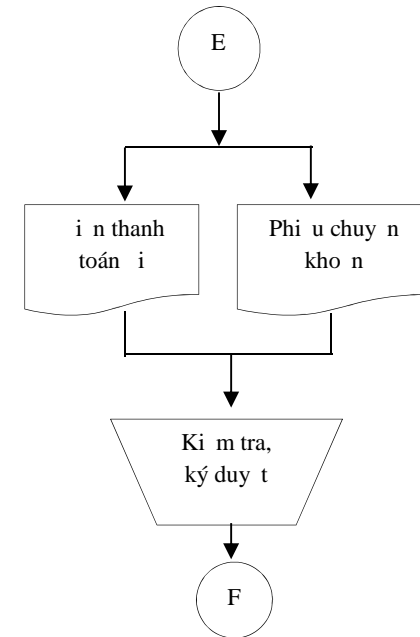
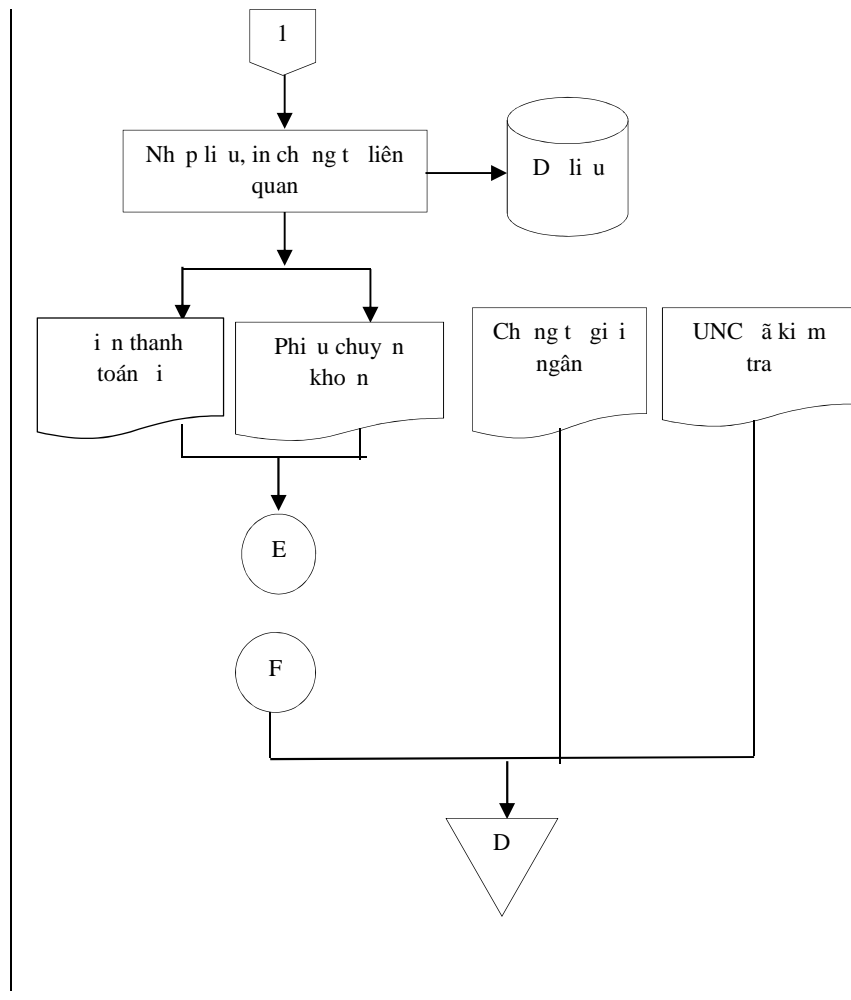
Quy trình hạch toán ghi ngân vụ tín dụng xuất (theo hình thức chuyển khoản)



BP Tín dụng

BP Kế toán

Kế toán trình



Quy trình thực tế : Kế toán viên thực hiện

- Mời khách mời ký nhận nợ vay trên khách vay vay;
- Nhận hồ sơ giấy ngân sách phân bổ ngân sách, phòng kế hoạch và Khách hàng, sai sót kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lý của các chứng từ ngân sách, trình ký Kế toán trưởng và Giám đốc theo đúng quy trình luân chuyển chứng từ;
- Kiểm tra hồ sơ chứng từ ngân sách của HSC phân bổ cho chi nhánh trên chứng trình VDB online qua giao dịch Quản lý danh mục\Phân bổ hồ sơ\Quản lý phân bổ hồ sơ và vị trí nghiệp vụ;
- Vào Giao dịch\Giao dịch chuyển tiền, nhập các dữ liệu trên UNC vào; kết thúc chuyển Kế toán trưởng kiểm duyệt;
- Vào Giao dịch\Giao dịch trong ngày chuyển tiền lập tiền thanh toán đi theo đúng kênh quy định; kết thúc chuyển kế toán thanh toán và KTT kiểm duyệt và chuyển Trung tâm thanh toán của HSC chuyển trả cho ngân hàng;
- In chứng từ liên quan như : Phiếu chuyển khoản, tiền thanh toán đi kèm lưu trữ kèm với các chứng từ ngân sách và chuyển cho bộ phận lưu trữ sổ sách và đóng chứng từ theo quy định.

2.2.3.1.4. Ví dụ minh họa

Ngày 17/06/2014, phát sinh nghiệp vụ giấy ngân sách vay cho Công ty Cổ phần Thủy điện Bitexco – Tập Trách nhiệm thanh toán tiền Khấu hao hoàn thành hình thành công trình nhà máy, kênh xả thải với số tiền là 6.600.000.000

nh khoản: N TK 411.213121.00.000.001	6,600,000,000
Có TK 411.519199.00.001.001	6,600,000,000

- Chứng từ kế toán liên quan:

Biểu 2.1. Ý nghĩa chi khoản ghi ngân cho vay nghiệp vụ ví dụ 1

Y NGHỊ M CHI	
Chuyển khoản, chuyển tín thác, tín	S UNC:
<i>Lập ngày 19 tháng 06 năm 2014</i>	
Nội vụ tín: Công ty CP Thủy sản Bitexco – T Tr ch Kh c: 411750800001188 Tên NHPT tnh, thành ph : Th a Thiên Hu	NHPT GHI
Nội vụ tín: Công ty CP Sông à 505 Số tài khoản: 1020.10000.693.978 Tên NH, KB: TMCP Công th ng VN-CN Ng Hành S n Tên, TP: à N ng	NH (KBNN) GHI N : Có:
Số tín b ng ch : Sáu t sáu tr m tri u ng ch n ./. Nội dung thanh toán: Thanh toán tín KLHT h ng m c bê tông nhà máy, kênh x t 11.	S T I N B N G S 6,600,000,000
<p style="text-align: center;">Nội vụ tín</p> <p>K toán tr ng Ch tài khoản (Ký, tên) (Ký, óng d u)</p> <p>NH, (KBNN) A ghi s ngày .../.../... K toán K toán tr ng (Ký, h tên) (Ký, h tên)</p>	<p style="text-align: center;">Ngân hàng Phát triển</p> <p>ng NH (KBNN) thanh toán UNC này t tài khoản s :.....</p> <p style="text-align: center;"><i>Ngày 19 tháng 06 năm 2014</i></p> <p>Tr ng phòng TCKT Ch tài khoản (Ký, h tên) (Ký, óng d u)</p> <p>NH, (KBNN) B ghi s ngày/.../... K toán K toán tr ng (Ký, h tên) (Ký, h tên)</p>

Biểu 2.2. Phiếu chuyển khoản ghi ngân cho vay nghiệp vụ ví dụ 1

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

SỐ GIAO DỊCH: 411000025

NHPT THẠ THIÊN HƯ

MÃ GIAO DỊCH: 5501

PHIẾU CHUYỂN KHOẢN

Ngày 19 Tháng 06 Năm 2014

Khẩu số: 411750800001188

Địa chỉ/khoản vay: Địa chỉ y tế T Trách

Khách hàng: Công ty Cổ phần Thủy điện Bitexco-T Trách

Số KKD: 3300389576, Ngày cấp: 10/06/2011

Địa chỉ: Xã Đông Hòa, huyện Hoàng Thới, tỉnh Thừa Thiên Huế

	TÀI KHOẢN	TÊN TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN
N	411.213121.00.000.001	N TIÊU CHUẨN CHO VAY DÀI HẠN TÍNH ĐƠN LẬP	6,600,000,000 VND
Có	411.519199.00.001.001	TỔNG CHUYỂN VÀNG VÀ HSC VỊ CHI NHÁNH - HSC	6,600,000,000 VND

Số tiền bằng số: **6,600,000,000 VND**

Số tiền bằng chữ: **Sáu tỷ sáu trăm triệu đồng Việt Nam (*)**

Nội dung: **Thanh toán tiền KLHT hàng mục bê tông nhà máy, kênh xả đợt 11**

L PBI U

K TOÁN TRƯNG

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 2.3. Lệnh thanh toán – tín hiệu ngân hàng cho vay nghiệp vụ ví dụ 1

Lệnh thanh toán – tín hiệu	Bản chính
Mã hiệu: 411022669103	Ấn xác thực
Phân mục	
Loại hiệu: 103 – Lệnh chuyển tiền khách hàng	
Ngân hàng gửi: 46208001	
NH Phát triển Việt Nam CN Thừa Thiên Huế	
Ngân hàng nhận: 48201002	
NHTMCP Công Thương CN Ngân Hàng Sài Gòn	
Người gửi: Công ty CP thủy điện Bitexco Thừa Thiên Huế	
Người nhận: Công ty CP Sông Đà 505	
Số tiền: 6,600,000,000	
Bản ghi: Sáu tỷ sáu trăm triệu đồng Việt Nam	
Địa chỉ: Thanh toán tiền KLHT hàng mục bê tông nhà máy, kênh xả đọt 11	
Nội dung chính	
:20: Số tham chiếu của NH gửi 4110614000001364	
:23B: Mã xử lý CRED	
:32A: Ngày hiệu lực, Loại tiền, Số tiền 140619VND6600000000	
:50K: Khách hàng ra lệnh /4117508000001188 Công ty CP thủy điện Bitexco – Thừa Thiên Huế	
:52A: Tổ chức ra lệnh /CN Ngân hàng Phát triển TT-Huế 46208001: NH Phát triển Việt Nam CN Thừa Thiên Huế	
:59: Người thanh toán /102010000693978	

2.2.3.2. Kế toán giai đoạn tính lãi

2.2.3.2.1. Chứng từ sử dụng

giai đoạn này, chứng từ hạch toán gồm: Phiếu nhập nội bộ, Phiếu tính lãi cho vay

2.2.3.2.2. Tài khoản sử dụng

- 914521: Lãi vay dài hạn Tín dụng

2.2.3.2.3. Phương pháp tính lãi

Tính lãi cho vay theo phương pháp tích số

$$\text{Tiền lãi} = \frac{\sum_{i=1}^n D_i \times N_i}{\sum_{i=1}^n N_i} \times \text{Lãi suất}$$

Trong đó: + D_i : Số tiền gốc tính

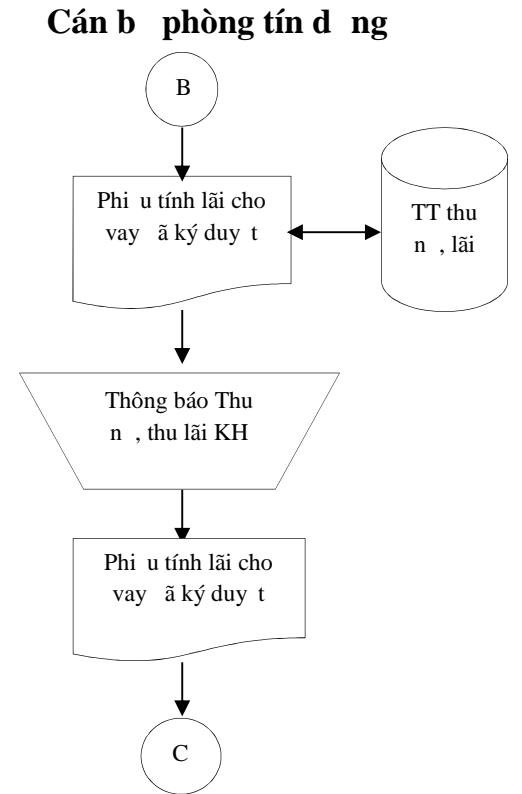
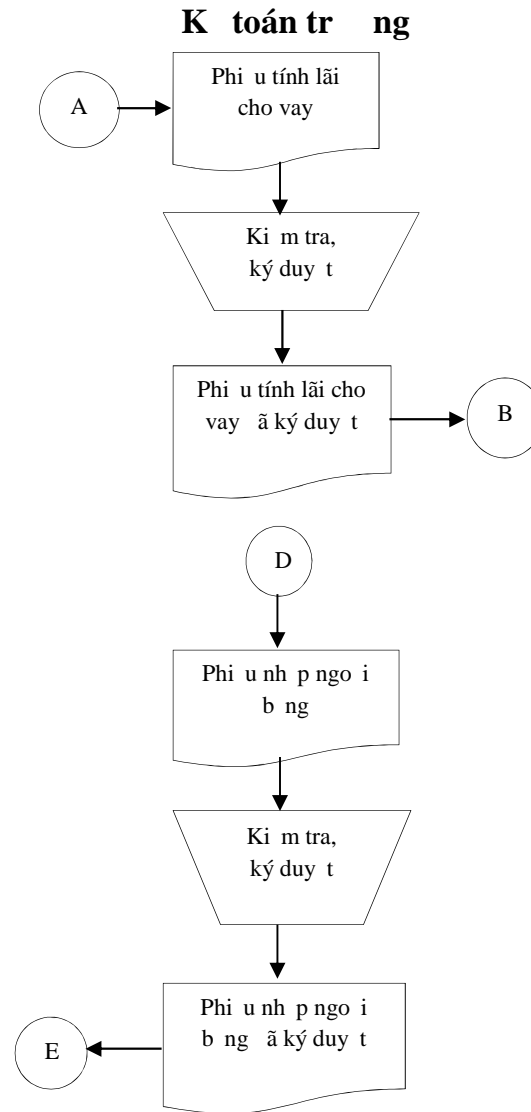
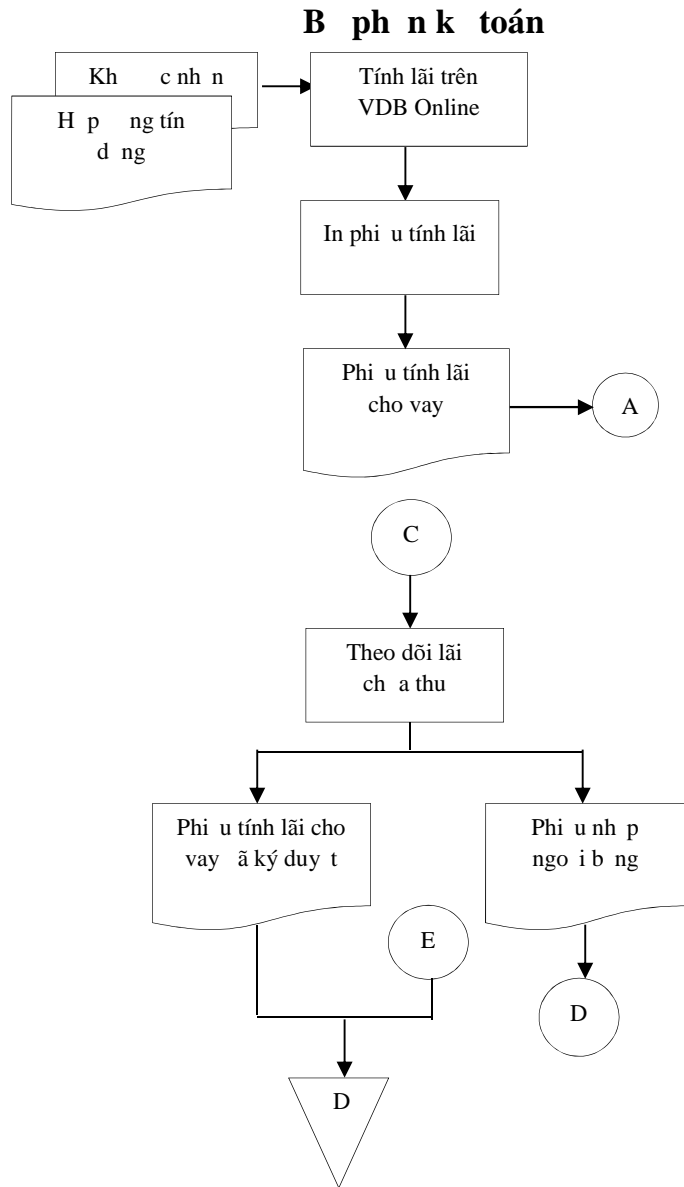
+ N_i : Số ngày tính

Áp dụng nội quy cho vay tín dụng, cho vay theo hình thức tín dụng.

2.2.3.2.4. Quy trình hạch toán và luân chuyển chứng từ

- Căn cứ theo Hợp đồng Tín dụng và các văn bản pháp luật có hiệu lực kể từ ngày 20 hàng tháng cán bộ tín dụng và cán bộ kế toán cho vay ghi chi số lãi tính và nhập nội bộ lãi chưa thu trên chứng trình VDB Online.

Quy trình hạch toán kế toán tính lãi



2.2.3.2.5. Ví dụ minh họa 2

Ngày 20/06/2014, kế toán viên tính lãi tháng 06/2014 của Công ty CP Thủy sản Bitexco – Tổng Trách nhiệm thu lãi cho vay, số tiền tính được là: 39.720.151 đồng

Quy trình thực hiện: Kế toán viên thực hiện trên VDB online

+ Vào Quên lý danh mục \Tín dụng\Tính lãi tính phí chính ngày 21/05/2014 đến ngày 20/06/2014 tính trích nhập ngân sách chi phí lãi cho vay; kết thúc chuyển Kế toán trưởng kiểm tra, ký duyệt rồi chuyển cho Cán bộ Phòng tín dụng thông báo thu nợ, thu lãi khách hàng.

+ Sau khi nhận phí lãi đã ghi chi vào Phòng tín dụng chuyển trả; kế toán viên vào Quên lý danh mục \Tín dụng\Tính lãi tính phí chính Nhập ngoi ngân theo dõi lãi chưa thu; kết thúc chuyển Kế toán trưởng kiểm duyệt; nhập phí ngoi ngân trên màn hình F8 đính kèm Phiếu tính lãi cho vay rồi trình ký Kế toán trưởng và lưu trữ.

+ Nhập tiền vào Quên lý danh mục \Tín dụng\Chuyển lãi phí nhận chuyển nhượng theo dõi lãi nhận thu; kết thúc chuyển Kế toán trưởng kiểm duyệt.

Nghiệp vụ ghi Nợ TK 411.941521.00.000.001 39,720,151

- Chứng từ kế toán liên quan:

Biểu 2.4. Phiếu nhập ngoi bảng lãi vay dài hạn TD T.ch a thu nghi p v ví d 2

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHANH NHPT TT HUE
TP HUE

S GIAO DỊCH: 411000160
MÃ GD: 55D1

PHIẾU NHẬP NGOI BẢNG

Ngày 20 tháng 06 năm 2014

S tài khoản: 411.7.5080.00.01188

Tên khách hàng: Công ty cổ phần thủy điện Bitexco – T Tr ch

S CMND/S KKD: 3300389576, Ngày cấp: 18/05/2006

Nơi cấp: S KH T T nh TT - Hu

Địa chỉ: Xã Đông Hòa, huyện Hòa Thành, tỉnh Thừa Thiên Huế

	TÀI KHOẢN	TÊN TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN
N	411.941521.00.000.001	LÃI VAY DÀI HẠN TÍN DỤNG ƯT CH A THU	39,720,151 VND

Số tiền bằng số: **39,720,151 VND**

Số tiền bằng chữ: Ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn một trăm tám mươi hai đồng Việt Nam (*)

Nội dung: Nhập lãi ch a thu cho khách c 411750800001188

L PBI U

(Ký, họ tên)

K TOÁN TRƯNG

(Ký, họ tên)

Biểu 2.5. Phiếu tính lãi cho vay dài hạn TD T nghiệp vụ ví dụ 2

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHANH NHPT TT HUE <p style="text-align: center;">PHIẾU TÍNH LÃI CHO VAY</p> T ngày: 21/05/2014 n ngày: 20/06/2014 Khách hàng: 00005658 - Công ty Cổ phần thủy sản Bitexco – T Tr ch D án: 00022357 – D án thủy sản T Tr ch Kh c s : 411-7-5080-00-01188 Ngo i t : Ngày tính lãi: 20/06/2014 00					
T ngày	n ngày	S ngày	S d	Lãi suất	S t i n
21/05/2014	18/06/2014	29	3,797,000,000	10.8	33,033,900
19/06/2014	20/06/2014	2	11,143,752,000	10.8	6,686,251
				T ng c ng	39,720,151
B ng ch : [+]Ba m i chín tr i u b y tr m hai m i nghìn m t tr m n m m i m t ng Vi t Nam ,ngày ... tháng ... n m ... <p style="text-align: center;">K toán</p> <p style="text-align: right;">TL. Giám c Tr ng phòng k toán</p>					

2.2.3.3. Kế toán giải o n thu n (g c và lãi)

2.2.3.3.1. Ch ng t s d ng:

giai o n này, ch ng t s d ng bao g m: Phi u h ch toán t ng, Phi u chuy n kho n thu n (g c, lãi), Phi u xu t ngo i b ng

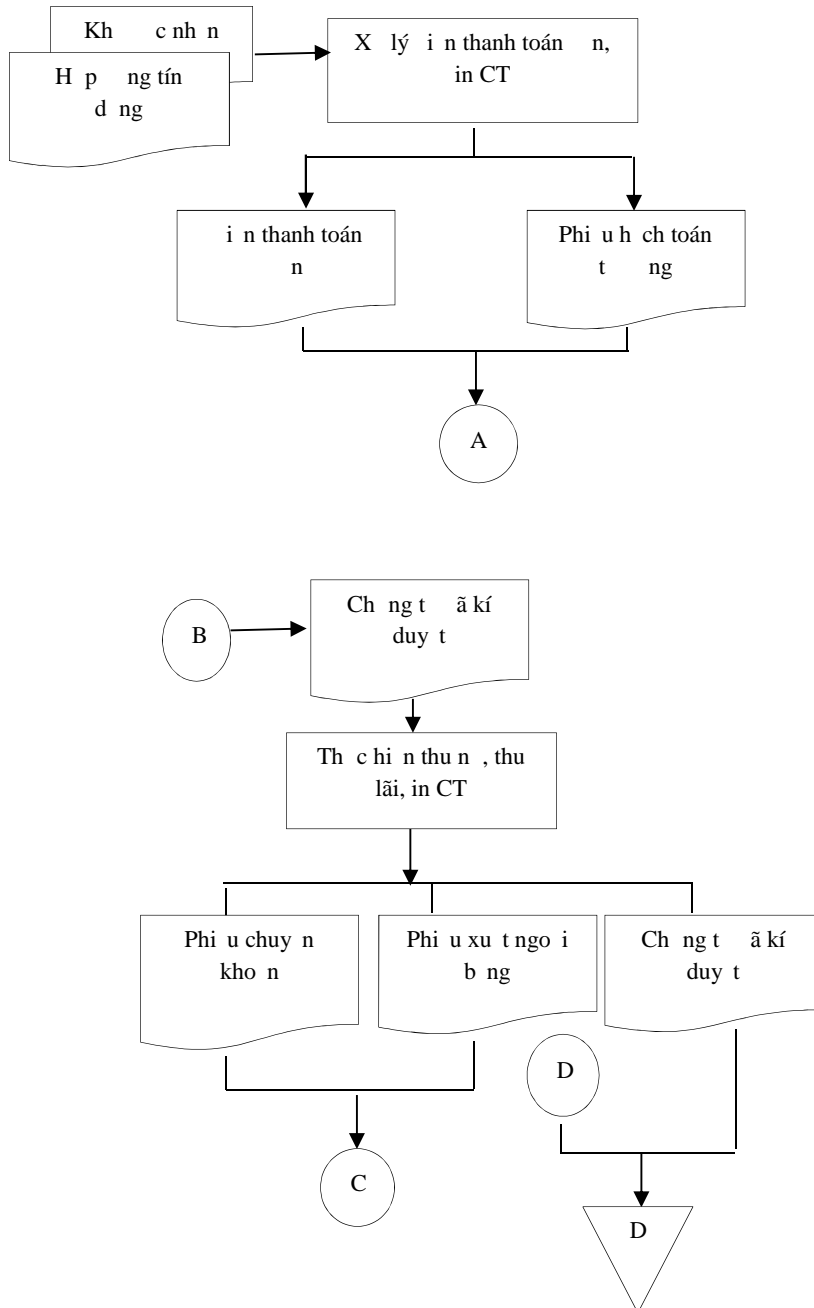
2.2.3.3.2. Tài kho n s d ng:

- 519199: TT i u chuy n v n gi a HSC v i CN
- 421112: Ti ng i KKH c a khách hàng vay v n, c p HTS T
- 213121: N tiêu chu n cho vay TD T
- 702131: Thu lãi cho vay dài h n TD T
- 941521: Lãi cho vay dài h n TD T

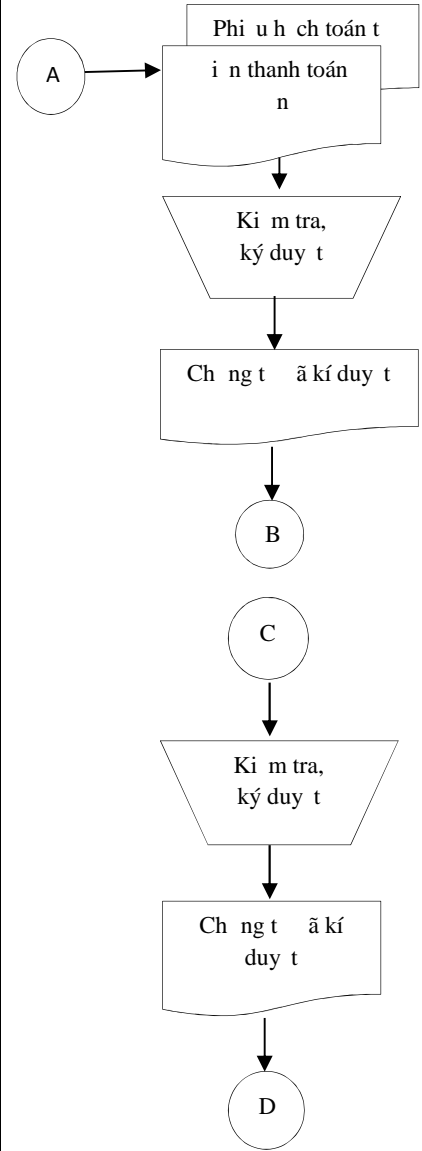
2.2.3.3.3. Quy trình hạch toán và lưu chuyển chứng từ

Quy trình hạch toán kế toán thu nhập, thu lãi

B phân kế toán



K toán trình



2.2.3.3.4. Ví dụ minh họa 3

Ngày 29/01/2016 phát sinh nghiệp vụ Công ty cổ phần Thủy sản Bicotex – T Tr ch tr n tháng 1/2016 s t i n: 300.000.000

Qui trình kế toán thực hiện trên VDB online:

+ Nhập các thông tin về Kế toán trưởng kiêm duy trì; vào QLDM\ i n\X lí i n ch n i n in, chuyển KTT ký duyệt.

Nội dung nghiệp vụ thanh toán nghiệp vụ ví dụ 3 (Phần 1 của 07)

+ Vào QLDM\KT\BC\ch n GL062 chuyển giao dịch liên chi nhánh in phiếu hạch toán; trình ký Kế toán trưởng.

+ Vào Giao dịch\Giao dịch thông thường F2\5581 chuyển ứng số tài khoản vay của Công ty cổ phần Thủy sản Bitexco – T Tr ch th c hi n thu n g c, k t thúc in và chuyển chuyển cho kế toán trưởng kiểm tra và ký duyệt

nh khoản nghiệp vụ : N TK 411. 421112.00.000.001 300,000,000

Có TK 411.213121.00.000.001 300,000,000

Biểu 2.6. Phiếu hạch toán nghiệp vụ ví dụ 3

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM		Ngày tạo: 29/01/2016 09:16:02AM	
TH A THIÊN HU		Mã báo cáo: GL062	
PHIẾU HẠCH TOÁN NGHIỆP VỤ			
Ngày: 29/01/2016			
	TÀI KHOẢN	TÊN TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN
N	411-519199-00-001001	TT i u chuy n v n gi a HSC v i Chi nhánh - HSC	300,000,000 VND
CÓ	411-519991-00-001001	Thanh toán i u chuy n v n n i b ch x lý	300,000,000 VND
Nội dung: Chuyển tiền n n i b - Nhập in			
L PBI U (Ký, họ tên)		Ngày .../.../..... K TOÁN TRƯỞNG (Ký, họ tên)	

Biểu 2.7. Phiếu chuyển khoản thu nợ gốc nghiệp vụ ví dụ 3

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH NHPT TP HUE TP HUE	SỐ GIAO DỊCH: 411000022 MÃ GD: 5542												
PHIẾU CHUYỂN KHOẢN Ngày 29 tháng 01 năm 2016													
Số tài khoản: 411.4.5080.00.00016 Tên đơn vị: Đơn vị kinh tế Trách nhiệm Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Thương mại Bitexco – TP Huế Địa chỉ: Xã Đông Hòa, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế Số tài khoản: 411.0.4100.00.00087 Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Thương mại Bitexco – TP Huế Địa chỉ: Xã Đông Hòa, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế													
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;"></th> <th style="width: 30%;">TÀI KHOẢN</th> <th style="width: 50%;">TÊN TÀI KHOẢN</th> <th style="width: 10%;">SỐ TIỀN</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">N</td> <td style="text-align: center;">411.421112.00.000.001</td> <td>TIỀN IKKHC Á KHÁCH HÀNG VAY VỐN, CẬP HỨT NHPT</td> <td style="text-align: right;">300,000,000 VND</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">CÓ</td> <td style="text-align: center;">411.213121.00.000.001</td> <td>N TIÊU CHUẨN CHO VAY DÀI HẠN TÍNH ĐƠN VỊ</td> <td style="text-align: right;">300,000,000 VND</td> </tr> </tbody> </table>			TÀI KHOẢN	TÊN TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN	N	411.421112.00.000.001	TIỀN IKKHC Á KHÁCH HÀNG VAY VỐN, CẬP HỨT NHPT	300,000,000 VND	CÓ	411.213121.00.000.001	N TIÊU CHUẨN CHO VAY DÀI HẠN TÍNH ĐƠN VỊ	300,000,000 VND
	TÀI KHOẢN	TÊN TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN										
N	411.421112.00.000.001	TIỀN IKKHC Á KHÁCH HÀNG VAY VỐN, CẬP HỨT NHPT	300,000,000 VND										
CÓ	411.213121.00.000.001	N TIÊU CHUẨN CHO VAY DÀI HẠN TÍNH ĐƠN VỊ	300,000,000 VND										
Số tiền bằng số: 300,000,000 VND Số tiền bằng chữ: Ba trăm triệu đồng Việt Nam Nội dung: Cty Cp thương mại Bicotex Thừa Trách trả gốc tháng 1/2016													
L PBI U (Ký, họ tên)	K TOÁN TRƯNG (Ký, họ tên)												

2.2.3.3.5. Ví dụ minh họa 4:

Ngày 27/01/2015 phát sinh nghiệp vụ Công ty Cổ phần Thương mại Bicotex – TP Huế trả lãi tháng 1/2015 số tiền: 98,101,010

- Qui trình kế toán thuế chi n:

+ Nhà kế toán lãi, kế toán viên nhà sản xuất và kinh doanh lãi phải thu chi a thu

Nhập TK lãi chi a thu

ng thi, sau khi nhập lãi chi a thu, kế toán viên thuế chi n chuyển lãi n h n i
v i toàn bộ lãi chi a thu ã nhập này.

+ i v i lãi n k mà C T chi a tr , kế toán viên hạch toán lãi quá hạn

Xuất TK lãi chi a thu

Nhập TK lãi n h n phải thu nhà sản xuất c

+ i v i các khoản lãi quá hạn (lãi chi m tr n h n phải thu nhà sản xuất
c), kế toán viên tính lãi phát trên sổ lãi trích m và hạch toán

Nhập TK lãi phát trên lãi trích m

Biểu 2.8. Phiếu chuyển khoản thu lãi nghiệp vụ ví dụ 4

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH NHPT TT HUE
TP HUE

SỐ GIAO DỊCH: 411000045
MÃ GD: 5545

PHIẾU CHUYỂN KHOẢN

Ngày 27 tháng 01 năm 2015

Số tài khoản: 411.7.5080.00.01188

Tên đơn vị: Đơn vị y tế T Trách

Tên khách hàng: Công ty cổ phần y tế Bicotex – T Trách
Địa chỉ: Xã Đông Hòa, huyện Đông Thành, tỉnh Thừa Thiên Huế

Số tài khoản: 411.0.4100.00.00087

Tên khách hàng: Công ty cổ phần y tế Bicotex – T Trách
Địa chỉ: Xã Đông Hòa, huyện Đông Thành, tỉnh Thừa Thiên Huế

	TÀI KHOẢN	TÊN TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN
N	411.519991.00.001.001	THANH TOÁN LƯU CHUYỂN VỐN NHIỆM VỤ CHẾ X LÝ	98,101,010 VND
CÓ	411.702131.00.000.001	THU LÃI CHO VAY DÀI HẠN TÍN DỤNG	98,101,010 VND

Số tiền bằng số: **98,101,010 VND**

Số tiền bằng chữ: Chín mươi tám triệu một trăm linh một nghìn không trăm mười lăm đồng Việt Nam

Nội dung: CTy CP Thủy điện Bitexco Thừa Thiên Huế trả lại tháng 1/2015 theo to trình ngày 27/1/2015 của phòng TD

L P B I U
(Ký, họ tên)

K T O Á N T R Ứ
(Ký, họ tên)

Biểu 2.9. Phiếu xuất ngoại tệ bằng lãi vay dài hạn TD - Tờ chi trả nghiệp vụ ví dụ 4

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM		SỐ GIAO DỊCH: 411000045	
CHI NHANH NHPT TT HUE		MÃ GD: 5545	
TP HUE			
PHIẾU XUẤT NGOẠI TỆ			
Ngày 27 tháng 01 năm 2015			
Số tài khoản: 411.7.5080.00.01188			
Tên khách hàng: Công ty Cổ phần Thương mại Bitexco – Tờ Chi			
Số CMND/Số KKD: 3300389576, Ngày cấp: 18/05/2006			
Nơi cấp: Số KH TT NH TT - Huế			
Địa chỉ: Xã Đông Hòa, huyện Hòa Thành, tỉnh Thừa Thiên Huế			
	TÀI KHOẢN	TÊN TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN
CÓ	411.941521.00.000.001	LÃI VAY DÀI HẠN TÍN DỤNG CHẤM	98,101,010 VND
Số tiền bằng số: 98,101,010 VND			
Số tiền bằng chữ: Chín mươi tám triệu một trăm linh một nghìn không trăm một đồng Việt Nam			
Nội dung: Cty CP Thủy điện Bitexco Ta Trách trả lại tháng 1/2015 theo to trình ngày 27/1/2015 của phòng TD			
L P B I U		K T O Á N T R Ứ	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)	

những khoản nghiệp vụ:

Nợ TK 411.519991.00.001.001 98,101,010

Có TK 411.702131.00.000.001 98,101,010

Xuất TK 411.941521.00.000.001 98,101,010

2.2.4. Hình thức toán phân loại tín dụng

- Việc phân loại tín dụng thực hiện theo quy định của Công văn số 4426/NHPT-XLN ngày 22/12/2008 của NHPT về việc hướng dẫn phân loại tín dụng.

- Đơn vị theo dõi trên các tài khoản tiền gửi ngân hàng và các nhóm nợ theo quy định. Số dư nợ quá hạn không thể hiện trên tài khoản kế toán, chỉ thể hiện trên thông tin khách hàng và trên báo cáo cho vay.

- Nhân viên, cán bộ kiểm tra phân loại tín dụng do Phòng tín dụng gửi, phòng kế toán thực hiện hạch toán các bút toán phân loại tín dụng định kỳ.

2.2.5. Lưu trữ và quản lý hồ sơ cho vay

- Hồ sơ vay cấp sổ phụ lưu trữ theo từng khách hàng, số chi nhánh, tài khoản tín dụng cho việc theo dõi và tìm kiếm khi cần. Các chứng từ giao dịch cấp sổ phụ theo ngày và theo đúng trình tự giao dịch rồi đóng thành tập và ghim lại.

- Cuối tháng vào Quản lý danh mục \Tín dụng\ Báo cáo chi nhánh LN999 Báo cáo số chi tiết tài khoản tín dụng in số phụ các tài khoản liên quan; chi nhánh LN052 in báo cáo phân loại theo nhóm nợ; chi nhánh LN102 in báo cáo cho vay kiểm tra, chuyển Phòng tín dụng để chi nhánh và ký duyệt trình ký Kế toán trưởng và Giám đốc; kết thúc đóng và lưu trữ theo quy định.

Biểu 2.10. Sơ chi tiết tài khoản 213121 nghiệp vụ ví dụ 1

SƠ CHI TIẾT TÀI KHOẢN - TÍN DỤNG

T ngày: 01/06/2014 n ngày: 30/06/2014

Số tài khoản: 41121312100000001

Tên tài khoản: N tiêu chuẩn cho vay dài hạn Tín dụng uto

Khách hàng: Công ty cổ phần thương mại Bitexco – Tổng Trách

Đán/khoản vay: Đán thương mại Tổng Trách

Kh c: 411750800001188

Chợng t /Phi u		Di n ghi i	Tài kho n i ng	Phát sinh trong k		S d cu i k	
S CT	Ngày CT			N	Có	N	Có
		S d u k					
411000023	19/06/2014	Chuy n tr ng thái nhóm n nh tính gi i ngân	41121322100000001	3,797,000,000		3,797,000,000	
411000025	19/06/2014	Thanh toán tiền KLHT hàng mục bê tông nhà máy, kênh xả đót 11	41151919900001001	6,600,000,000		10,397,000,000	
411000039	19/06/2014	Chuy n tr ng thái nhóm n nh tính sau gi i ngân	41121322100000001		10,397,000,000		
		Cợng phát sinh trong k (I)		10,397,000,000	10,397,000,000		
		L y k phát sinh t u n m n cu i k tr c (II)			3,797,000,000		
		L y k phát sinh t u n m n cu i k này (II)		10,397,000,000	14,194,000,000		

Ng i ghi s

K toán tr ng

Biểu 2.11. Sơ chi tiết Tài khoản 941521 nghiệp vụ ví dụ 2

Ngân hàng Phát triển Việt Nam
 KV Thành Thiên Hộ -
 Quận Tr
 Chi nhánh: 411

Thời gian tạo: 05/04/2016 08:27:02 AM

Mã báo cáo: LN999

SƠ CHI TIẾT TÀI KHOẢN - TÍNH DẲNG

Thời gian: 01/06/2014 đến ngày: 30/06/2014

Số hiệu tài khoản: 41194152100000001

Tên tài khoản: Lãi vay dài hạn Tín dụng ưu đãi cho thu

Khách hàng: Công ty Cổ phần Thủy sản BiTexco – Thành Tr

Địa chỉ/khoản vay: Địa chỉ Thủy sản Thành Tr

Khách hàng: 411750800001188

Trang số: 3/5

VT: VND

Chi nhảg t /Phi u		Di n gi i	Tài kho n i ng	Phát sinh trong kỳ		Số d cu i kỳ	
S CT	Ngày CT			N	Có	N	Có
		S d u k				171,338,809	
411000102	20/06/2014	Nh p lãi ch a thu cho k c 411750800001188		39,720,151		211,058,960	
		D/c t ng lai chua thu tu lai phat tra cham theo HD 05/SD09/2014 ngay 30/05/2014		539,763		211,598,723	
		C ng phát sinh trong k (I):		40,259,914			
		L y k phát sinh t u n m n cu i kì tr c (II):		304,613,509	133,274,700		
		L y k phát sinh t u n m n cu i kì này (II):		344,873,423	133,274,700		

Ngày ... Tháng ... Năm.....

Ng i ghi s

(Ký. ghi rõ h tên)

K TOÁN TR NG

(Ký. óng d u. ghi rõ h tên)

Biểu 2.12. Sơ chi tiết Tài khoản 213221 nghiệp vụ ví dụ 3

Ngân hàng Phát triển Việt Nam		Thời gian tạo: 21/04/2015 11:01:48 AM	
Thị trấn Thiên Hộ		Mã báo cáo: LN999	
Chi nhánh: 411			
SƠ CHI TIẾT TÀI KHOẢN - TÍN DỤNG			
Từ ngày: 01/01/2016 đến ngày: 31/01/2016			
Số hiệu tài khoản: 41121322100000001			
Tên tài khoản: Nợ cần chú ý cho vay dài hạn Tín dụng rút			
Khách hàng: Công ty Cổ phần Thủy điện BiTexco – Trà Trách			
Địa chỉ/khoản vay: Địa chỉ Thủy điện Trà Trách			
Khách hàng: 411450800000016			
Trang số: 1/4			
VT: VND			

Chi nhả t /Phi u		Di nh gi i	Tài kho n i ng	Phát sinh trong kỳ		Số d cu i kỳ	
S CT	Ngày CT			N	Có	N	Có
		Số dư				38,703,471,182	
411000022	29/01/2016	Cty cp thủy điện BiTexco Trà Trách trả gốc tháng 1/2016	41142111200000001		300,000,000	38,703,471,182	
		Cộng phát sinh trong kỳ (I):			300,000,000		
		Lý do phát sinh t u n m n cu i kỳ tr c (II):					
		Lý do phát sinh t u n m n cu i kỳ này (II):			300,000,000		

<p>Người ghi s (Ký, ghi rõ họ tên)</p>	<p>Ngày ... Tháng ... Năm..... K TOÁN TR NG (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p>
---------------------------------------------------	----------------------------------------------------------------------------------------------

Biểu 2.13. Sơ chi tiết Tài khoản 702131 nghiệp vụ ví dụ 4

Ngân hàng Phát triển Việt Nam
 Thành phố Thiên Hộ - Quảng
 Trị
 Chi nhánh: 411

Thời gian tính: 05/04/2016

Mã báo cáo: LN999

SƠ CHI TIẾT TÀI KHOẢN - TÍN DỤNG

Thời gian: 01/01/2015 đến ngày: 31/01/2015

Số chi tiết tài khoản: 41170213100000001

Tên tài khoản: Thu lãi cho vay dài hạn Tín dụng

Khách hàng: Công ty Cổ phần Thủy sản BTExco – Thành Phố

Đã ấn/khoản vay: Đã ấn thủy sản Thành Phố

Khách hàng: 411750800001188

Trang số: 3/9

VT: VND

Chi tiết /Phiếu		Diễn giải	Tài khoản chi	Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
Số CT	Ngày CT			N	Có	N	Có
		Số dư					
411000043	27/01/2015	Cty Cổ phần thủy sản BTExco Thành Phố trả lại tháng 01/2015	41142111200000001		98,101,010		98,101,010
		Cộng phát sinh trong kỳ (I):			98,101,010		
		Lý do phát sinh từ năm trước (II):					
		Lý do phát sinh từ năm trước (II):			98,101,010		

Người ghi sổ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày ... Tháng ... Năm.....
K TOÁN TRƯNG
 (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

2.2.6. Việc áp dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán cho vay tín dụng ưu tiên Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị

Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị sử dụng chương trình VDB Online quản lý toàn bộ hoạt động của NH. Đây là chương trình chung ứng dụng trong toàn hệ thống NHPT, tất cả các NHPT đều giao dịch trực tuyến thông qua hệ thống mạng nội bộ, nên tất cả các giao dịch giữa HSC, chi nhánh và các phòng giao dịch đều thực hiện nhanh chóng.

Tất cả các nghiệp vụ đều đưa vào chương trình và các giao dịch trực tuyến. Thủ tục cho vay nhận thu lãi, tất toán nợ, phân loại nợ đều thực hiện trên máy nên việc theo dõi quản lý chặt chẽ hơn.

Hiện các cán bộ của chi nhánh đều được đào tạo, tiếp thu sử dụng chương trình thành thạo.

Tuy nhiên chương trình vẫn còn nhiều hạn chế cần cải thiện như:

- Một số nghiệp vụ như hạch toán tài sản bổ sung tín dụng, theo dõi chi phí bổ sung... Chi nhánh hiện nay vẫn đang làm bằng excel.

- Khi xảy ra liên kết thu nợ từ VDB Online HSC thì tất cả Chi nhánh các thành phố đều không hoạt động được, làm cho công việc bị gián đoạn.

2.3. Đánh giá công tác kế toán cho vay vốn tín dụng ưu đãi của NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị.

2.3.1. Đánh giá chung

- Mặc dù Chi nhánh NHPT khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị mới được thành lập sau các Chi nhánh khác, nhưng thành tích tốt của Chi nhánh trong gần 10 năm qua là vô cùng đáng ghi nhận, vì những nỗ lực đó, năm 2013, Chi nhánh NHPT TT – Huế là Chi nhánh ưu tiên công nhận và Nhà nước tặng huân chương Lao động hạng Nhì. Đây quả là thành công của nhân viên và công nhân của các nhà đầu tư sử dụng nguồn vốn tín dụng hiệu quả.

- Liên tục nhận được nhiều thành tích, công tác kế toán tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh doanh và nhiệm vụ xã hội.

- Công tác kế toán tài chính không ngừng phát triển và có những bước tiến đáng kể trong nghiên cứu phát sinh, tính và trả lãi theo đúng quy định của ngành; luôn làm hài lòng khách hàng giao dịch.

- Công tác kế toán cho vay, hỗ trợ sau đầu tư kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ khâu ký nhận nợ, ghi ngân, thu nợ, thu lãi và theo dõi lãi treo chưa thu được theo đúng quy trình nghiệp vụ.

- Công tác kế toán thanh toán kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ khâu nhập chi ngân, lập và in thanh toán và chuyển ứng kênh chuyển tiền; không xảy ra sai sót, nhầm lẫn.

- Công tác hạch toán và tài sản công nợ và công tác lao động cấp nhật ký phần mềm và chính xác; thực hiện kiểm kê 11 tháng và quy toán năm theo đúng hướng dẫn.

- Công tác kế toán theo dõi chi tiêu nội bộ thực hiện đúng quy trình và báo cáo đúng các chỉ tiêu, chính sách của Nhà nước; không chi vượt định mức và khoản chi; nhiệm vụ thực hiện tốt công tác tiết kiệm chi.

2.3.2. Ảnh giá trị công tác kế toán cho vay vốn tín dụng

Công tác kế toán cho vay vốn Tín dụng là một trong những nghiệp vụ chính của hệ thống và chi nhánh. Từ khi thành lập đến nay, có hơn 150 khách hàng vay vốn thông qua hình thức cho vay này; hiện nay do nhu cầu nguyên nhân và chính sách thay đổi, thu nhập vốn lãi suất... chi nhánh có kho hàng hơn 30 khách hàng liên hệ các đối tác thương mại, doanh nghiệp, các Công ty công nghiệp... đang vay vốn.

2.3.2.1. Mục đích

- Công tác kế toán cho vay vốn Tín dụng thực hiện theo đúng quy trình quy định; kế toán chi thực hiện ghi nhận ngân hàng cho vay khi chi xuất đã ký nhận trên kho của vay vốn.

- Công tác kiểm soát chi thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của Công văn số 4324/NHPT – TCKT ngày 27/10/2010 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam về việc công tác kiểm soát chi lãi nghiệp vụ tại chi nhánh NHPT.

- Kiểm tra, kiểm soát kê khai và chốt chi tính hợp pháp, hợp lý của chi ngân hàng vay vốn; nhập dữ liệu vào chương trình VDB online đúng, đầy đủ và chính xác; chi ngân hàng kênh thanh toán lập biên bản thanh toán lãi; không xảy ra sai sót và nhầm lẫn;

- Hàng tháng, tính lãi chuyển phòng tín dụng để chi trả và phân bổ trong công tác thu nhập, thu lãi.

- Công tác thu nhập (gốc và lãi) cho vay xuất của Nhà nước tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị luôn được chú trọng và thực hiện một cách nghiêm túc. Hiện tại các dự án xuất tín dụng vốn của Nhà nước đang phát huy hiệu quả rất tốt. Tỷ lệ thu nhập gốc và lãi của các dự án luôn đạt trên 90% kế hoạch giao và số lãi thu nhập tăng nhanh qua các năm.

- Cuối tháng, in sổ phôi, kiểm tra, để chi trả báo cáo phân loại và báo cáo cho vay theo đúng quy định. Việc thực hiện lưu trữ quản lý hồ sơ, chi ngân hàng cho vay, thu nhập thực hiện một cách khoa học, tối ưu kinh phí chi trả cho việc quản lý theo dõi quá trình cho vay, thu nhập.

- Chương trình VDB online ngày càng được nâng cao về chất lượng khai thác, sử dụng phục vụ tốt cho Hội đồng quản lý và Tổng Giám đốc trong việc triển khai những chương trình hành động về ngân sách, phân bổ ngân sách, xử lý nợ và xử lý rủi ro...

- Sử dụng hệ thống phần mềm kế toán cho vay và bộ phận tín dụng khách hàng, cùng nhau thể hiện theo dõi quản lý khách hàng vay. Công thức hai bên thống nhất trao đổi thông tin cho nhau nhằm mục đích là tăng hiệu quả hoạt động tín dụng. Hệ thống kế toán cho vay có trình tự nghiệp vụ tốt, thái độ và tinh thần phục vụ khách hàng chu đáo do vậy đã thu hút ngày càng nhiều khách hàng đến với ngân hàng.

Những bên cạnh những thành tựu to lớn thì ngân hàng vẫn còn một số hạn chế và cần phải có những nhìn nhận mới cách ứng dụng có những biện pháp gì để quy tắc phát triển.

2.3.3.2. Nhận xét

Thứ nhất,

Quy trình giao dịch còn thiếu tính đồng bộ, một số khâu không nhất quán và hiệu quả hoạt động kinh doanh nói chung và nghiệp vụ tín dụng nói riêng. Công tác thu nhập một số điểm còn quá hạn chế.

Thứ hai,

Phần mềm giao dịch VDB online còn nhiều hạn chế, một số nghiệp vụ mới phát sinh sau khi vận hành chương trình VDB online như hạch toán theo dõi tài sản bảo đảm tín dụng, theo dõi chi nhánh, hoàn trả phí bảo lãnh... chi nhánh cần lập bảng excel; cần chi tiết xuất công thức chương trình.

Thứ ba,

Trình độ cán bộ kế toán còn chưa đồng đều, trình độ chuyên môn chưa đáp ứng được với các phần hành trên chương trình VDB online. Cần tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn cho các nhân viên tham gia vào các hoạt động cho vay, thanh toán liên quan ngoại tệ và chuẩn bị cho việc hạch toán đầu tư chi theo kế hoạch của Ngân hàng Phát triển Việt Nam thì cần có sự bổ sung, ào ạt nâng cao trình độ chuyên môn mới đáp ứng được yêu cầu.

Nguyên nhân của tình trạng này là do:

- Sự phân phối giá cả cán bộ tín dụng và cán bộ kế toán chưa thật thống xuyên nhau, vì cơ sở lý quy trình tín dụng còn máy móc chưa thật mềm dẻo linh hoạt.

- Cán bộ tín dụng chưa ôn tồn, nhiệt tình khách hàng thống xuyên, chưa đi sâu đi sát vào hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng, do vậy dễ gây ra tình trạng khách hàng chi mô phỏng ngân hàng hoặc sản xuất sai mục đích, không chấp hành đúng các quy định của quy trình tín dụng dẫn đến kế toán viên hạch toán vì cơ giá trị, chuyển nhượng quá hạn có số dư âm.

- Tỷ lệ dựn cho vay không có đảm bảo tài sản thực còn thấp, nhất là với khách doanh nghiệp nhà nước, xã hội, nên quá hạn trở thành mất vốn trung tâm cho các nhà quản trị ngân hàng và tăng tỷ lệ cho vay có tài sản đảm bảo còn phải có một số pháp luật có thể gây quy tắc, xã hội, nên quá hạn có hiệu quả.

- Việc ứng dụng tin học vào phục vụ cho hiện đại hóa công nghệ ngân hàng là yếu tố khách quan và không thể phủ nhận của tất cả các ngân hàng. Song việc ứng dụng tin học còn chưa hoàn thiện nên đôi khi vẫn gây ra những hậu quả không tốt. Nguyên nhân là do tình hình chung của nước ta vẫn phần lớn mô phỏng còn hạn chế, chưa phát triển đúng mục đích, nên ngân hàng ít có kinh nghiệm tin học ngân hàng lại không nắm rõ quy trình nghiệp vụ nên làm cho hiệu quả công việc chưa thật hiệu quả như mong muốn.

Tóm lại trong những năm gần đây hoạt động cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị không ngừng phát triển, mở rộng các loại hình tín dụng khá cao, song vẫn còn những hạn chế nhất định trong quy trình kế toán cho vay của ngân hàng về quy tắc. Đó là bài toán lớn cần có giải pháp đưa ra cho ngân hàng trong thời gian tới tiếp tục phát triển và phát triển ngày càng vững mạnh trong môi trường kinh doanh cạnh tranh ngày càng khốc liệt như hiện nay.

CHƯƠNG 3: MÔ TẢ GIẢI PHÁP NHẢM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHO VAY VỐN TÍN DỤNG UT TÍN NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM CHI NHÁNH KHU VỰC THẠCH LÊ HỒ - QUẢNG TRUNG

3.1. Hình thức phát triển hoạt động cho vay vốn tín dụng UT TÍN NHPT Việt Nam năm 2016

Vấn đề chính, giải ngân vốn vay, thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh, thu hồi, xử lý nợ

- Mục tiêu:

+ Rút ngắn thời gian thẩm định và nâng cao chất lượng thẩm định. Giảm thiểu sai sót trong khâu thẩm định; chú trọng công tác thẩm định tín dụng theo tiêu chuẩn của các ngân hàng hiện đại.

+ Phân bổ tổng nợ tín dụng UT trong năm là 5% (bao gồm cho vay chương trình kiên cố hóa kênh mương); tổng bình quân tín dụng xuất khẩu/cho vay theo chủ đề 10,000 tỷ đồng; Giải ngân tín dụng vốn năm ngoài 15,000 tỷ đồng. Thực hiện giải ngân đúng quy định của Nhà nước, quy chế, quy trình, hướng dẫn của NHPT. Tăng cường mở rộng khách hàng vay vốn. Mở chi nhánh phân bổ cho vay tại thị trấn 01 dự án tín dụng UT theo kế hoạch tổng cục giao trong năm 2016.

+ Hoàn thành công tác kiểm tra việc thực hiện xử lý nợ xấu của các Chi nhánh theo Quyết định 2619/QĐ-TTg ngày 31/12/2013 và Quyết định 2511/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ, kịp thời khắc phục, chấn chỉnh các tồn tại, sai sót phát sinh trong quá trình thực hiện. Thực hiện tuân thủ theo đúng hợp pháp tín dụng và hợp pháp tín dụng nội bộ nghiệp vụ ký kết sau cùng, xử lý nợ. Nợ xấu không tăng so với năm 2016. Hoàn thiện công tác theo dõi, quản lý TSB TV

- Giải pháp:

Vấn đề nghiên cứu: Vai trò của tìm kiếm dự án, thẩm định, ký HĐ và ghi nhận, trình bày vấn đề nghiên cứu:

1. Về Chi nhánh:

+ Tích cực chấp hành, tranh thủ sự ủng hộ của các cơ quan ban ngành địa phương, các Tổ đoàn, Công ty tìm kiếm các dự án mới, hướng dẫn C.T hoàn thành hồ sơ vay vốn thực hiện thẩm định theo đúng quy định hiện hành của NHPT.

+ Về việc thẩm định dự án đã có chế độ tiếp nhận, sàng lọc thẩm định Chi nhánh, yêu cầu Chi nhánh sớm hoàn thiện việc thẩm định theo quy định của H.S chính xem xét, quyết định.

+ Về việc thẩm định dự án đã ký HĐ, Chi nhánh phải phối hợp với C.T kiểm tra hoàn thiện hồ sơ, các điều kiện (nếu có) triển khai thi công nghiệm thu khi lập hồ sơ hoàn thành, ghi nhận thanh toán nợ đọng và dự án vào hồ sơ; đồng thời làm báo cáo trình duyệt, thu ngân sách và lãi.

+ Về việc các dự án đã có Thông báo cho vay, chấp hành phối hợp với C.T hoàn thành các yêu cầu (nếu có), ký HĐ, thúc đẩy tiến độ nghiệm thu khi lập hồ sơ, ghi nhận.

+ Về việc các dự án đã có vốn của NHPT yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ vay vốn, Chi nhánh cần chấp hành, kiểm tra làm việc với C.T bổ sung, hoàn thiện báo cáo H.S chính xem xét có Thông báo cho vay (nếu điều kiện), ký HĐ và ghi nhận cho dự án.

+ Rà soát các dự án có K ho ch ghi nhận kịp thời hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ ghi nhận, xuất giấy pháp tháo gỡ vướng mắc nhanh công tác ghi nhận.

3.2. Giải pháp nâng cao công tác kiểm toán cho vay vốn tín dụng xuất t i NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị

Qua khảo sát thực tế công tác kiểm toán cho vay vốn tín dụng xuất t i NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị tôi thấy bên cạnh những ưu điểm còn có những tồn tại cần khắc phục. Sau đây tôi xin mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm toán cho vay tại chi nhánh như sau:

3.2.1. Giải pháp chung

3.2.1.1. Kiểm soát công tác cho vay vốn tín dụng xuất

Kiểm soát quá trình sử dụng vốn vay của khách hàng là một nội dung rất quan trọng trong việc quản lý nguồn vốn cho vay, giảm thiểu rủi ro và thu hồi nợ và lãi đúng hạn. Mục đích của việc làm này là hạn chế, ngăn ngừa việc khách hàng sử dụng vốn sai mục đích so với dự án ban đầu duy trì, đảm bảo những trách nhiệm rủi ro không trở nên. Hạn chế tối đa việc khách hàng sử dụng vốn sai mục đích đòi hỏi NHPT Việt Nam cần ban hành và đưa vào thực hiện những quy định chặt chẽ về việc ngân công việc cụ thể mà cán bộ tín dụng phải thực hiện như:

- Kiểm tra mục đích sử dụng vốn vay thông qua xem xét hồ sơ tài liệu liên quan và hiện trạng các dự án.

- Thực hiện chặt chẽ kiểm tra bất động sản về việc ghi chép, phản ánh tình hình sử dụng vốn vay TD T trên sổ kế toán của chi nhánh.

- Phân tích tình hình SXKD các dự án thông qua xem xét, phân tích các BCTC định kỳ.

- Kiểm tra, đánh giá hiện trạng của TSB TV, thực hiện nghiêm chỉnh việc đánh giá lại giá trị TSB TV theo định kỳ có biện pháp bổ sung trong trường hợp có sự giảm sút giá trị TSB TV.

3.2.1.2. Nâng cao công tác kiểm tra nội bộ

Hiện nay, việc kiểm tra nội bộ cho vay tín dụng xuất t i, tại chi nhánh chủ yếu kiểm tra các dự án có phát sinh lãi ngân trong năm. Trong thời gian tới cần tăng cường sự kiểm tra về việc các dự án thu về nhóm nợ nghi ngờ. Trong công tác kiểm tra nội bộ cần thực

hiện có trong lĩnh vực, theo các ngành nghề, lĩnh vực đang tìm kiếm nguồn nhân lực và xu hướng các giải pháp tăng cường khả năng thu hút nhân lực, tránh nhân lực phát sinh quá nhiều các dự án.

công tác kiểm tra nội bộ tại Chi nhánh NHPT TT – Huế thì ưu tiên cao thì cần phải:

- Không ngừng hoàn thiện và cải tiến phương pháp kiểm tra nội bộ, thể hiện công tác kiểm tra nội bộ một cách linh hoạt và phù hợp với tình hình thực tế, tăng cường và mức tiêu kiểm tra.

- Cần chú trọng đúc rút kinh nghiệm công nhân tham gia kinh nghiệm các hoạt động NHPT, các NHTM trên địa bàn xây dựng các mô hình các hoạt động rủi ro, các danh mục sai sót, tổ chức theo dõi, tăng kết quả và tham mưu với Giám đốc Chi nhánh thể hiện các giải pháp nhằm hạn chế phát sinh các sai sót, các rủi ro có trong công tác chuyên môn, nghiệp vụ và trong hoạt động cho vay vốn TD T của Nhà nước tại Chi nhánh.

- Quy định trách nhiệm và kết quả kiểm tra nội bộ cán bộ kiểm tra, có chế độ thưởng phạt nâng cao tinh thần trách nhiệm.

3.2.2. Giải pháp về công tác kế toán cho vay vốn tín dụng

3.2.2.1. Thể hiện ôn công thu và thu lãi phù hợp với thực trạng ngân hàng

Trên cơ sở kết quả công tác kiểm tra quản lý tín dụng, cần tiến hành phân loại chi tiêu ngân hàng để có biện pháp thu và thu lãi cho phù hợp, cụ thể:

- Về ngân hàng có chi tiêu ngân hàng, mà bộ phận ngân hàng hiện tại đang chú ý ôn công vì công nhân khi thi đấu mà hấn phần.

- Về ngân hàng có dư thừa do không hoàn trả đúng hạn do ngân hàng khó khăn phát sinh từ khách quan về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì cần có biện pháp hữu hiệu tình hình thực tế mà bộ phận ngân hàng hiện tại, tránh nhân lực phát sinh.

3.2.2.2. Hoàn thiện hình thức các chương trình ứng dụng công nghệ tin học trong quy trình nghiệp vụ kế toán cho vay

- Hoàn thiện vị trí nhân khai hệ thống phân loại tín dụng trên VDB Online nhằm giảm thiểu những sai sót, vướng mắc để nhân hệ thống chính xác phân loại các khoản vay vay nợ.

- Hoàn thiện vị trí nhân khai hệ thống trên VDB Online nhằm giảm thiểu những sai sót, vướng mắc để nhân hệ thống chính xác các khoản vay vay nợ.

- Thiết kế theo dõi hệ thống TSB TV, theo dõi chi nhánh, thu nhập, lãi ngân hàng...trên VDB để chi tiết số liệu báo cáo trình.

3.2.2.3. Tiếp tục nâng cao, đào tạo đội ngũ cán bộ ngân hàng

- Tiếp tục nâng cao trình độ, kiến thức, năng lực vào các bộ phận chịu trách nhiệm công tác kế toán cho vay tín dụng nói riêng và công tác kế toán cho vay nói chung.

- Có chương trình đào tạo cơ bản và đào tạo chuyên sâu, nhằm tạo ra các chuyên gia trên lĩnh vực kế toán.

- Đào tạo kiến thức về công nghệ thông tin nói chung và công nghệ ứng dụng trong kế toán nói riêng cho các cán bộ làm việc kế toán.

- Nâng cao ý thức và yêu cầu cán bộ thường xuyên nắm bắt, cập nhật những thông tin, quy định mới của Chính phủ và ngân hàng cho phù hợp giảm thiểu những sai sót có thể xảy ra.

3.2.2.4. Mối quan hệ nghiệp vụ kế toán cho vay với nghiệp vụ tín dụng của ngân hàng

- Tiếp tục nghiên cứu sâu phân tích giá trị tín dụng ngân hàng với các bộ phận kế toán cho vay trong quá trình cho vay. Bộ phận kế toán cần thường xuyên cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình diễn biến cho vay, tình hình nhập thu cho bộ phận tín dụng ôn dịch khách hàng trên, đặc biệt là về tình hình kho nợ quá hạn và lãi treo.

3.2.2.5. Khuyến khích KH mở tài khoản tại Ngân hàng

NH nên khuyến khích KH mở tài khoản tại ngân hàng, bởi vì điều này sẽ tạo điều kiện thu nhập cho công tác kế toán cho vay của chi nhánh, như:

- Việc phát triển vay thông qua chuyển khoản không những thu nhập cho KH và NH mà còn giúp NH có thể kiểm tra, giám sát KH vay cũng như tình hình sử dụng nguồn vốn vay của KH một cách dễ dàng.

- Thông tin giao dịch của KH sẽ làm cơ sở cho việc kiểm tra tình hình tài sản, tình hình tài chính, mối quan hệ tín dụng với KH khác. Đồng thời giúp cho việc thu nhập và lãi suất chi nhánh hàng năm.

3.2.2.6. Một số giải pháp khác:

- Hiện nay, khi gửi ngân cho nhân viên vay vốn chi nhánh chỉ cần kênh thanh toán là NH CITAD thì không trực tiếp CITAD; điều này đã làm nh缓 việc thanh toán tiền cho nhân viên hàng; đồng thời HSC cho phép các chi nhánh sẽ sử dụng kênh thanh toán CITAD trực tiếp việc chuyển tiền sẽ thực hiện nhanh chóng và thu nhập hàng năm.

- Học toán theo dõi TSB TV hàng theo dõi trên tài khoản ngoại tệ chung, chi nhánh quản lý nhân viên khách hàng và dự án vay; đồng thời các Ban HSC nên lập bài Trung tâm công nghệ thông tin lập chương trình chi tiết xử lý lưu báo cáo đánh giá ứng dụng chi tiết nghiệp vụ theo dõi TSB TV.

- Ủy quyền công tác hồ sơ kiểm tra về việc hạch toán kế toán.

- Một số chương trình khuyến khích, Giảm nhẹ tình hình... nên cung cấp miễn phí cho khách hàng.

- Tóm lại điều kiện thu nhập cho khách hàng trước và trả lãi nên tiếp nhận nguồn thu nhập, thu lãi qua kênh thanh toán, kế hoạch tiếp nhận vào kho quỹ của Chi nhánh.

Những chính sách trên tuy đã được NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị đưa ra nhưng vì một mặt còn hạn chế, mặt khác phát triển hạn chế thì không toán trong tương lai cần có những sự đầu tư lâu dài và nâng cao nhân viên trên từng giai đoạn chi nhánh phát triển tiếp theo.

3.3. Kiến nghị hoàn thiện công tác kế toán cho vay tại Ngân hàng phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị

3.3.1. Kiến nghị về Ngân hàng phát triển Việt Nam – Hết chính

Một hạn chế lớn hiện nay tại NHPT Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị là có quá nhiều công việc chi nhánh không thể mình quyết định mà phải phụ thuộc nhiều vào Hết, điều này gây mất thời gian cho khách hàng. Vì vậy điều quan trọng hiện nay là Hết chính nên tạo điều kiện cho chi nhánh được nâng cao tính chủ động trong việc giải quyết các vấn đề của chi nhánh (trong giới hạn cho phép)

- Hết chính cần tăng quy định và thẩm quyền ra quyết định của Ban giám đốc chi nhánh về mặt giải hạn cho vay vốn.

- Trong những năm tiếp theo, Hết chính cần tạo điều kiện cho chi nhánh khu vực nhanh chóng mở thêm các phòng giao dịch và các dịch vụ của NHPT để nâng cao vị trí khách hàng.

- Lập bài marketing nghiên cứu kế toán mới phát sinh phù hợp với Trung tâm công nghệ thông tin về trình độ công tác báo cáo.

- Cho phép các chi nhánh sử dụng những kênh thanh toán phù hợp giải ngân vốn vay cho khách hàng được nhanh chóng và phù hợp,

3.3.2. Kiến nghị về NHNN và các ban ngành liên quan.

- Ngân hàng NHNN tiếp tục tạo điều kiện về công tác thanh toán qua kênh TBTT và CITAD để NHPT Việt Nam thực hiện chuyển tiền vay cho khách hàng được nhanh chóng và kịp thời.

- nghị các Ngân hàng đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) và Ngân hàng Công thương Việt Nam tiếp tục phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi trong công tác thanh toán song biên bảo đảm an toàn, chính xác.

- nghị các ban ngành có liên quan như Tòa án, Viện kiểm sát... tạo điều kiện NHPT thu hồi số tiền liên quan đến công tác xử lý theo đúng quy định.

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trên cơ sở vận dụng các phương pháp nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn đã nêu ra những luận cứ khoa học, đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa nghiệp vụ cho vay của chi nhánh, để thực tiễn vận hành hoàn thành các mục tiêu nghiên cứu sau:

- Thứ nhất, hình thức hóa nghiệp vụ của bên vay nghiệp vụ cho vay trong hoạt động của hệ thống NHPT.

- Thứ hai, luận văn đã sử dụng toàn bộ số liệu thực phù hợp với thời gian cần thiết so sánh, phân tích thực trạng hoạt động nghiệp vụ cho vay trong giai đoạn 2013 – 2015 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị.

- Thứ ba, trên cơ sở những mục tiêu hoạt động của Ngân hàng, những hạn chế còn tồn tại trong nghiệp vụ kế toán cho vay, luận văn đề xuất những biện pháp phù hợp nhằm hoàn thiện và khắc phục những hạn chế còn tồn tại trong công tác cho vay tại Chi nhánh.

Tuy nhiên trong quá trình nghiên cứu, bài khóa luận văn đề cập phạm vi nghiên cứu chủ yếu dựa trên các nguyên nhân khách quan và chủ quan như giới hạn về kiến thức, giới hạn về thời gian và điều kiện công việc, cụ thể như sau:

- Tập trung vào một số quy trình kế toán tiêu biểu, chưa khai thác các nghiệp vụ không thể xuyên xẩy ra.

- Nhận thấy các tài liệu mang tính chủ quan nên có thể chưa đạt tính chính xác cao.

- Hạn chế về thời gian và kiến thức.

2. Kiến nghị

công tác cho vay tín dụng ưu đãi cho hộ kinh doanh, tôi xin đề xuất kiến nghị với NH như sau:

- Thứ nhất, Ngân hàng nên chú trọng và nâng cao năng lực hoạt động của bộ máy kế toán và bộ máy quản lý.

- Thứ hai, nên hiện đại hóa các thiết bị vay vốn để tối ưu kiến thức mới cho khách hàng trong hoạt động.

- Thứ ba, thường xuyên phổ biến các mục tiêu hoạt động của Chi nhánh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng ban.

3. Hướng phát triển của tài

Đến đây, chúng tôi xin trình bày tình hình Ngân hàng cùng với sự chia sẻ của các cô chú, anh chị phòng Kế toán Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh khu vực Thừa Thiên Huế - Quảng Trị, tuy nhiên do hạn chế về kiến thức cá nhân nên khóa luận chỉ mới đề cập sơ lược về tìm hiểu những hoạt động cho vay tín dụng ưu đãi mà chưa đi sâu tìm hiểu những loại hình tín dụng khác. Nếu sau này được trao đổi thêm kiến thức thì có nhiều thời gian tiếp xúc hơn với Ngân hàng tôi sẽ mở rộng phạm vi nghiên cứu của đề tài, đi sâu tìm hiểu công tác phân loại tín dụng, công tác kế toán TSB và các quy trình nghiệp vụ khác. Đồng thời, tìm hiểu và so sánh các cách thức hạch toán kế toán cho vay tín dụng NHPT với các NHTM, để có thể đưa ra các biện pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán cho vay tín dụng NHPT.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2014), *Thông tư về việc Quy định lãi suất cho vay Tín dụng ưu đãi, Tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và mức chênh lệch lãi suất tính Hợp tác sau ưu đãi*, S 108/2014/TT-BTC ngày 11/08/2014.
2. Chính phủ (2011), *Nghị định về Tín dụng ưu đãi và Tín dụng xuất khẩu của Nhà nước*, s 75/2011/N -CP ngày 30/08/2011.
3. Chính phủ (2013), *Nghị định về Bổ sung nghị định 75/2011/N -CP ngày 30/08/2011 về Tín dụng ưu đãi và Tín dụng xuất khẩu*, S 54/2013/N -CP ngày 22/05/2013.
4. Chính phủ (2013), *Nghị định sửa đổi bổ sung Nghị định số 54/2013/N -CP ngày 22/05/2013 và Nghị định số 75/2011/N -CP ngày 30/08/2011 của Chính phủ về Tín dụng ưu đãi và Tín dụng xuất khẩu của Nhà nước*, S 133/2013/N -CP ngày 17/10/2013.
5. Ngân hàng Phát triển Việt Nam (2010), *Chức năng toán của Ngân hàng Phát triển Việt Nam*, ban hành kèm theo Quyết định số 959/Q -NHPT ngày 30/12/2010.
6. Ngân hàng Phát triển Việt Nam (2014), *Công văn Thông báo lãi suất cho vay Tín dụng ưu đãi, Tín dụng xuất khẩu*, S 3395/NHPT-C KH ngày 18/12/2014.
7. Ngân hàng Phát triển Việt Nam (2008), *Sơ yếu nghiên cứu về Cho vay ưu đãi*.
8. Thủ tướng Chính phủ (2006), *Quyết định về việc thành lập Ngân hàng Phát triển Việt Nam*, S 108/2006/Q -TTg ngày 19/5/2006
9. Thủ tướng Chính phủ (2006), *Quyết định về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và hoạt động của Ngân hàng Phát triển Việt Nam*, S 110/2006/Q -TTg ngày 19/05/2006.
10. Lê Thị Kim Liên (2007), *Giáo trình Kế toán ngân hàng*, Nhà xuất bản Kinh tế Hồ Chí Minh.
11. Nguyễn Minh Kiên (2009), *Nghiên cứu ngân hàng thương mại*, Nhà xuất bản Thống kê.

12. Ngô Thị Loan (2003), Luận văn thạc sĩ kinh tế: *Mô hình tín dụng ưu tiên phát triển của Nhà nước tại Quỹ Hỗ trợ phát triển Chi nhánh Hà Nội*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
13. Lê Thị Vân Anh (2014), Luận văn Thạc sĩ kinh tế: *Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tín dụng ưu tiên phát triển của Nhà nước tại Chi nhánh Ngân hàng phát triển Thương Tín Thiên Hương*, Trường Đại học Kinh tế Huế.
14. Trần Công Hòa (2007), Luận án tiến sĩ kinh tế: *Nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng TPT của Nhà nước*, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
15. Võ Thị Ngọc Dung (2008), Luận văn Thạc sĩ kinh tế: *Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn tín dụng ưu tiên phát triển của Nhà nước tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Quảng Bình*, Trường Đại học Kinh tế Huế.
16. <http://www.vdb.gov.vn/>

PH I L C

Ph i l c 01:

C NG HÒA XÃ H I CH NGH A VI T NAM
c l p – T ðo – H nh phúc

H P NG VAY V N
TÍN D NG U T PHÁT TRI N C A NHÀ N C
S : 02/2008/H TD

Tên d án: u t xây d ng D án Th y i n T Tr ch

C n c các quy nh pháp lu t v tín d ng u t phát tri n c a Nhà n c và các quy nh pháp lu t khác có liên quan;

C n c H s vay v n c a Công ty c ph n th y i n Bitexco - T Tr ch và Thông báo cho vay s /NHPT/TTH-TD ngày.....c a Chi nhánh Ngân hàng Phát tri n Th a Thiên Hu .

Hôm nay, ngày 25 tháng 03 n m 2008 t i Chi nhánh Ngân hàng Phát tri n Th a Thiên Hu , chúng tôi g m có:

1. Bên cho vay: NGÂN HÀNG PHÁT TRI N VI T NAM – CHI NHÁNH TH A THIÊN HU .

- a ch : 02 Nguy n Th Minh Khai, TP Hu
- Do Ông: **XXX**
- Ch c v : Giám c làm i di n
- Tài kho n VN : **XXX** t i Ngân hàng u t và Phát tri n t nh Th a Thiên Hu .

2. Bên vay: CÔNG TY C PH N TH Y I N BITEXCO – T TR CH

- Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh s 3300389576 ngày c p 18/05/2006
- a ch : Xã D ng Hòa, huy n H ng Th y, t nh Th a Thiên Hu

- Do Ông: **XXX**

- Chức vụ Giám đốc làm việc tại

Giấy ủy quyền số **xxx/Q** -TC ngày **xx/xx/200x** của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thành lập Bitexco – T Tr ch

- Tài khoản VN : **XXX** tại Ngân hàng Thương mại và Phát triển Việt Nam Yên Bái.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng này với các điều khoản sau:

Điều 1: Số tiền vay, mục đích vay và trả

Bên cho vay đồng ý cho Bên vay vay số tiền tối đa là: **140.000.000.000** đồng

Bên cho: Mục đích vay mua sắm thiết bị.

Số tiền vay ghi ngân hàng nhằm mục đích theo kế hoạch ghi ngân sách Ngân hàng Phát triển Việt Nam thông báo.

Bên vay nhận tiền vay bằng đồng Việt Nam, nhận và trả bằng đồng Việt Nam.

Điều 2: Mục đích sử dụng tiền vay

Tiền vay sử dụng để thực hiện các hạng mục cơ sở hạ tầng xây dựng nhà máy Thủy điện T Tr ch. (chi tiết tài liệu số 01; 02; 03 kèm theo)

Điều 3: Thời hạn cho vay và trả

Thời hạn cho vay là: 192 tháng kể từ ngày Bên vay nhận tiền khoản ghi ngân sách ưu tiên theo Kế hoạch nhận.

Thời hạn ân hạn: 12 tháng

Thời hạn trả bằng: 178 tháng kể từ tháng 03/2008

Điều 4: Lãi suất

1. Lãi suất trong hạn: 8%/năm.

2. Lãi suất quá hạn (tính trên nợ gốc và lãi chậm trả): bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn ghi trong hợp đồng tín dụng.

Điều 5: Rút tiền vay

1. Điều kiện rút tiền vay:

Bên vay mở tài khoản tiền gửi có hạn tại Chi nhánh Ngân hàng

báo cho Bên vay biết.

3. Trường hợp này: Bên vay có trách nhiệm khi không có bất kỳ một khoản nào (gốc, lãi) nên trả nợ gốc và cả số tiền thu nhập của hai bên.

Điều 7: Trả lãi

1. Lãi vay có tính từ ngày Bên vay nhận khoản tiền ngân hàng ưu tiên theo Khoản 1 của Điều này cho đến ngày trả nợ gốc.

2. Khi trả lãi: trả hàng tháng

3. Phương thức trả lãi: nên trả lãi, Bên vay chấp nhận trả lãi cho Bên cho vay. Nếu nên mà Bên vay không trả, trả không đúng mà không có Bên cho vay gia hạn trả lãi thì Bên cho vay tạm ngừng việc cấp vốn vay và số lãi chậm trả phải chịu lãi suất quá hạn. Ngoài ra, Bên cho vay có quyền lãi từ tài khoản tín dụng của Bên vay tại Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Thiên Huế và/hoặc lập ủy nhiệm thu lãi từ tài khoản tín dụng của Bên vay tại các Tổ chức tín dụng và thông báo cho Bên vay biết.

- Lãi phải trả có tính trên số vốn vay nhân với số ngày vay thực tế nhân với lãi suất năm chia cho 360 (ngày).

Điều 8: Thanh toán

Bên vay trả cho Bên cho vay theo thỏa thuận: nợ lãi quá hạn, nợ lãi nên trả, nợ gốc quá hạn, nợ gốc nên trả. Trường hợp cần thiết, Bên cho vay sẽ quyết định thay đổi thời hạn thanh toán này.

Điều 9: Bảo đảm tín dụng

Chi tiết về hình thức bảo đảm tín dụng, tài sản bảo đảm, quy định và nghĩa vụ của các bên có quy định tại Hợp đồng số /2008/H TCTS-TL ngày /xx/2008 giữa Bên cho vay và Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bitexco – Thương mại.

Điều 10: Quy định và nghĩa vụ của Bên vay

* Quy định của Bên vay:

1. Có rút vốn vay theo quy định tại Hợp đồng này.

2. Yêu cầu Bên cho vay bố trí ngân sách phát sinh do Bên cho vay vì phạm Hợp đồng này.

* *Nghĩa vụ của Bên vay:*

1. Sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả. Chấp hành đúng các quy định của Nhà nước về quản lý đầu tư và xây dựng, vốn đầu tư phát triển của Nhà nước.

2. Phối hợp với Bên cho vay thực hiện công chứng, chứng thực, đăng ký, xóa đăng ký giao dịch bảo đảm tại các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành. Chịu các chi phí liên quan đến việc đăng ký tài sản bảo đảm, công chứng, chứng thực, và đăng ký giao dịch bảo đảm.

3. Không được thanh lý, nhượng bán, cho, tặng, góp vốn bằng tài sản hình thành từ vốn vay hoặc dùng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ vì cá nhân, tổ chức khác khi chưa trả hết nợ cho Bên cho vay hoặc chưa chấp thuận của Bên cho vay.

4. Trả nợ gốc và lãi đúng hạn theo kế hoạch (lịch) trả nợ nêu tại Điều 6, Điều 7 và các khoản trích theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Hợp đồng này.

5. Mở tài khoản tín dụng và có tham gia đầu tư, tài khoản tín dụng trả nợ, tài khoản cần thiết khác tại Bên cho vay và chuyển tiền vào các tài khoản này theo đúng thỏa thuận với Bên cho vay.

6. Mua bảo hiểm vật chất cho tài sản bảo đảm trong suốt thời gian vay nếu tài sản bảo đảm thuộc loại phải mua bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu của Bên cho vay. Người Bên vay giao bằng các giấy tờ về bảo hiểm của tài sản và chuyển quyền thanh toán tiền bảo hiểm cho Bên cho vay. Bên cho vay thu tiền khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

7. Cam kết ưu tiên cho Tổ chức tín dụng nơi Bên vay mở tài khoản tín dụng trích tài khoản trả nợ cho Bên cho vay bằng thủ tục thanh toán ưu tiên thu theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Hợp đồng này.

8. Gửi cho Bên cho vay các tài liệu theo yêu cầu của Bên cho vay, báo cáo tài chính hàng quý, năm và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, hợp pháp

chính sách, tài liệu đã cung cấp; Tôi hiểu rõ Bên cho vay khi mở tài khoản thanh toán, kinh doanh, tài chính và ngân hàng khác liên quan trực tiếp làm việc cho công trình xuất.

9. Tôi cam kết bảo đảm tín dụng theo quy định của Hợp đồng mở tài khoản và các quy định của pháp luật có liên quan.

Trong trường hợp không thuận lợi, Bên vay phải chấp hành các nghĩa vụ theo quy định của Hợp đồng mở tài khoản và ngân hàng nơi Hợp đồng này. Nếu tôi nhận được các thông tin tài khoản mở không đúng và lãi vay, tôi phải (nếu có) thì Bên vay có nghĩa vụ hủy bỏ các nguồn hình pháp khác trừ ý kiến còn lại cho Bên cho vay.

10. Bên vay phải thông báo kịp thời về Bên cho vay về:

- Thay đổi về địa chỉ và số tài khoản liên hệ tại các Tổ chức tín dụng;
- Thay đổi về nhân sự, tài sản, hình thức kinh doanh tài chính của bên vay và ngân hàng thay thế khác có liên quan về việc chấp hành nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay cho Bên cho vay;
- Thay đổi nhân sự, địa chỉ làm việc của giám đốc tài sản mở tài khoản;
- Thay đổi thành viên Ban lãnh đạo, Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc điều hành;
- Các tranh chấp về các nghĩa vụ khác, có nguy cơ bị kiện, khởi kiện;
- Chuyển đổi và tình hình tài sản hành chuyển đổi hình thức sở hữu, tổ chức lại, tái cấu trúc, sáp nhập, giải thể, phá sản.
- Thay đổi tên, trụ sở chính, địa chỉ liên lạc.

11. Trường hợp thay đổi hình thức sở hữu, tổ chức lại, Bên vay phải trả nợ gốc và lãi vay cho Bên cho vay. Trường hợp trả nợ gốc và lãi vay thì phải có sự đồng ý của Bên cho vay và Bên vay phải làm thủ tục chuyển nhượng cho chủ thẩm định trước khi bàn giao tài sản chủ thẩm định nhận về Bên cho vay.

12. Bất kỳ tình huống nào cho Bên cho vay nếu vì phạm hợp đồng này gây thiệt hại cho Bên cho vay.

* Các quy định và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

Điều 11: Quy định và nghĩa vụ của Bên cho vay

* Quy định của Bên cho vay:

1. Bên cho vay áp dụng các biện pháp cần thiết thu hồi nợ gốc và lãi vay theo quy định của pháp luật khi bên nhận trả nợ mà Bên vay không trả hoặc trả không đầy các khoản nợ theo Hợp đồng này.

2. Kiểm tra việc sử dụng vốn vay, tài sản hình thành từ vốn vay trả nợ, trong và sau khi cho vay vốn, trong quá trình thu nợ cho bên nhận trả nợ theo Hợp đồng này.

3. Yêu cầu Bên vay cung cấp toàn bộ các báo cáo tài chính quý, năm, báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh và các thông tin cần thiết khác liên quan đến vốn vay.

4. Nghĩa vụ cho vay và thu nợ thực hiện trong các trường hợp sau:

- Bên vay sử dụng vốn vay không đúng mục đích.

- Bên vay cung cấp thông tin không trung thực, không đầy đủ về việc sử dụng vốn vay và tình hình tài chính của Bên vay.

- Tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính của Bên vay có dấu hiệu suy giảm nghiêm trọng nên ngừng trả nợ cho Bên cho vay.

- Bên vay thực hiện chuyển nhượng tài sản, tài sản thế chấp mà không thông báo cho Bên cho vay.

- Giá trị tài sản bảo đảm thế chấp vay bị giảm sút, không còn đủ bảo đảm nghĩa vụ trả nợ vay và Bên vay không có hình thức bảo đảm khác hoặc tài sản bảo đảm khác thay thế.

- Bên vay không trả nợ gốc và lãi theo đúng hạn theo Hợp đồng này mà không có gia hạn hoặc hoãn trả nợ.

5. Yêu cầu Bên vay bồi thường thiệt hại do Bên vay vi phạm Hợp đồng này.

6. Xem xét, quy định về xử lý tài sản bảo đảm thế chấp vay thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Phát triển Việt Nam khi Bên vay không thực hiện đúng, đầy đủ nghĩa vụ trả nợ về Bên cho vay theo Hợp đồng này.

7. Thông báo cho các quan báo hiểm về việc tài sản thế chấp mua bảo hiểm để bảo vệ

dùng làm tài sản bảo đảm tín dụng Bên cho vay có thể hưởng tín dụng khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

8. Yêu cầu Bên vay thanh toán chi phí về giá trị tài sản bảo đảm (nếu có), công nợ, chi phí và chi phí giao dịch bảo đảm.

**Nghĩa vụ của Bên cho vay:*

1. Có trách nhiệm ghi ngân sách vay phù hợp với tính cần thiết ghi trong Quy định nội bộ, lịch rút vốn vay của Bên vay để Bên cho vay chấp thuận.

2. Thực hiện các quy định của pháp luật về công nợ, chi phí và chi phí giao dịch bảo đảm.

3. Bị đình chỉ thi hành cho Bên vay do vi phạm Bên cho vay vi phạm Hợp đồng này.

**Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.*

Điều 12: Vi phạm hợp đồng và xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp

1. Vi phạm và xử lý vi phạm: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu một Bên phát hiện Bên kia vi phạm Hợp đồng thì thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm biết và yêu cầu khắc phục các vi phạm đó. Nếu thời hạn ghi trong thông báo mà Bên vi phạm không khắc phục hoặc khắc phục không đúng thì tự mình vi phạm, Bên bị vi phạm có thể thực hiện các biện pháp phù hợp với tho thu nhận giữa hai bên và quy định của pháp luật.

2. Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp thì các bên giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở bình đẳng, thiện chí. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp mà hai bên không tiến hành thương lượng hoặc thương lượng không thành thì tranh chấp sẽ giải quyết bằng trọng tài hoặc tòa án.

Điều 13: Thông báo

Mọi giao dịch giữa hai bên phải có lập thành văn bản, có chữ ký của người có thẩm quyền và đúng với nội dung nêu trong Hợp đồng này (trừ trường hợp đã có thông

báo bằng văn bản về việc thay đổi (nếu có). Nếu có chuyển qua buổi thì ngày ghi
chính xác nhất là ngày ghi trên đây xác định của buổi này chuyển. Bên nhận coi
nhận ảnh chụp của buổi chuyển tại địa điểm này trong thời gian từ 7h30 đến
16h30 trong ngày làm việc. Nếu chuyển trực tiếp thì coi nhận bên nhận ảnh chụp
chính xác khi có ký nhận của bên gửi về phía văn phòng của bên nhận.

Điều 14: Hình thức Hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và kết thúc khi bên vay trả hết nợ gốc,
nợ lãi, nợ gốc quá hạn, nợ lãi quá hạn và phí (nếu có) của toàn bộ khoản vay phát
sinh từ Hợp đồng này.

2. Các văn bản, tài liệu liên quan đến Hợp đồng này là bộ phận kèm theo và có giá
trị pháp lý theo Hợp đồng này.

3. Số tài khoản, tài khoản Hợp đồng: Việc số tài khoản, tài khoản các tài khoản của Hợp
đồng này phải có của hai bên thỏa thuận bằng văn bản do mỗi bên có thẩm quyền của
hai bên ký; những số tài khoản, tài khoản có hiệu lực thay thế, tài khoản tài khoản
trong Hợp đồng.

4. Sau khi Bên vay trả hết nợ gốc, nợ lãi, nợ gốc quá hạn, nợ lãi quá hạn, phí (nếu
có), Bên cho vay và Bên vay tiến hành thanh lý Hợp đồng này theo quy định của
pháp luật hiện hành.

5. Hợp đồng này có hiệu lực thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau: Bên cho vay
giữ 02 bản, Bên vay giữ 02 bản.

BÊN VAY

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI

BITEXCO – TRADING

(Họ tên, chức vụ, ký, đóng dấu)

BÊN CHO VAY

CHI NHÁNH NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN

THƯƠNG THIÊN HƯ

(Họ tên, chức vụ, ký, đóng dấu)

Ph 1 c 02:

C NG HÒA XÃ H I CH NGH A VI T NAM

c l p – T do – H nh phúc

H P NG TH CH P TÀI S N

HÌNH THÀNH T V N VAY

S : /2008/H TCTS- TL

C n c các quy nh pháp lu t v b o m ti n vay, pháp lu t v t ai và các quy nh pháp lu t khác có liên quan;

C n c H p ng vay v n tín d ng u t phát tri n c a Nhà n c s : 02/2008/H TD ngày 25/03/2008 gi a Ngân hàng Phát tri n Vi t Nam - Chi nhánh Th a Thiên Hu và Công ty c ph n Th y i n Bitexco – T Tr ch.

Hôm nay, ngày 25 tháng 03 n m 2008, t i: Ngân hàng Phát tri n Vi t Nam - Chi nhánh Th a Thiên Hu .

Chúng tôi g m có:

1. Bên th ch p: CÔNG TY C PH N TH Y I N BITEXCO – T TR CH

- a ch : Xã D ng Hòa, Huy n H ng Th y, T nh Th a Thiên Hu

- Do Ông: **XXX**

- Ch c v : Giám c Chi nhánh làm i di n theo gi y u quy n s xxx/Q -TC ngày xx/xx/200x c a H i ng qu n tr Công ty c ph n Th y i n Bitexco – T Tr ch.

2. Bên nh n th ch p: NGÂN HÀNG PHÁT TRI N VI T NAM – CHI NHÁNH TH A THIÊN HU .

- a ch : 02 Nguy n Th Minh Khai, TP Hu

- Do Ông: **XXX**

- Ch c v : Giám c làm i di n Gi y U quy n s xx/GUQ-NHPT-PC ngày xx/xx/200x c a T ng Giám c Ngân hàng Phát tri n Vi t Nam.

Hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng thế chấp tài sản vì nhu cầu lưu kho sau đây:

Điều 1: Tài sản thế chấp

Như tài sản dưới đây là tài sản sẽ hình thành thành vốn vay được dùng làm tài sản thế chấp bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Bên vay:

(Chi tiết theo phụ lục số 01; 02 kèm theo)

Chi tiết về tài sản sẽ quy định tại Phụ lục hợp đồng ký kết khi tài sản đã hình thành.

Giá trị tài sản thế chấp nêu tại Hợp đồng này chỉ là giá trị tạm tính tại thời điểm ký Hợp đồng, không dùng làm căn cứ xác định giá trị tài sản khi thay thế hoặc xử lý tài sản thế chấp thu hồi.

Giá trị của tài sản thế chấp sẽ xác định lại trong các trường hợp sau:

- Khi thời hạn 06 tháng kể từ thời điểm nhận giá trị tạm tính.
- Khi giá trị của tài sản cùng loại với tài sản thế chấp trên thị trường có biến động thay đổi giảm từ 20% trở lên so với giá trị của tài sản thế chấp tại thời điểm nhận giá trị tạm tính.

Điều 2: Mục đích thế chấp, nghĩa vụ bảo đảm

Bên thế chấp đồng ý dùng các tài sản thu được quy định như hợp pháp của Bên thế chấp là như tài sản sẽ hình thành thành vốn vay nêu tại Điều 1 thế chấp cho Bên nhận thế chấp nhằm bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, lãi phạt và phí (nếu có) theo Hợp đồng vay vốn tín dụng để phát triển của Nhà máy số 02/2008/HĐTD ngày 25/03/2008 ký kết giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Bitexco – Tổng Trách nhiệm Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thuận Hải.

Điều 3: Cam kết của Bên thế chấp

1. Bên thế chấp sẽ không bán, tặng, cho, trao đổi, thế chấp, góp vốn bằng tài sản thế chấp dưới bất kỳ hình thức nào trong suốt thời hạn Hợp đồng này.
2. Nếu có rủi ro xảy ra về tài sản thế chấp, Bên thế chấp sẽ có biện pháp thay thế bảo đảm nghĩa vụ bảo đảm theo Hợp đồng này.

Điều 4: Quy định và nghĩa vụ của Bên thế chấp

1. Bên mua, sau đó, khai thác tài sản thực phẩm không làm mất hoặc giảm giá trị tài sản thực phẩm so với khi ký Hợp đồng này (không tính hao mòn vô hình và khấu trừ thuế).

2. Bên nhận vốn ký quy định sau, sau đó tài sản thực phẩm trước khi đưa vào sử dụng là vốn nhàn rỗi tài sản phi ký quy định sau, sử dụng. Phải giao ngay cho Bên nhận thực phẩm bằng các giấy tờ chứng minh quy định sau, quy định và chứng nhận sau khi đã thực hiện xong nghĩa vụ với Bên nhận thực phẩm.

3. Không thay đổi, sửa chữa cấu hình và các bộ phận của tài sản thực phẩm làm giảm sút giá trị tài sản thực phẩm. Vì vậy, trước khi thông báo cho Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Thiên Hương bị từ chối thực phẩm phải áp dụng các biện pháp cần thiết tránh nguy cơ làm mất hoặc giảm sút giá trị tài sản thực phẩm, kể từ việc khai thác, sử dụng các tài sản đó.

4. Phải hợp với Bên nhận thực phẩm thực hiện việc công chứng, chứng thực thực phẩm và đăng ký, xóa đăng ký thực phẩm tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành. Chi phí công chứng, chứng thực, đăng ký và xóa đăng ký thực phẩm, xử lý tài sản thực phẩm (nếu có).

5. Không được bán, trao đổi, chuyển nhượng, cho, tặng, cho mượn, cho thuê tài sản thực phẩm, dùng tài sản thực phẩm làm tài sản bảo đảm nghĩa vụ cho bên thứ ba khi nghĩa vụ bảo đảm chưa chấm dứt hoặc chưa có biện pháp bảo đảm khác thay thế bảo đảm nghĩa vụ cho Bên nhận thực phẩm, hoặc chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Bên nhận thực phẩm.

6. Mua bảo hiểm cho tài sản thực phẩm nếu tài sản thực phẩm thuộc loại mua bảo hiểm bắt buộc theo quy định pháp luật hoặc theo yêu cầu của Bên nhận thực phẩm. Bên thực phẩm giao bằng các giấy tờ bảo hiểm cho Bên nhận thực phẩm gửi và chuyển quy định hàng năm từ khi thực hiện bảo hiểm cho Bên nhận thực phẩm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

Các tài sản phi mua bảo hiểm bắt buộc theo quy định của pháp luật xác nhận theo phương thức kèm

7. Bên thực phẩm phải thông báo ngay cho Bên nhận thực phẩm tiến hành thành tài sản thực phẩm, nếu thay đổi liên quan đến tài sản thực phẩm: nếu hình thức có khi làm mất

hoặc giá trị của tài sản thế chấp, tranh chấp về tài sản thế chấp.

8. Thẻ tín dụng Phlchip được mô tả chi tiết về tài sản thế chấp ngay sau khi tài sản được hình thành và tiến hành thủ tục thay đổi đăng ký giao dịch bảo đảm.

9. Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5: Quy định và nghĩa vụ Bên nhận thế chấp

1. Giám đốc giám đốc quy định, sử dụng, quản lý, các giám đốc và bảo hiểm tài sản (nếu có) và các giám đốc khác liên quan đến tài sản thế chấp, chịu trách nhiệm về việc bảo quản những giám đốc và phí giao dịch cho Bên thế chấp sau khi Bên thế chấp đã thực hiện nghĩa vụ của mình, hai bên đã làm thủ tục ghi nhận thế chấp hoặc thay thế tài sản thế chấp bằng tài sản bảo đảm khác.

2. Có quy định xem xét, quyết định việc xử lý tài sản thế chấp thu hồi theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Phát triển Việt Nam khi Bên thế chấp không thực hiện đúng, nghĩa vụ trả nợ cho Bên nhận thế chấp.

3. Tiến hành kiểm tra hồ sơ xuất tài sản thế chấp.

4. Yêu cầu Bên thế chấp thông báo tiến hành thành tài sản thế chấp, tình trạng tài sản thế chấp trong quá trình sử dụng.

5. Thu hồi vay trả nợ nếu phát hiện vay không đúng sử dụng hình thành tài sản nêu tại Điều 1.

6. Thực hiện việc công chứng, chứng thực thế chấp và đăng ký, xóa đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành. Yêu cầu Bên thế chấp thanh toán mọi chi phí liên quan đến công chứng, chứng thực, đăng ký và xóa đăng ký thế chấp, xử lý tài sản thế chấp (nếu có).

Điều 6: Cách thức xử lý tài sản thế chấp

Khi phát sinh xử lý tài sản thế chấp thực hiện nghĩa vụ bảo đảm của Bên thế chấp, Bên nhận thế chấp có các cách thức xử lý như sau đây:

1. Yêu cầu Bên thế chấp làm thủ tục Bên nhận thế chấp nhận chính tài sản thế chấp. Giá trị tài sản thế chấp do hai bên thỏa thuận trên cơ sở mặt bằng giá tài sản cùng loại thị trường vào thời điểm.

2. Bên thế chấp trực tiếp bán tài sản thế chấp trả Bên nhận thế chấp, giá bán

t i thi u c a tài s n th ch p do hai bên tho thu n trên c s m t b ng giá tài s n cùng lo i t i a ph ng vào th i i m ó. Giá bán tài s n th ch p không c th p h n giá t i thi u ã tho thu n. Th i h n bán tài s n th ch p do hai bên tho thu n th ng nh t.

3. Bên nh n th ch p ch nh c quan bán u giá phát m i tài s n th ch p, hai bên tho thu n giá kh i i m bán u giá. N u không tho thu n c v giá kh i i m thì m i bên l a ch n m t c quan nh giá nh giá tài s n th ch p, giá kh i i m bán u giá là m c giá trung bình c ng c a giá do hai c quan nh giá a ra.

4. Các cách th c khác theo quy nh c a pháp lu t.

i u 7: X lý t i n bán tài s n th ch p

1. T i n bán tài s n th ch p và toàn b t i n t c c c a nh ng ng i mua (tr ng h p nh ng ng i mua ã t c c nh ng không mua n a) và các kho n t i n khác thu c t bán tài s n th ch p theo i u 6 H p ng này c chuy n vào tài kho n phong to m t i Chi nhánh Ngân hàng Phát tri n Th a Thiên Hu (Bên nh n th ch p) x lý theo quy nh t i kho n 2 i u này.

2. T i n thu c t bán tài s n th ch p nêu t i kho n 1 c đ ng thanh toán các chi phí b o qu n, bán tài s n th ch p, ngh a v tài chính v i Nhà n c liên quan n v i c x lý tài s n b o m (thu , phí, l phí) tr n g c, n lãi, lãi ph t quá h n và phí (n u có) cho Bên nh n th ch p; n u còn th a thì Bên nh n th ch p s chuy n tr cho Bên th ch p, n u thi u thì Bên th ch p ph i t i p t c nh n n i v i ph n còn l i ch a c thanh toán và có k ho ch tr n cho Bên nh n th ch p. N u tài s n th ch p c đ ng b o m cho nhi u ngh a v tr n i v i hai hay nhi u ch th khác thì Bên nh n th ch p c u tiên thanh toán theo quy nh pháp lu t v giao d ch b o m và các quy nh pháp lu t khác có liên quan.

i u 8. Thay i v b o m

Bên th ch p ch c thay th bi n pháp b o m ho c tài s n th ch p b ng bi n pháp ho c tài s n khác khi có yêu c u c a Bên nh n th ch p. Trong tr ng h p này, hai bên s t i n hành ký H p ng m i ho c H p ng s a i, b sung.

i u 9: Vi ph m h p ng và x lý vi ph m, gi i quy t tranh ch p

1. Vi ph m và x lý vi ph m: Trong quá trình th c hi n H p ng này, n u m t

Bên phát hiện Bên kia vi phạm Hợp đồng thì thông báo bằng văn bản cho Bên vi phạm biết và yêu cầu khắc phục các vi phạm đó. Hợp đồng ghi trong thông báo mà Bên vi phạm không khắc phục hoặc không khắc phục thỏa mãn các vi phạm, Bên còn lại có thể hiện các biện pháp sau: yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm bảo vệ quyền lợi của mình hoặc tiến hành xử lý tài sản thế chấp thu nợ.

2. Giải quyết tranh chấp: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp thì các bên giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở thiện chí, bình đẳng. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp mà hai bên không tiến hành thương lượng hoặc thương lượng không thành thì tranh chấp sẽ giải quyết bằng trọng tài thương mại hoặc tòa án.

Điều 10: Hợp lệ của hợp đồng.

1. Hợp đồng này có hiệu lực thi hành kể từ ngày hai bên ký vào hợp đồng và ghi danh trong các trường hợp sau:

- Bên thế chấp đã thực hiện xong nghĩa vụ bảo đảm;
- Các Bên nhận thế chấp đồng ý bằng văn bản hoặc có thay thế bằng biện pháp bảo đảm khác;
- Tài sản thế chấp đã xử lý;
- Theo thỏa thuận của hai bên.

2. Về số tiền, bổ sung các điều khoản của Hợp đồng này phải có hai bên thỏa thuận thống nhất và thể hiện bằng văn bản. Những số tiền, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung điều khoản tương ứng trong Hợp đồng.

3. Hợp đồng này có hiệu lực thành 05 bản, có giá trị pháp lý như nhau: Bên thế chấp giữ 02 bản, Bên nhận thế chấp giữ 02 bản, 01 bản để giữ cơ quan đăng ký thế chấp.

BÊN THẾ CHẤP
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP
BITEXCO – THƯƠNG CHẾ
(Họ tên, chức vụ, ký, đóng dấu)

BÊN NHẬN THẾ CHẤP
CHI NHÁNH NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Họ tên, chức vụ, ký, đóng dấu)

Ph 1 c 03:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHẨN C NHẬN VAY

Số khách ký tên vay NHPT:.....

(Dùng cho tín dụng trung và dài hạn)

1. Số tiền vay:.....
2. Tên đơn vị:
3. Ngày cấp tín dụng: ngày tháng năm
4. Tên người vay:
- Bên gửi:
- Bên nhận:
5. Lãi suất: %
6. Thời hạn vay: tháng trả hàng tháng mặt trả hàng tháng
 Số tiền trả: số tiền lãi hàng tháng
7. Tài khoản tiền vay:
- Tài khoản vay tại ngân hàng VN:
- Tài khoản vay bên ngoài:

....., ngày tháng năm

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

N V NHPT

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Khách có mặt bên chính duy nhất do kế toán số tiền vay NHPT ghi có giá trị pháp lý. Mọi bản sao chép có giá trị chỉ dùng.
- Người có nhiệm vụ ký nhận tiền vay bắt buộc phải có giấy ủy nhiệm kèm theo và kẹp kèm hồ sơ này.

I. NHẬN TIỀN VAY VÀ TRẢ (TRUNG VÀ DÀI HẠN)

Ngày tháng năm	Số chi nhánh	Nhận tiền vay				Trả tiền vay		Chuyển khoản quá hạn	Số	Trang Phòng tài chính kế toán NHPT.....
		Số tiền vay	Ngày nhận tiền vay			Số tiền trả gốc	Số tiền trả lãi			
			Họ và tên	Giấy quy định (số ngày tháng năm)	Ký nhận					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11

II. THEO DÕI NHẬN QUÁ HẠN:

Ngày, tháng, năm	Số chi nhánh	Số tiền chuyển khoản quá hạn	Số tiền trả	Đến quá hạn	Phụ trách TCKT ký
1	2	3	4	5=3-4	6

III – THEO DÕI TR LÃI

Ngày, tháng, năm	S hi u ch ng t	S lãi ph i tr	Lãi ã tr	Lãi ch a tr	Lãi ân h n
1	2	3	4	5=3-4	6

IV – THEO DÕI THAY I

STT	N i dung	S ti n	Th i h n tr (ho c lãi su t) c	Th i h n tr n (ho c lãi su t) m i	V n b n duy t		
					V n b n m i S , ngày, tháng, năm	C p quy t nh	Ngày có hi u l c
1	2	3	4	5	6	7	8

Kh c này c t t toán ngày

PH TRÁCH TCKT NV NHPT

(Ký, h tên, óng d u)

Ph 1 c 04: Trình CV-TCKT/B-TTr về việc Gi i ngân cho Nhà th u

CÔNG TY C PH N TH Y C NG HÒA XÃ H ICH NGH A VI T NAM
I N BITEXCO – T TR CH c l p – T đo – H nh phúc

Trình: /2014/CV-TCKT/B-TTr

V/v: Gi i ngân cho Nhà th u

Kính g i: Ngân hàng Phát tri n Vi t Nam – Chi nhánh TT Hu

C n c :

- H p ng vay v n tín d ng u t s 02/2008/HDTD ngày 25/03/2008; H p ng vay v n tín d ng u t s 05/2009/H TD-NHPT ngày 05/05/2009 và các ph l c H p ng s a i kèm theo gi a Công ty CP Th y i n Bitexco – T Tr ch và Chi nhánh Ngân hàng phát tri n Th a Thiên Hu ;

- H p ng kinh t s 08/H KT/2012 ngày 28/03/2012 và các ph l c h p ng s a i kèm theo ký gi a Công ty C ph n Th y i n Bitexco – T Tr ch và Công ty C ph n Sông à 505 v i c thi công h ng m c bê tông nhà máy, ng ng áp l c, kênh x , Tr m phân ph i;

- H s thanh toán s 11 ký ngày 25/11/2013 c a nhà th u;

- ngh thanh toán c a nhà th u;

Công ty C ph n Th y i n Bitexco – T Tr ch kính ngh quý Ngân hàng gi i ngân cho Công ty C ph n Sông à 505 ti n kh i l ng hoàn thành thi công h ng m c Bê tông nhà máy, ng ng áp l c, kênh x , tr m phân ph i theo h p ng kinh t s 08/H KT/2012 ngày 28/03/2012 t ngu n v n vay tín d ng u t phát tri n c a nhà n c v i s i t i n” 6,600,000,000 ng. (B ng ch : Sáu t , sáu tr m tri u ng ch n)

n v th h ng: Công ty c ph n Sông à 505

S tài kho n: 1020.10000.693.978

T i: Ngân hàng TMCP Công Th ng Vi t Nam – CN Ng hàng S n

Xin trân tr ng cảm n!

N i g i:

- Nh trên;

- L u KTTC

CÔNG TY C PH N TH Y I N
BITEXCO – T TR CH

Ph 1 c 05:

<p>CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP BITECO – T R CH S : 203/CT</p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- Hu , ngày 17 tháng 06 năm 2014</p>						
<p>NGHĨA VỤ VAY TÍN DỤNG ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN C A NHÀ N C Kính g i: Chi nhánh Ngân hàng Phát tri n Th a Thiên Hu</p>							
<p>- Tên d án : Th y i n T R ch - Ch u t : Công ty Cổ phần Th y i n Bitexco – T R ch - a ch : Xã Đ ng Hòa, huy n H ng Th y, t nh Th a Thiên Hu - Tên ng i i : Phan Răng đi n Ch c v : Giám c</p>							
<p>- C n c h p ng vay v n tín d ng u t s 02/2008/H TD ngày 25/03/2008; ; H p ng vay v n tín d ng u t s 05/2009/H TD-NHPT ngày 05/05/2009 và các ph l c H p ng s a i kèm theo gi a Công ty CP Th y i n Bitexco – T R ch và Chi nhánh Ngân hàng phát tri n Th a Thiên Hu ; - H p ng kinh t s 08/H KT/2012 ngày 28/03/2012 và các ph l c h p ng s a i kèm theo ký gi a Công ty Cổ phần Th y i n Bitexco – T R ch và Công ty Cổ phần Sông à 505 v i c thi công h ng m c bê tông nhà máy, ng ng áp l c, kênh x , Tr m phân ph i; - H s thanh toán s 11 ký ngày 25/11/2013 c a nhà th u; - ng thanh toán c a nhà th u;</p>							
<p>1. D n vay c a Ch u t tr c ngày nh n n l n này: 222,446,831,700 ng (B ng ch : Hai tr m hai m i t , b n tr m b n m i sáu tri u, tám tr m ba m i m t nghìn, b y tr m ng) 2. ng c a Chi nhánh Ngân hàng phát tri n cho ch u t gi i ngân:</p>							
N i dung	Giá h p ng/d toán công vi c	L y k s v n ã gi i ngân		S v n ngh gi i ngân		S v ng i i ngân th c t	Hình th c gi i ngân (t m ng/thanh toán)
		T ng s	Tr ó: d t m ng	T ng s	Tr ó: d t m ng		
Thi công h ng m c bê tông nhà máy, ng ng áp l c, kênh x , tr m phân ph i 11	113,254,823,000	13,847,417,000	0	6,600,000,000	0	6,600,000,000	Thanh toán
T ng c ng	113,254,823,000	13,847,417,000	0	6,600,000,000	0	6,600,000,000	
<p>S v n ngh gi i ngân b ng ch : Sáu t , sáu tr m tri u ng + S thu h i t m ng b ng ch : không ng + S chuy n tr cho n v th h ng b ng ch : Sáu t , sáu tr m tri u ng</p>							
<p>3. Tên doanh nghi p/ng i th h ng: Công ty Cổ phần Sông à 505 S tài kho n: 1020.10000.693.978</p>							
<p>T i: NH TMCP Công th ng VN – CN Ng hành S n</p>							

4. Công ty Cổ phần Bitexco – Tổng Trìch hoàn toàn chịu trách nhiệm trình pháp luật về giá trị nghĩa vụ ngân sách thanh toán theo quy định của pháp luật về XDCT

K TỐÁN TR ỜNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM C

CÔNG TY CỔ PHẦN BITEXCO - TỔNG TRỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PH ỜN GHI C Ả CHI NH ỜNH NG ỜN H ỜNG PHÁT TR ỜN TH ỜA THI ỜN H ỜU

1. Số vốn của Chi nhánh ngân hàng phát triển chấp nhận ghi ngân:

N Ời dung	Giá h Ờp ng/d Ờ toán c Ờng v Ời c	L Ờy k Ờ s Ờ v Ờ n Ờ ã g Ờ i ng Ờn		S Ờ v Ờ n Ờ ngh Ờ g Ờ i ng Ờn		S Ờ v Ờ n Ờ g Ờ i ng Ờn th Ờ c t	H Ờnh th Ờ c g Ờ i ng Ờn (t Ờ m Ờ ng/thanh t Ờ toán)
		T Ờ ng s	Tr Ờ ó: d Ờ t Ờ m ng	T Ờ ng s	Tr Ờ ó: d t Ờ m ng		
Th Ời c Ờng h Ờ ng m Ờ c b Ờ t Ờng nh Ờa m Ờy, Ờ ng Ờ ng Ờ Ờp l Ờ c, k Ờnh x Ờ, t Ờ m Ờ phân ph Ờ i l l	113,254,823,000	13,847,417,000	0	6,600,000,000	0	6,600,000,000	Thanh toán
T Ờ ng c Ờ ng	113,254,823,000	13,847,417,000	0	6,600,000,000	0	6,600,000,000	

- B Ờ ng ch Ờ : Sáu t Ờ, sáu t Ờ m t Ời u Ờ ng
ch Ờ n

2. Số tiền chi ghi ngân:

- B Ờ ng s Ờ :

- B Ờ ng ch Ờ :

- Lý do:

C ỜN B Ờ T Ờ Đ Ờ NG

(Ký, ghi rõ họ tên)

TR Ờ NG PHÒNG T Ờ Đ Ờ NG

(Ký, ghi rõ họ tên)

H Ờu, ngày 17 tháng 06 n Ờ m 2014

GIÁM C

CHI NH ỜNH NHPT TH ỜA THI ỜN H ỜU

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ph lục 06:

CHI NHÁNH NHPT TTHU C NG HÒA XÃ H ICH NGH A VI T NAM
Phòng T ng h p c l p – T do – H nh phúc
S : 03/2014/TTH.NV

Hu , ngày 19 tháng 06 n m 2014

THÔNG BÁO NGU N V N GI I NGÂN

Ngày 19/6/2014

Kính g i: Phòng Tài chính – K toán

- C n c công v n s 4324/NHPT-TCKT ngày 27/10/2010 c a Ngân hàng Phát tri n Vi t Nam v công tác ki m soát m t s nghi p v t i NHPT Vi t Nam;
- C n c v n b n y quy n s 798/NHPT.TTH-TH ngày 31/12/2010 c a Giám c Chi nhánh NHPT Th a Thiên Hu v vi c ký thông báo c a Chi nhánh v t ng l n gi i ngân;
- C n c phân b h n m c s 411-019965 ngày 19/6/2014 do Ngân hàng Phát tri n Vi t Nam duy t;
- C n c nhu c u v n ký ngày 18/06/2014 c a Phòng Tín d ng.

Phòng T ng h p thông báo ngu n v n gi i ngân tín d ng u t ngày 19/06/2014 nh sau:

STT	Tên d án	K ho ch c thông báo Quý II/2014	L y k s ã thông báo	S t i n thông báo t này
I	Tín d ng u t			
1	Th y i n T Tr ch	12,553,000,000	0	7,346,752,000
II	Tín d ng xu t kh u			
	T ng c ng	12,553,000,000	0	7,346,752,000

S t i n b ng ch : B y t ba tr m b n m i sáu triệu bày tr m n m m i hai ngàn ng ch n./.

N i g i:

- Nh trên;

- L u: TH

TPT NGH P

(Ký, ghi rõ h tên)

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ THIÊN HƯ

Số: 06/KSC
(ban hành kèm theo CV 4234/NHPT-TCKT ngày 27/10/2010)

PHIẾU KIỂM SOÁT CHI GIẢNG TÍN DỤNG

STT	Đanh mục chi tiết	Yêu cầu theo CV số 4234/NHPT-TCKT				Chi tiết nội dung phân loại				Ghi chú
		Bản gốc	Bản chính	Bản sao chính thức	Bản sao	Bản gốc	Bản chính	Bản sao chính thức	Bản sao	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Chi tiết nội dung phân loại									
1	- Nghỉ rút vốn vay số 13B/2014 ngày 17/06/2014 do án Thuyết trình		x			x				
2	- Giấy báo lãnh, báo hành công trình của các TCTD (nếu có)									
3	- Trình của Phòng Tín dụng (nếu có)									
4	- Thông báo của Chi nhánh tín dụng ngân hàng		x			x				
5	- Văn bản chấp thuận cho phép chi nhánh cho vay hoàn trả									
6	- Bảng chi tiết		x			x				
II	Chi tiết kiểm toán yêu cầu cung cấp tài liệu, kiểm tra									
1										
2										
3										
4										
5										

Trưởng phòng nghiệp vụ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hu, ngày 19 tháng 6 năm 2014
Trưởng phòng TCKT
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục 07:

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN VAY VỐN TÍN DỤNG ƯU ĐÃI

(Ban hành kèm theo Nghị định số 75/2011/NĐ-CP

ngày 30 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ)

STT	Ngành nghề, lĩnh vực
I	KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI (Không phân biệt địa bàn ưu đãi)
1	Dự án ưu đãi xây dựng công trình cấp nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt.
2	Dự án ưu đãi xây dựng công trình xử lý nước thải, rác thải tại các khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, bệnh viện và các cơ sở công nghiệp lành nghề.
3	Dự án xây dựng nhà cho sinh viên thuê, dự án nhà cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp thuê, dự án nhà cho người có thu nhập thấp tại các khu vực đô thị theo quy định của Thủ tướng Chính phủ
4	Dự án ưu đãi hỗ trợ, mở rộng, nâng cấp, xây dựng mới và thi công trong lĩnh vực xã hội hóa: giáo dục đào tạo, du lịch, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thuộc Danh mục hàng chính sách khuyến khích phát triển theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.
5	Dự án hỗ trợ khu công nghiệp, khu công nghiệp hạt nhân, khu chế xuất, khu công nghệ cao.
II	NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN (Không phân biệt địa bàn ưu đãi)
1	Dự án nuôi, trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm công nghiệp.
2	Dự án phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp.
3	Dự án chăn nuôi gia súc, gia cầm công nghiệp.
III	CÔNG NGHIỆP (Không phân biệt địa bàn ưu đãi)
1	Dự án ưu đãi chi trả sâu tằm quặng sản:

	<ul style="list-style-type: none"> - Sản xuất ferro hợp kim sắt có công suất thiêu 1 nghìn tấn/năm; - Sản xuất kim loại màu có công suất thiêu 5 nghìn tấn/năm; - Sản xuất bột màu ioxit titan có công suất thiêu 20 nghìn tấn/năm.
2	Đ án xuất sản xuất thuốc kháng sinh, thuốc cai nghiện, vaccine phòng bệnh và thuốc chữa bệnh HIV/AIDS; sản xuất thuốc thú y tiêu chuẩn GMP.
3	Đ án xuất xây dựng nhà máy phát điện sử dụng các nguồn năng lượng: gió, mặt trời, địa nhiệt, sinh học và các tài nguyên năng lượng khác có khả năng tái tạo.
4	Đ án xuất xây dựng thủy điện, với công suất nhỏ hơn hoặc bằng 50MW thuốc chữa bệnh có hiệu quả kinh tế xã hội bất khả thi.
5	Đ án xuất sản xuất sản phẩm ceramic tráng men theo Quy định của Thủ tướng Chính phủ.
6	Đ án thuốc chữa bệnh các ngành công nghiệp hỗ trợ theo Quy định của Thủ tướng Chính phủ.
IV	CÁC Đ ÁN UT TI A BÀN CỐ I U KI N KINH T - XÃ H I KHÓ KH N, C BI T KHÓ KH N; Đ ÁN T I VÙNG NG BÀO DÂN T C KH ME SINH S NG T P TRUNG, CÁC XÃ THU C CH NG TRÌNH 135 VÀ CÁC XÃ BIÊN GI I THU C CH NG TRÌNH 120, CÁC XÃ VÙNG BÃI NGANG (Không bao gồm đ án thủy điện, nhiệt điện, sản xuất xi măng, sắt thép; đ án xuất nhập khẩu, công nghiệp dệt và công nghiệp).
V	CÁC Đ ÁN CHO VAY THEO HI P NH CHÍNH PH ; CÁC Đ ÁN UT RA N C NGOÀI THEO QUY T NH C A TH T NG CHÍNH PH ; CÁC Đ ÁN CHO VAY THEO CH NG TRÌNH M C TIÊU S D NG V N N C NGOÀI.